VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2017/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Trà Vinh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH TRÀ VINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Trà Vinh được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Trà Vinh.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Trà Vinh được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của từng nhóm đối tượng địa lý, gồm: dân cư, kinh tế - xã hội, thủy văn, sơn văn; các đơn vị hành chính cấp xã, gồm: thị trấn, xã; các đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thành phố, thị xã và huyện. Trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "TX." là chữ viết tắt của "thị xã" "H." là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng

theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh";

f) Địa danh trong ngoặc đơn (.) là địa danh trên bản đồ đính kèm Hiệp ước, Hiệp định và Nghị định thư phân giới cắm mốc.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH TRÀ VINH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Trà Vinh gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Trà Vinh	
2	Thị xã Duyên Hải	
3	Huyện Càng Long	
4	Huyện Cầu Kè	
5	Huyện Cầu Ngang	
6	Huyện Châu Thành	
7	Huyện Duyên Hải	
8	Huyện Tiểu Cần	
9	Huyện Trà Cú	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	Phường 1	TP. Trà Vinh	9° 56' 46"	106° 19' 50"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 1	TP. Trà Vinh	9° 56' 33"	106° 20' 04"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 1	TP. Trà Vinh	9° 56' 49"	106° 20' 11"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	Phường 1	TP. Trà Vinh	9° 57' 05"	106° 20' 18"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 1	TP. Trà Vinh			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	Phường 1	TP. Trà Vinh			9° 55' 44"	106° 19' 45"	9° 56' 22"	106° 20' 09"	C-48-57-B-a
Kênh xáng Đào	TV	Phường 1	TP. Trà Vinh			9° 57' 18"	106° 19' 16"	9° 56' 43"	106° 20' 06"	C-48-57-B-a
rạch Bến Xuồng	TV	Phường 1	TP. Trà Vinh			9° 56' 39"	106° 20' 13"	9° 56' 51"	106° 19' 26"	C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 2	TP. Trà Vinh	9° 56' 14"	106° 19' 59"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 2	TP. Trà Vinh	9° 56' 07"	106° 20' 11"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 2	TP. Trà Vinh	9° 56' 11"	106° 20' 16"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 2	TP. Trà Vinh			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
đường Điện Biên Phủ	KX	Phường 2	TP. Trà Vinh			9° 55' 28"	106° 20' 21"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-a
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	Phường 2	TP. Trà Vinh			9° 55' 44"	106° 19' 45"	9° 56' 22"	106° 20' 09"	C-48-57-B-a
đường Phan Đình Phùng	KX	Phường 2	TP. Trà Vinh			9° 55' 31"	106° 20' 11"	9° 56' 16"	106° 20' 19"	C-48-57-B-a
đường Trần Phú	KX	Phường 2	TP. Trà Vinh			9° 56' 06"	106° 20' 02"	9° 56' 02"	106° 20' 33"	C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 3	TP. Trà Vinh	9° 56' 15"	106° 20' 25"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 3	TP. Trà Vinh	9° 56' 13"	106° 20' 28"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 3	TP. Trà Vinh	9° 56' 09"	106° 20' 28"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	Phường 3	TP. Trà Vinh	9° 56' 04"	106° 20' 26"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 3	TP. Trà Vinh			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 54	KX	Phường 3	TP. Trà Vinh			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-a
đường Điện Biên Phủ	KX	Phường 3	TP. Trà Vinh			9° 55' 28"	106° 20' 21"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-a
đường Hùng Vương	KX	Phường 3	TP. Trà Vinh			9° 56' 18"	106° 20' 22"	9° 56' 17"	106° 20' 55"	C-48-57-B-a
đường Trần Phú	KX	Phường 3	TP. Trà Vinh			9° 56' 06"	106° 20' 02"	9° 56' 02"	106° 20' 33"	C-48-57-B-a
sông Long Bình	TV	Phường 3	TP. Trà Vinh			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 58' 27"	106° 21' 18"	C-48-57-B-a
ấp Long Bình	DC	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 57' 08"	106° 20' 35"					C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 21"	106° 20' 35"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 17"	106° 20' 25"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 24"	106° 20' 29"					C-48-57-B-a
Khóm 5	DC	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 28"	106° 20' 36"					C-48-57-B-a
Khóm 6	DC	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 34"	106° 20' 38"					C-48-57-B-a
Khóm 9	DC	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 27"	106° 20' 27"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 4	TP. Trà Vinh			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
cầu Long Bình 1	KX	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 16"	106° 20' 36"					C-48-57-B-a
cầu Tiệm Tương	KX	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 40"	106° 20' 40"					C-48-57-B-a
Công ty cổ phần Thủy sản Cửu Long	KX	Phường 4	TP. Trà Vinh	9° 56' 58"	106° 20' 43"					C-48-57-B-a
đường Hùng Vương	KX	Phường 4	TP. Trà Vinh			9° 56' 18"	106° 20' 22"	9° 56' 17"	106° 20' 55"	C-48-57-B-a
sông Long Bình	TV	Phường 4	TP. Trà Vinh			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 58' 27"	106° 21' 18"	C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 5	TP. Trà Vinh	9° 56' 45"	106° 20' 45"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 5	TP. Trà Vinh	9° 56' 27"	106° 20' 44"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 5	TP. Trà Vinh	9° 56' 08"	106° 20' 37"					C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 4	DC	Phường 5	TP. Trà Vinh	9° 55' 20"	106° 20' 34"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 5	TP. Trà Vinh			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
chùa Liên Hoa	KX	Phường 5	TP. Trà Vinh	9° 56' 33"	106° 20' 43"					C-48-57-B-a
đường Hùng Vương	KX	Phường 5	TP. Trà Vinh			9° 56' 18"	106° 20' 22"	9° 56' 17"	106° 20' 55"	C-48-57-B-a
Trường Đại học Trà Vinh	KX	Phường 5	TP. Trà Vinh	9° 55' 27"	106° 20' 44"					C-48-57-B-a
sông Long Bình	TV	Phường 5	TP. Trà Vinh			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 58' 27"	106° 21' 18"	C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 53"	106° 20' 18"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 45"	106° 20' 17"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 23"	106° 20' 17"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 40"	106° 20' 23"					C-48-57-B-a
Khóm 5	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 57"	106° 20' 23"					C-48-57-B-a
Khóm 6	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 56' 01"	106° 20' 23"					C-48-57-B-a
Khóm 7	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 47"	106° 20' 25"					C-48-57-B-a
Khóm 8	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 29"	106° 20' 25"					C-48-57-B-a
Khóm 9	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 52"	106° 20' 31"					C-48-57-B-a
Khóm 10	DC	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 56' 00"	106° 20' 29"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 54	KX	Phường 6	TP. Trà Vinh			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-a
Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	KX	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 37"	106° 20' 23"					C-48-57-B-a
cầu Long Bình 2	KX	Phường 6	TP. Trà Vinh	9° 55' 28"	106° 20' 31"					C-48-57-B-a
đường Điện Biên Phủ	KX	Phường 6	TP. Trà Vinh			9° 55' 28"	106° 20' 21"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-a
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	Phường 6	TP. Trà Vinh			9° 56' 18"	106° 20' 24"	9° 53' 27"	106° 20' 31"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Phan Đình Phùng	KX	Phường 6	TP. Trà Vinh			9° 55' 31"	106° 20' 11"	9° 56' 16"	106° 20' 19"	C-48-57-B-a
đường Trần Phú	KX	Phường 6	TP. Trà Vinh			9° 56' 06"	106° 20' 02"	9° 56' 02"	106° 20' 33"	C-48-57-B-a
sông Long Bình	TV	Phường 6	TP. Trà Vinh			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 58' 27"	106° 21' 18"	C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 40"	106° 20' 05"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 48"	106° 20' 08"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 54"	106° 20' 11"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 56' 00"	106° 20' 12"					C-48-57-B-a
Khóm 5	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 57"	106° 20' 00"					C-48-57-B-a
Khóm 6	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 46"	106° 19' 53"					C-48-57-B-a
Khóm 7	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 46"	106° 19' 24"					C-48-57-B-a
Khóm 8	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 56' 09"	106° 19' 45"					C-48-57-B-a
Khóm 9	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 17"	106° 19' 13"					C-48-57-B-a
Khóm 10	DC	Phường 7	TP. Trà Vinh	9° 55' 43"	106° 19' 42"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 7	TP. Trà Vinh			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
đường Kiên Thị Nhẫn	KX	Phường 7	TP. Trà Vinh			9° 55' 36"	106° 19' 59"	9° 56' 05"	106° 20' 12"	C-48-57-B-a
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	Phường 7	TP. Trà Vinh			9° 55' 44"	106° 19' 45"	9° 56' 22"	106° 20' 09"	C-48-57-B-a
đường Phan Đình Phùng	KX	Phường 7	TP. Trà Vinh			9° 55' 31"	106° 20' 11"	9° 56' 16"	106° 20' 19"	C-48-57-B-a
đường Trần Phú	KX	Phường 7	TP. Trà Vinh			9° 56' 06"	106° 20' 02"	9° 56' 02"	106° 20' 33"	C-48-57-B-a
đường Võ Nguyên Giáp	KX	Phường 7	TP. Trà Vinh			9° 55' 33"	106° 18' 02"	9° 55' 44"	106° 19' 45"	C-48-57-B-a
rạch Ô Chàm	TV	Phường 7	TP. Trà Vinh			9° 56' 29"	106° 18' 53"	9° 56' 45"	106° 19' 14"	C-48-57-B-a
rạch Ông Thiệp	TV	Phường 7	TP. Trà Vinh			9° 56' 12"	106° 19' 29"	9° 56' 37"	106° 19' 24"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 01"	106° 18' 51"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 25"	106° 18' 32"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 25"	106° 18' 07"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 55"	106° 18' 03"					C-48-57-B-a
Khóm 5	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 41"	106° 18' 11"					C-48-57-B-a
Khóm 6	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 58"	106° 18' 20"					C-48-57-B-a
Khóm 7	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 30"	106° 18' 42"					C-48-57-B-a
Khóm 8	DC	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 39"	106° 19' 03"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
Quốc lộ 60	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-B-a
Chùa Âng	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 00"	106° 18' 07"					C-48-57-B-a
chùa Huệ Giác	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 55"	106° 18' 27"					C-48-57-B-a
chùa Kos Keo Siri	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 29"	106° 18' 06"					C-48-57-B-a
chùa Pháp Quang	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 36"	106° 18' 51"					C-48-57-B-a
chùa Phước Nguyên	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 21"	106° 18' 07"					C-48-57-B-a
chùa Sâm Rông Ék	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 59"	106° 18' 34"					C-48-57-B-a
chùa Som Bua	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 36"	106° 18' 36"					C-48-57-B-a
chùa Sras Nẹt	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 54' 25"	106° 18' 55"					C-48-57-B-a
đường Võ Nguyên Giáp	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh			9° 55' 33"	106° 18' 02"	9° 55' 44"	106° 19' 45"	C-48-57-B-a
miếu bà Cửu Thiên	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 22"	106° 18' 05"					C-48-57-B-a
miếu Lâm Thái Sư	KX	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 09"	106° 18' 02"					C-48-57-B-a
ao Bà Om	TV	Phường 8	TP. Trà Vinh	9° 55' 07"	106° 18' 08"					C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Khóm 5 và 6	TV	Phường 8	TP. Trà Vinh			9° 54' 43"	106° 18' 27"	9° 54' 59"	106° 18' 59"	C-48-57-B-a
kênh Khóm 7	TV	Phường 8	TP. Trà Vinh			9° 54' 25"	106° 18' 45"	9° 54' 46"	106° 19' 06"	C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 49"	106° 20' 39"					C-48-57-B-a
Khóm 2	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 30"	106° 20' 42"					C-48-57-B-a
Khóm 3	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 53' 51"	106° 20' 46"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 53' 36"	106° 20' 48"					C-48-57-B-a
Khóm 5	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 53' 35"	106° 20' 23"					C-48-57-B-a
Khóm 6	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 13"	106° 20' 23"					C-48-57-B-a
Khóm 7	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 36"	106° 20' 23"					C-48-57-B-a
Khóm 8	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 20"	106° 19' 12"					C-48-57-B-a
Khóm 9	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 48"	106° 19' 43"					C-48-57-B-a
Khóm 10	DC	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 55' 24"	106° 19' 56"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 54	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-a
cầu Ô Xây	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 53' 54"	106° 19' 58"					C-48-57-B-a
cầu Tầm Phương	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 53' 27"	106° 20' 31"					C-48-57-B-a
chùa Chom Ca	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 31"	106° 19' 23"					C-48-57-B-a
chùa Lâm Phước	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 55"	106° 20' 21"					C-48-57-B-a
chùa Si La Tro	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 17"	106° 20' 24"					C-48-57-B-a
chùa Thành Tâm	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh	9° 54' 04"	106° 20' 27"					C-48-57-B-a
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	Phường 9	TP. Trà Vinh			9° 56' 18"	106° 20' 24"	9° 53' 27"	106° 20' 31"	C-48-57-B-a
kênh Tầm Phương	TV	Phường 9	TP. Trà Vinh			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 51' 25"	106° 17' 38"	C-48-57-B-a
sông Long Bình	TV	Phường 9	TP. Trà Vinh			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 58' 27"	106° 21' 18"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Công Thiện Hùng	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 59' 04"	106° 19' 07"					C-48-57-B-a
ấp Hòa Hữu Hùng	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 57' 53"	106° 18' 20"					C-48-57-B-a
ấp Huệ Sanh	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 57' 58"	106° 18' 51"					C-48-57-B-a
ấp Kinh Lớn	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 59' 30"	106° 18' 45"					C-48-57-B-a
ấp Long Đại	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	10° 00' 25"	106° 19' 04"					C-48-45-D-c
ấp Long Trị	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 58' 47"	106° 21' 37"					C-48-57-B-a
ấp Phú Hòa	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 57' 08"	106° 19' 16"					C-48-57-B-a
ấp Rạch Bèo	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	10° 00' 05"	106° 18' 52"					C-48-45-D-c
ấp Sa Bình	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 58' 26"	106° 20' 04"					C-48-57-B-a
ấp Vĩnh Hội	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 59' 15"	106° 19' 45"					C-48-57-B-a
ấp Vĩnh Hưng	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 59' 13"	106° 20' 26"					C-48-57-B-a
ấp Vĩnh Yên	DC	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 58' 00"	106° 20' 49"					C-48-57-B-a
cảng sông Long Đức	KX	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 58' 32"	106° 21' 14"					C-48-57-B-a
cầu Sóc Ruộng	KX	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 57' 46"	106° 20' 14"					C-48-57-B-a
chùa Phước Long	KX	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	10° 00' 13"	106° 19' 22"					C-48-45-D-c
đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 59' 05"	106° 19' 42"					C-48-57-B-a
đình Long Trị	KX	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 58' 52"	106° 21' 31"					C-48-57-B-a
khu công nghiệp Long Đức	KX	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 58' 30"	106° 20' 35"					C-48-57-B-a
ngã ba Đuôi Cá	KX	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 57' 35"	106° 20' 18"					C-48-57-B-a
cồn Thủy Tiên	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh	9° 59' 01"	106° 21' 33"					C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bà Chuối	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 59' 26"	106° 18' 34"	9° 59' 21"	106° 19' 29"	C-48-57-B-a; C-48-45-D-c
kênh Sóc Ruộng	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 58' 14"	106° 19' 08"	9° 58' 01"	106° 20' 46"	C-48-57-B-a
Kênh Xáng	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 58' 52"	106° 19' 07"	9° 57' 52"	106° 19' 59"	C-48-57-B-a
Kênh Xáng Đào	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 57' 18"	106° 19' 16"	9° 56' 43"	106° 20' 06"	C-48-57-B-a
rạch Cam Son	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 59' 09"	106° 19' 46"	9° 59' 39"	106° 20' 04"	C-48-57-B-a; C-48-45-D-c
rạch Công Thiện	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 59' 19"	106° 19' 01"	9° 58' 37"	106° 18' 36"	C-48-57-B-a
rạch Măng Thít	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 56' 45"	106° 19' 14"	9° 57' 04"	106° 19' 11"	C-48-57-B-a
sông Ba Trường	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 57' 16"	106° 17' 40"	9° 58' 59"	106° 18' 27"	C-48-57-B-a
sông Cần Đốt	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 58' 14"	106° 19' 08"	9° 58' 43"	106° 18' 22"	C-48-57-B-a
sông Cổ Chiên	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-45-D-c; C-48-57-B-a; C-48-57-B-b
sông Láng Thé	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 58' 15"	106° 15' 21"	10° 00' 49"	106° 15' 21"	C-48-45-D-c
sông Long Bình	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 58' 27"	106° 21' 18"	C-48-57-B-a
sông Phú Hòa	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 56' 45"	106° 19' 14"	9° 57' 53"	106° 18' 15"	C-48-57-B-a
xẻo Nhà Chung	TV	xã Long Đức	TP. Trà Vinh			9° 58' 39"	106° 19' 11"	9° 58' 14"	106° 19' 08"	C-48-57-B-a
Khóm 1	DC	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 38' 07"	106° 29' 37"					C-48-57-D-b
Khóm 2	DC	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 38' 11"	106° 29' 29"					C-48-57-D-b
Khóm 3	DC	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 38' 24"	106° 29' 52"					C-48-57-D-b
Khóm 4	DC	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 39' 01"	106° 29' 48"					C-48-57-D-b
khóm Bến Chuối	DC	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 39' 16"	106° 30' 29"					C-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Long Thạnh	DC	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 38' 15"	106° 30' 01"					C-48-58-C-a
khóm Phước Trị	DC	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 38' 25"	106° 29' 27"					C-48-57-D-b
Quốc lộ 53	KX	Phường 1	TX. Duyên Hải			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-b; C-48-58-C-a
cầu Long Toàn	KX	Phường 1	TX. Duyên Hải	9° 38' 02"	106° 29' 15"					C-48-57-D-b
Kênh 1	TV	Phường 1	TX. Duyên Hải			9° 37' 48"	106° 29' 25"	9° 38' 02"	106° 29' 59"	C-48-57-D-b
kênh Giồng Giếng	TV	Phường 1	TX. Duyên Hải			9° 38' 19"	106° 28' 05"	9° 38' 41"	106° 29' 21"	C-48-57-D-b
rạch Đường Nước	TV	Phường 1	TX. Duyên Hải			9° 37' 29"	106° 30' 00"	9° 37' 04"	106° 30' 15"	C-48-58-C-c
Rạch Hầm	TV	Phường 1	TX. Duyên Hải			9° 38' 02"	106° 30' 39"	9° 37' 48"	106° 30' 57"	C-48-58-C-a
Rạch Miễu	TV	Phường 1	TX. Duyên Hải			9° 38' 27"	106° 30' 53"	9° 38' 24"	106° 31' 24"	C-48-58-C-a
Rạch Nò	TV	Phường 1	TX. Duyên Hải			9° 38' 49"	106° 30' 44"	9° 39' 23"	106° 31' 42"	C-48-58-C-a
sông Long Toàn	TV	Phường 1	TX. Duyên Hải			9° 37' 45"	106° 28' 19"	9° 41' 00"	106° 32' 12"	C-48-58-C-a
Khóm 1	DC	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 41' 29"	106° 30' 21"					C-48-58-C-a
Khóm 2	DC	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 40' 56"	106° 30' 27"					C-48-58-C-a
Khóm 30 tháng 4	DC	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 41' 00"	106° 31' 33"					C-48-58-C-a
khóm Phước Bình	DC	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 39' 55"	106° 30' 45"					C-48-58-C-a
Quốc lộ 53	KX	Phường 2	TX. Duyên Hải			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-58-C-a
Đường tỉnh 914	KX	Phường 2	TX. Duyên Hải			9° 38' 05"	106° 18' 08"	9° 41' 36"	106° 30' 07"	C-48-58-C-a
cảng cá Láng Chim	KX	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 41' 03"	106° 31' 43"					C-48-58-C-a
cầu Láng Chim	KX	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 40' 55"	106° 32' 10"					C-48-58-C-a
chợ Phường 2	KX	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 41' 23"	106° 30' 28"					C-48-58-C-a
cống Bến Giá	KX	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 41' 03"	106° 30' 21"					C-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngã ba Cây Me	KX	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 40' 56"	106° 30' 53"					C-48-58-C-a
đập Bến Giá	TV	Phường 2	TX. Duyên Hải	9° 41' 19"	106° 30' 28"					C-48-58-C-a
Rạch Nò	TV	Phường 2	TX. Duyên Hải			9° 38' 49"	106° 30' 44"	9° 39' 23"	106° 31' 42"	C-48-58-C-a
sông Bến Giá	TV	Phường 2	TX. Duyên Hải			9° 39' 50"	106° 27' 18"	9° 41' 01"	106° 32' 07"	C-48-58-C-a
sông Long Toàn	TV	Phường 2	TX. Duyên Hải			9° 37' 45"	106° 28' 19"	9° 41' 00"	106° 32' 12"	C-48-58-C-a
ấp Cồn Ông	DC	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải	9° 37' 31"	106° 31' 49"					C-48-58-C-a
ấp Giồng Giếng	DC	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải	9° 35' 41"	106° 30' 35"					C-48-58-C-c
ấp Láng Cháo	DC	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải	9° 35' 35"	106° 31' 33"					C-48-58-C-c
ấp Mù U	DC	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải	9° 35' 14"	106° 30' 47"					C-48-58-C-c
xóm Bảy Đồn	DC	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải	9° 36' 57"	106° 32' 15"					C-48-58-C-c
chùa Bà Tám	KX	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải	9° 35' 09"	106° 30' 33"					C-48-58-C-c
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	KX	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải	9° 34' 48"	106° 31' 18"					C-48-58-C-c
Kênh Xáng	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 36' 56"	106° 30' 00"	9° 35' 48"	106° 28' 16"	C-48-58-C-c; C-48-57-D-d
Rạch Khém	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 36' 25"	106° 30' 28"	9° 37' 27"	106° 30' 52"	C-48-58-C-c
rạch Xèo Chồn	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 35' 38"	106° 31' 55"	9° 34' 38"	106° 31' 30"	C-48-58-C-c
sông Cồn Tàu	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 35' 47"	106° 32' 26"	9° 38' 07"	106° 31' 21"	C-48-58-C-c
sông Láng Cháo	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 35' 38"	106° 31' 55"	9° 33' 51"	106° 28' 31"	C-48-58-C-c
sông Long Toàn	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 37' 45"	106° 28' 19"	9° 41' 00"	106° 32' 12"	C-48-58-C-a; C-48-58-C-c
vàm Khâu Lầu	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 36' 11"	106° 32' 23"	9° 35' 47"	106° 32' 26"	C-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
vàm Láng Cháo	TV	xã Dân Thành	TX. Duyên Hải			9° 36' 11"	106° 32' 23"	9° 35' 38"	106° 31' 55"	C-48-58-C-c
Ấp Bào	DC	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải	9° 44' 41"	106° 33' 24"					C-48-58-C-a
ấp Cây Da	DC	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải	9° 44' 19"	106° 33' 03"					C-48-58-C-a
Ấp Chợ	DC	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải	9° 44' 56"	106° 32' 33"					C-48-58-C-a
chợ Hiệp Thạnh	KX	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải	9° 44' 21"	106° 32' 40"					C-48-58-C-a
rạch Ba Phố	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 43' 13"	106° 33' 45"	9° 43' 07"	106° 34' 03"	C-48-58-C-a
Rạch Cạn	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 42' 59"	106° 33' 19"	9° 43' 02"	106° 34' 08"	C-48-58-C-a
rạch Cồn Bần	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 41' 52"	106° 32' 13"	9° 41' 29"	106° 33' 12"	C-48-58-C-a
Rạch Điệp	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 42' 43"	106° 33' 49"	9° 42' 31"	106° 33' 22"	C-48-58-C-a
Rạch Lầy	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 42' 03"	106° 32' 12"	9° 42' 48"	106° 32' 22"	C-48-58-C-a
rạch Lầy Bé	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 41' 44"	106° 32' 25"	9° 41' 52"	106° 32' 13"	C-48-58-C-a
rạch Ngã Cái	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 42' 48"	106° 32' 22"	9° 44' 26"	106° 32' 32"	C-48-58-C-a
Rạch Ta	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 43' 42"	106° 34' 02"	9° 44' 11"	106° 32' 49"	C-48-58-C-a
sông Ba Vinh	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 41' 42"	106° 33' 41"	9° 42' 08"	106° 34' 07"	C-48-58-C-a
sông Bến Chùa	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 43' 55"	106° 28' 36"	9° 45' 11"	106° 32' 24"	C-48-58-C-a; C-48-58-A-c
Sông Giăng	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 45' 03"	106° 32' 27"	9° 41' 32"	106° 33' 40"	C-48-58-C-a
sông Láng Chim	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 41' 00"	106° 32' 12"	9° 41' 17"	106° 33' 32"	C-48-58-C-a
sông Mỏ Quạ	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 42' 27"	106° 32' 09"	9° 41' 52"	106° 32' 13"	C-48-58-C-a
sông Ông Tà	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 44' 21"	106° 32' 03"	9° 42' 27"	106° 32' 09"	C-48-58-C-a
vàm Láng Nước	TV	xã Hiệp Thạnh	TX. Duyên Hải			9° 41' 17"	106° 33' 32"	9° 41' 52"	106° 34' 15"	C-48-58-C-a
Ấp 10	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 41' 16"	106° 30' 43"					C-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 11	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 42' 01"	106° 30' 45"					C-48-58-C-a
Ấp 12	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 41' 30"	106° 29' 31"					C-48-57-D-b
Ấp 13	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 41' 24"	106° 28' 58"					C-48-57-D-b
Ấp 14	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 41' 13"	106° 28' 12"					C-48-57-D-b
Ấp 15	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 40' 25"	106° 27' 59"					C-48-57-D-b
Ấp 16	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 40' 34"	106° 28' 40"					C-48-57-D-b
Ấp 17	DC	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 41' 04"	106° 29' 45"					C-48-57-D-b
Quốc lộ 53	KX	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-b; C-48-58-C-a
Đường tỉnh 914	KX	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 38' 05"	106° 18' 08"	9° 41' 36"	106° 30' 07"	C-48-57-D-b; C-48-58-C-a
cầu Số 9	KX	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 43' 05"	106° 31' 05"					C-48-58-C-a
đình Hội Hữu	KX	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 41' 37"	106° 28' 27"					C-48-57-D-b
Dòng Xằm	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 42' 14"	106° 31' 10"	9° 42' 12"	106° 32' 08"	C-48-58-C-a
ngã ba Cây Tràm	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải	9° 40' 26"	106° 29' 29"					C-48-57-D-b
rạch Bà Bẹ	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 42' 19"	106° 31' 08"	9° 41' 06"	106° 31' 34"	C-48-58-C-a
rạch Cồn Bần	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 41' 52"	106° 32' 13"	9° 41' 29"	106° 33' 12"	C-48-58-C-a
sông Bến Chùa	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 43' 55"	106° 28' 36"	9° 45' 11"	106° 32' 24"	C-48-58-C-a
sông Bến Giá	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 39' 50"	106° 27' 18"	9° 41' 01"	106° 32' 07"	C-48-57-D-b; C-48-58-C-a
sông Giồng Trôm	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 39' 28"	106° 29' 06"	9° 40' 23"	106° 29' 20"	C-48-57-D-b
sông Láng Chim	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 41' 00"	106° 32' 12"	9° 41' 17"	106° 33' 32"	C-48-58-C-a
sông Mỏ Quạ	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 42' 27"	106° 32' 09"	9° 41' 52"	106° 32' 13"	C-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ông Tà	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 44' 21"	106° 32' 03"	9° 42' 27"	106° 32' 09"	C-48-58-C-a
Xẻo Hàng	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 41' 48"	106° 31' 48"	9° 41' 52"	106° 32' 13"	C-48-58-C-a
xẻo Hang Sấu	TV	xã Long Hữu	TX. Duyên Hải			9° 40' 59"	106° 29' 49"	9° 40' 44"	106° 29' 58"	C-48-57-D-b
ấp Bào Sen	DC	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 37' 33"	106° 28' 46"					C-48-57-D-b
ấp Giồng Giếng	DC	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 38' 35"	106° 29' 02"					C-48-57-D-b
ấp Giồng Ổi	DC	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 39' 01"	106° 26' 54"					C-48-57-D-b
ấp Giồng Trôm	DC	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 39' 08"	106° 28' 37"					C-48-57-D-b
ấp Long Điền	DC	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 38' 12"	106° 28' 33"					C-48-57-D-b
ấp Phước An	DC	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 39' 44"	106° 30' 04"					C-48-58-C-a
ấp Thống Nhất	DC	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 37' 25"	106° 29' 20"					C-48-57-D-d
Quốc lộ 53	KX	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-b; C-48-57-D-d
cầu Long Toàn	KX	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 38' 02"	106° 29' 15"					C-48-57-D-b
kênh Giồng Giếng	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 38' 19"	106° 28' 05"	9° 38' 41"	106° 29' 21"	C-48-57-D-b
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-b
Kênh Xáng	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 36' 56"	106° 30' 00"	9° 35' 48"	106° 28' 16"	C-48-57-D-d; C-48-58-C-c
lương Sen Lớn	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 39' 16"	106° 26' 21"	9° 39' 28"	106° 29' 06"	C-48-57-D-b
ngã ba Cây Tràm	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải	9° 40' 26"	106° 29' 29"					C-48-57-D-b
rạch Bờ Lác	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 38' 05"	106° 26' 25"	9° 38' 34"	106° 27' 37"	C-48-57-D-b
rạch Chứa Lớn	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 38' 37"	106° 26' 20"	9° 38' 33"	106° 27' 06"	C-48-57-D-b
rạch Chứa Nhỏ	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 38' 26"	106° 26' 26"	9° 38' 33"	106° 27' 06"	C-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bến Giá	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 39' 50"	106° 27' 18"	9° 41' 01"	106° 32' 07"	C-48-57-D-b; C-48-58-C-a
sông Giồng Ổi	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 37' 39"	106° 26' 24"	9° 39' 16"	106° 26' 21"	C-48-57-D-b
sông Giồng Trôm	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 39' 28"	106° 29' 06"	9° 40' 23"	106° 29' 20"	C-48-57-D-b
sông Long Toàn	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 37' 45"	106° 28' 19"	9° 41' 00"	106° 32' 12"	C-48-57-D-b
sông Ông Tà	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 38' 33"	106° 27' 06"	9° 37' 48"	106° 28' 18"	C-48-57-D-b
xẻo Đường Khai	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 39' 16"	106° 29' 19"	9° 38' 24"	106° 28' 01"	C-48-57-D-b
xẻo Hàm Trâu	TV	xã Long Toàn	TX. Duyên Hải			9° 39' 49"	106° 29' 57"	9° 40' 26"	106° 29' 29"	C-48-57-D-b
ấp Ba Động	DC	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 40' 30"	106° 33' 21"					C-48-58-C-a
ấp Cồn Tàu	DC	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 37' 22"	106° 32' 37"					C-48-58-C-c
ấp Cồn Trứng	DC	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 37' 43"	106° 33' 20"					C-48-58-C-a
ấp Khoán Tiều	DC	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 38' 30"	106° 33' 44"					C-48-58-C-a
ấp Nhà Mát	DC	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 40' 13"	106° 34' 19"					C-48-58-C-a
cầu Ba Động	KX	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 40' 33"	106° 33' 29"					C-48-58-C-a
cầu Láng Chim	KX	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 40' 55"	106° 32' 10"					C-48-58-C-a
di tích lịch sử Bến tiếp nhận vũ khí Cồn Trứng	KX	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 36' 58"	106° 32' 31"					C-48-58-C-c
di tích lịch sử Đình miếu Cồn Trứng	KX	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 37' 47"	106° 33' 14"					C-48-58-C-a
khu du lịch Ba Động	KX	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 37' 29"	106° 33' 33"					C-48-58-C-c
lăng Ông Cồn Tàu	KX	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 37' 59"	106° 32' 57"					C-48-58-C-a
thiền viện trúc lâm Trà Vinh	KX	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải	9° 39' 21"	106° 34' 12"					C-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Yên Cờ	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 39' 25"	106° 34' 03"	9° 39' 01"	106° 33' 45"	C-48-58-C-a
Rạch Gạo	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 38' 28"	106° 33' 20"	9° 38' 15"	106° 32' 57"	C-48-58-C-a
Rạch Giồng	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 38' 26"	106° 33' 33"	9° 38' 07"	106° 33' 01"	C-48-58-C-a
rạch Hồ Cờ	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 36' 18"	106° 32' 42"	9° 36' 16"	106° 32' 20"	C-48-58-C-c
rạch Hồ Lớn	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 37' 14"	106° 33' 21"	9° 36' 26"	106° 32' 17"	C-48-58-C-c
Rạch Kinh	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 39' 15"	106° 33' 21"	9° 39' 01"	106° 33' 45"	C-48-58-C-a
Rạch Lá	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 38' 42"	106° 33' 18"	9° 40' 22"	106° 32' 03"	C-48-58-C-a
Rạch Lâu	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 40' 13"	106° 32' 58"	9° 40' 03"	106° 33' 26"	C-48-58-C-a
rạch Mũi Chùa	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 40' 01"	106° 34' 07"	9° 39' 26"	106° 33' 46"	C-48-58-C-a
rạch Ông Bích	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 40' 19"	106° 34' 18"	9° 40' 13"	106° 33' 28"	C-48-58-C-a
rạch Ông Năm	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 37' 57"	106° 32' 52"	9° 38' 07"	106° 32' 43"	C-48-58-C-a
rạch Ông Thiện	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 40' 17"	106° 32' 18"	9° 40' 21"	106° 32' 41"	C-48-58-C-a
rạch Ông Tơ	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 37' 56"	106° 32' 11"	9° 38' 52"	106° 32' 14"	C-48-58-C-a
rạch Ông Trụ Dừa	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 40' 50"	106° 33' 32"	9° 41' 42"	106° 34' 12"	C-48-58-C-a
Rạch Sâu	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 38' 13"	106° 32' 57"	9° 39' 53"	106° 31' 55"	C-48-58-C-a
rạch Thông Lưu	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 38' 15"	106° 32' 35"	9° 38' 09"	106° 32' 59"	C-48-58-C-a
sông Ba Động	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 38' 42"	106° 33' 18"	9° 41' 09"	106° 33' 32"	C-48-58-C-a
sông Cồn Tàu	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 35' 47"	106° 32' 26"	9° 38' 07"	106° 31' 21"	C-48-58-C-c
sông Cồn Trứng	TV	xã Trường Long Hòa	TX. Duyên Hải			9° 38' 42"	106° 33' 18"	9° 37' 03"	106° 32' 31"	C-48-58-C-c; C-48-58-C-a
sông Láng Chim	TV	xã Trường Long	TX. Duyên Hải			9° 41' 00"	106° 32' 12"	9° 41' 17"	106° 33' 32"	C-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Long Toàn	TV	xã Trường Long	TX. Duyên Hải			9° 37' 45"	106° 28' 19"	9° 41' 00"	106° 32' 12"	C-48-58-C-a
vàm Khâu Lầu	TV	xã Trường Long	TX. Duyên Hải			9° 36' 11"	106° 32' 23"	9° 35' 47"	106° 32' 26"	C-48-58-C-c
vàm Láng Nước	TV	xã Trường Long	TX. Duyên Hải			9° 41' 17"	106° 33' 32"	9° 41' 52"	106° 34' 15"	C-48-58-C-a
Khóm 1	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 59' 48"	106° 12' 02"					C-48-45-C-d
Khóm 2	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	10° 00' 15"	106° 12' 14"					C-48-45-C-d
Khóm 3	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	10° 00' 32"	106° 12' 02"					C-48-45-C-d
Khóm 4	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	10° 00' 26"	106° 12' 17"					C-48-57-A-b
Khóm 5	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 59' 17"	106° 12' 09"					C-48-45-C-d
Khóm 6	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 58' 48"	106° 11' 46"					C-48-45-C-d
Khóm 7	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 58' 42"	106° 12' 38"					C-48-45-C-d
Khóm 8	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 59' 09"	106° 12' 44"					C-48-57-A-b
Khóm 9	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	10° 00' 34"	106° 13' 18"					C-48-45-C-d
Khóm 10	DC	TT. Càng Long	H. Càng Long	10° 00' 36"	106° 12' 44"					C-48-45-C-d
Quốc lộ 53	KX	TT. Càng Long	H. Càng Long			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-A-b; C-48-45-C-d
cầu Mây Tức	KX	TT. Càng Long	H. Càng Long	10° 00' 44"	106° 12' 15"					C-48-45-C-d
cầu Mỹ Huê	KX	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 58' 58"	106° 12' 04"					C-48-57-A-b
Cầu Suối	KX	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 58' 43"	106° 11' 49"					C-48-57-A-b
chùa Ấn Tâm	KX	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 59' 45"	106° 12' 14"					C-48-57-A-b
chùa Hưng Huệ Tự	KX	TT. Càng Long	H. Càng Long	9° 59' 08"	106° 12' 04"					C-48-57-A-b
kênh Đùng Đình	TV	TT. Càng Long	H. Càng Long			9° 59' 22"	106° 12' 16"	9° 58' 41"	106° 13' 21"	C-48-57-A-b
kênh Khai Luông	TV	TT. Càng Long	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 42"	10° 00' 46"	106° 12' 00"	C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Càng Long	TV	TT. Càng Long	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 03' 31"	106° 13' 46"	C-48-45-C-d; C-48-57-A-b
sông Mây Tức	TV	TT. Càng Long	H. Càng Long			10° 01' 30"	106° 07' 58"	10° 00' 18"	106° 12' 44"	C-48-45-C-d
sông Suối Cạn	TV	TT. Càng Long	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 00' 21"	106° 07' 58"	C-48-57-A-b
Ấp 3	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 58' 24"	106° 12' 18"					C-48-57-A-b
ấp 3A	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 58' 28"	106° 11' 32"					C-48-57-A-b
Ấp 4	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 58' 03"	106° 11' 42"					C-48-57-A-b
ấp 4A	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 58' 17"	106° 11' 21"					C-48-57-A-b
Ấp 5	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 57' 55"	106° 11' 22"					C-48-57-A-b
ấp 5A	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 57' 39"	106° 11' 25"					C-48-57-A-b
Ấp 6	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 56' 57"	106° 10' 46"					C-48-57-A-b
ấp 6A	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 57' 19"	106° 10' 38"					C-48-57-A-b
Ấp 7	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 56' 42"	106° 10' 26"					C-48-57-A-b
ấp 7A	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 57' 06"	106° 10' 21"					C-48-57-A-b
Ấp 8	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 56' 31"	106° 10' 10"					C-48-57-A-b
ấp 8A	DC	xã An Trường	H. Càng Long	9° 56' 46"	106° 09' 52"					C-48-57-A-b
Quốc lộ 53	KX	xã An Trường	H. Càng Long			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-A-b
cầu Ấp 8	KX	xã An Trường	H. Càng Long	9° 56' 36"	106° 09' 50"					C-48-57-A-b
cầu Mỹ Huê	KX	xã An Trường	H. Càng Long	9° 58' 58"	106° 12' 04"					C-48-57-A-b
Cầu Suối	KX	xã An Trường	H. Càng Long	9° 58' 43"	106° 11' 49"					C-48-57-A-b
kênh Cầu Ván	TV	xã An Trường	H. Càng Long			9° 56' 30"	106° 09' 54"	9° 57' 46"	106° 07' 48"	C-48-57-A-b
kênh Khương Hòa	TV	xã An Trường	H. Càng Long			9° 55' 27"	106° 15' 37"	9° 57' 47"	106° 11' 24"	C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lộ Quẹo	TV	xã An Trường	H. Càng Long			9° 56' 51"	106° 10' 10"	9° 58' 12"	106° 07' 50"	C-48-57-A-b
kênh N6	TV	xã An Trường	H. Càng Long			9° 57' 03"	106° 12' 32"	9° 55' 43"	106° 11' 34"	C-48-57-A-b
sông An Trường	TV	xã An Trường	H. Càng Long			9° 54' 53"	106° 08' 52"	9° 58' 43"	106° 11' 57"	C-48-57-A-b
sông Càng Long	TV	xã An Trường	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 03' 31"	106° 13' 46"	C-48-57-A-b
sông Suối Cạn	TV	xã An Trường	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 00' 21"	106° 07' 58"	C-48-57-A-b
Ấp 9	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 58' 16"	106° 07' 58"					C-48-57-A-b
ấp 9A	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 58' 40"	106° 08' 00"					C-48-57-A-b
ấp 9B	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 59' 42"	106° 07' 53"					C-48-57-A-b
ấp 9C	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 59' 05"	106° 07' 58"					C-48-57-A-b
ấp Lo Co	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 59' 11"	106° 10' 31"					C-48-57-A-b
ấp Lo Co A	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 59' 28"	106° 09' 54"					C-48-57-A-b
ấp Lo Co B	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 59' 45"	106° 09' 31"					C-48-57-A-b
ấp Lo Co C	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 59' 49"	106° 09' 05"					C-48-57-A-b
ấp Trung Kiên	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 58' 09"	106° 09' 05"					C-48-57-A-b
ấp Trung Thiên	DC	xã An Trường A	H. Càng Long	9° 58' 38"	106° 09' 00"					C-48-57-A-b
kênh Cầu Ván	TV	xã An Trường A	H. Càng Long			9° 56' 30"	106° 09' 54"	9° 57' 46"	106° 07' 48"	C-48-57-A-b
kênh Lộ Quẹo	TV	xã An Trường A	H. Càng Long			9° 56' 51"	106° 10' 10"	9° 58' 12"	106° 07' 50"	C-48-57-A-b
Rạch 8 Đuông	TV	xã An Trường A	H. Càng Long			9° 59' 24"	106° 08' 16"	10° 00' 17"	106° 08' 10"	C-48-57-A-b; C-48-45-C-d
rạch Bưng 9A	TV	xã An Trường A	H. Càng Long			9° 58' 51"	106° 08' 08"	9° 58' 20"	106° 08' 32"	C-48-57-A-b; C-48-45-C-d
rạch Bưng Lo Co C	TV	xã An Trường A	H. Càng Long			9° 58' 20"	106° 09' 41"	10° 00' 03"	106° 09' 14"	C-48-57-A-b; C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ngã Hậu	TV	xã An Trường A	H. Càng Long			9° 56' 22"	106° 06' 40"	10° 01' 30"	106° 07' 58"	C-48-57-A-b; C-48-45-C-d
sông Suối Cạn	TV	xã An Trường A	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 00' 21"	106° 07' 58"	C-48-57-A-b; C-48-45-C-d
ấp Cây Cách	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 58' 01"	106° 13' 18"					C-48-57-A-b
ấp Long Trị	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 59' 46"	106° 14' 20"					C-48-57-A-b
ấp Nguyệt Lãng A	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 57' 59"	106° 14' 36"					C-48-57-A-b
ấp Nguyệt Lãng B	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 57' 21"	106° 14' 24"					C-48-57-A-b
ấp Nguyệt Lãng C	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 57' 30"	106° 13' 21"					C-48-57-A-b
ấp Phú Đức 1	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 59' 30"	106° 14' 43"					C-48-57-A-b
ấp Phú Đức 2	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 58' 58"	106° 13' 59"					C-48-57-A-b
ấp Phú Hưng 1	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 58' 23"	106° 15' 41"					C-48-57-B-a
ấp Phú Hưng 2	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 59' 13"	106° 16' 38"					C-48-57-B-a
ấp Phú Phong 1	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 59' 58"	106° 16' 34"					C-48-57-B-a
ấp Phú Phong 2	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 59' 38"	106° 16' 00"					C-48-57-B-a
ấp Phú Phong 3	DC	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 59' 14"	106° 15' 19"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	xã Bình Phú	H. Càng Long			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-A-b
Quốc lộ 60	KX	xã Bình Phú	H. Càng Long			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-B-a; C-48-57-A-b
cầu Cây Cách	KX	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 58' 15"	106° 13' 05"					C-48-57-A-b
chùa Bà Thiên Hậu	KX	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 57' 32"	106° 14' 34"					C-48-57-A-b
hương lộ 6	KX	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 57' 37"	106° 14' 32"	9° 53' 40"	106° 11' 32"	C-48-57-A-b
miếu Ông Tà	KX	xã Bình Phú	H. Càng Long	9° 57' 01"	106° 14' 18"					C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đập La Gù	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 59' 06"	106° 16' 03"	9° 59' 04"	106° 16' 33"	C-48-57-B-a
kênh Khương Hòa	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 55' 27"	106° 15' 37"	9° 57' 47"	106° 11' 24"	C-48-57-A-b
kênh N22	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 58' 28"	106° 15' 11"	9° 58' 16"	106° 15' 33"	C-48-57-B-a
kênh N6	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 57' 03"	106° 12' 32"	9° 55' 43"	106° 11' 34"	C-48-57-A-b
kênh Sáu Lương	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 56' 02"	106° 14' 13"	9° 56' 45"	106° 14' 34"	C-48-57-A-b
kênh Tư Xuyên	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 56' 49"	106° 12' 56"	9° 58' 01"	106° 13' 17"	C-48-57-A-b
Rạch Móp	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 59' 54"	106° 16' 10"	9° 59' 26"	106° 15' 41"	C-48-57-B-a
rạch Ngọn Cây Cách	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 58' 00"	106° 13' 33"	9° 58' 45"	106° 13' 27"	C-48-57-A-b
Rạch Rô	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 58' 41"	106° 13' 21"	9° 59' 59"	106° 14' 26"	C-48-57-A-b
sông Dừa Đỏ	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 59' 31"	106° 16' 59"	10° 03' 47"	106° 14' 39"	C-48-57-A-b; C-48-45-C-d; C-48-57-B-a
sông Láng Thé	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 58' 15"	106° 15' 21"	10° 00' 49"	106° 15' 21"	C-48-57-B-a
Xẻo Chùa	TV	xã Bình Phú	H. Càng Long			9° 57' 42"	106° 14' 34"	9° 58' 15"	106° 15' 21"	C-48-57-A-b; C-48-57-B-a
ấp Cây Dương	DC	xã Đại Phúc	H. Càng Long	9° 58' 24"	106° 16' 58"					C-48-57-B-a
ấp Kinh Ngay	DC	xã Đại Phúc	H. Càng Long	9° 59' 04"	106° 16' 39"					C-48-57-B-a
ấp Rạch Cát	DC	xã Đại Phúc	H. Càng Long	9° 58' 46"	106° 17' 11"					C-48-57-B-a
ấp Tân Định	DC	xã Đại Phúc	H. Càng Long	9° 58' 58"	106° 17' 25"					C-48-57-B-a
ấp Tân Hạnh	DC	xã Đại Phúc	H. Càng Long	9° 58' 30"	106° 18' 14"					C-48-57-B-a
ấp Tân Phúc	DC	xã Đại Phúc	H. Càng Long	9° 57' 25"	106° 17' 53"					C-48-57-B-a
ấp Tất Vinh	DC	xã Đại Phúc	H. Càng Long	9° 59' 14"	106° 18' 05"					C-48-57-B-a
rạch Sóc Vinh	TV	xã Đại Phúc	H. Càng Long			9° 58' 07"	106° 17' 28"	9° 57' 16"	106° 17' 40"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Tất Vinh	TV	xã Đại Phúc	H. Càng Long			9° 58' 17"	106° 18' 00"	9° 58' 45"	106° 17' 46"	C-48-57-B-a
sông Ba Trường	TV	xã Đại Phúc	H. Càng Long			9° 57' 16"	106° 17' 40"	9° 58' 59"	106° 18' 27"	C-48-57-B-a
sông Láng Thé	TV	xã Đại Phúc	H. Càng Long			9° 58' 15"	106° 15' 21"	10° 00' 49"	106° 15' 21"	C-48-57-B-a
sông Rạch Cát	TV	xã Đại Phúc	H. Càng Long			9° 57' 43"	106° 16' 54"	9° 59' 30"	106° 17' 03"	C-48-57-B-a
xẻo Cống Mây	TV	xã Đại Phúc	H. Càng Long			9° 57' 56"	106° 17' 36"	9° 57' 43"	106° 18' 07"	C-48-57-B-a
Ấp Hạ	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 01' 26"	106° 17' 58"					C-48-45-D-c
ấp Long Hòa	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 00' 00"	106° 18' 35"					C-48-45-D-c
ấp Nhị Hòa	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 00' 33"	106° 16' 30"					C-48-45-D-c
ấp Rạch Dừa	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 00' 42"	106° 17' 17"					C-48-45-D-c
ấp Rạch Sen	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 01' 21"	106° 16' 39"					C-48-45-D-c
ấp Tân Trung	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 01' 29"	106° 17' 02"					C-48-45-D-c
Ấp Thượng	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 02' 00"	106° 17' 22"					C-48-45-D-c
ấp Trà Gật	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	9° 59' 53"	106° 17' 34"					C-48-57-B-a
ấp Trà Gút	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	9° 59' 26"	106° 17' 48"					C-48-57-B-a
ấp Trại Luận	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 00' 31"	106° 18' 00"					C-48-45-D-c
Ấp Trung	DC	xã Đại Phước	H. Càng Long	10° 01' 34"	106° 17' 17"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 60	KX	xã Đại Phước	H. Càng Long			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-45-D-c
ngã ba Ba Trường	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long	9° 58' 59"	106° 18' 27"					C-48-57-B-a
rạch Trà Đư	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			10° 00' 21"	106° 17' 53"	9° 59' 16"	106° 18' 11"	C-48-57-B-a
rạch Trà Gật	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			10° 00' 21"	106° 16' 57"	9° 59' 31"	106° 17' 20"	C-48-45-D-c
rạch Trà Gút	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			9° 59' 52"	106° 18' 05"	9° 59' 26"	106° 17' 29"	C-48-57-B-a
rạch Trại Luận	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			9° 59' 45"	106° 17' 45"	10° 00' 29"	106° 18' 07"	C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cổ Chiên	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-45-D-c
sông Dừa Đỏ	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			9° 59' 31"	106° 16' 59"	10° 03' 47"	106° 14' 39"	C-48-45-D-c
sông Láng Thé	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			9° 58' 15"	106° 15' 21"	10° 00' 49"	106° 15' 21"	C-48-45-D-c; C-48-57-B-a
sông Láng Thé	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			9° 58' 15"	106° 15' 21"	10° 00' 49"	106° 15' 21"	C-48-45-D-c
sông Rạch Dừa	TV	xã Đại Phước	H. Càng Long			10° 01' 20"	106° 16' 21"	9° 59' 31"	106° 16' 59"	C-48-45-D-c; C-48-57-B-a
ấp Đại Đức	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 04' 12"	106° 14' 08"					C-48-45-C-d
ấp Đức Hiệp	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 03' 07"	106° 15' 07"					C-48-45-D-c
ấp Đức Mỹ	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 03' 11"	106° 16' 10"					C-48-45-D-c
ấp Đức Mỹ A	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 02' 31"	106° 16' 58"					C-48-45-D-c
ấp Long Sơn	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 02' 47"	106° 15' 04"					C-48-45-D-c
ấp Mỹ Hiệp	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 03' 40"	106° 15' 31"					C-48-45-D-c
ấp Mỹ Hiệp A	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 04' 03"	106° 14' 39"					C-48-45-C-d
ấp Nhuận Thành	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 03' 22"	106° 14' 27"					C-48-45-C-d
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 02' 57"	106° 13' 51"					C-48-45-C-d
Cồn Hô	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long	10° 04' 22"	106° 15' 13"					C-48-45-D-c
kênh Bờ Đáy	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 02' 22"	106° 16' 20"	10° 01' 57"	106° 16' 47"	C-48-45-D-c
Rạch Bần	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 03' 11"	106° 14' 02"	10° 03' 45"	106° 14' 33"	C-48-45-C-d
Rạch Bàng	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 03' 31"	106° 13' 46"	10° 04' 26"	106° 14' 20"	C-48-45-C-d
Rạch Đon	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 02' 32"	106° 14' 40"	10° 03' 06"	106° 14' 02"	C-48-45-C-d
Rạch Rừng 1	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 04' 11"	106° 13' 33"	10° 03' 30"	106° 13' 46"	C-48-45-C-d
Rạch Rừng 2	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 02' 20"	106° 16' 06"	10° 02' 25"	106° 14' 59"	C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Sâu	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 04' 34"	106° 13' 50"	10° 03' 42"	106° 14' 22"	C-48-45-C-d
sông Càng Long	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 03' 31"	106° 13' 46"	C-48-45-C-d
sông Cổ Chiên	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-45-D-c; C-48-45-C-d
sông Dừa Đỏ	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			9° 59' 31"	106° 16' 59"	10° 03' 47"	106° 14' 39"	C-48-45-C-d
sông Giồng Ké	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 03' 29"	106° 13' 23"	10° 03' 36"	106° 13' 38"	C-48-45-C-d
sông Trái Nổi	TV	xã Đức Mỹ	H. Càng Long			10° 03' 04"	106° 15' 40"	10° 02' 25"	106° 15' 26"	C-48-45-D-c
ấp Bình Hội	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 55' 29"	106° 13' 51"					C-48-57-A-b
ấp Cầu Xây	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 55' 33"	106° 11' 49"					C-48-57-A-b
ấp Giồng Bèn	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 54' 21"	106° 12' 49"					C-48-57-A-b
ấp Giồng Mới	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 53' 46"	106° 11' 40"					C-48-57-A-b
ấp Kinh A	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 55' 37"	106° 12' 18"					C-48-57-A-b
ấp Kinh B	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 54' 46"	106° 10' 42"					C-48-57-A-b
ấp Lưu Tư	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 55' 43"	106° 13' 29"					C-48-57-A-b
Ấp Sóc	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 54' 10"	106° 12' 21"					C-48-57-A-b
ấp Trà On	DC	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 54' 20"	106° 13' 41"					C-48-57-A-b
Đường huyện 6	KX	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 57' 37"	106° 14' 32"	9° 53' 40"	106° 11' 32"	C-48-57-A-b
Đường tỉnh 911	KX	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 48' 36"	106° 17' 17"	9° 57' 34"	106° 05' 01"	C-48-57-A-b
cầu Ất Ếch	KX	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 55' 38"	106° 13' 46"					C-48-57-A-b
Chùa Ích	KX	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 54' 27"	106° 12' 35"					C-48-57-A-b
chùa Ka Ep	KX	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 56' 04"	106° 13' 57"					C-48-57-A-b
chùa Phật Bửu	KX	xã Huyền Hội	H. Càng Long	9° 55' 44"	106° 13' 36"					C-48-57-A-b
kênh 19 tháng 5	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 54' 23"	106° 14' 01"	C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bờ Đê	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 55' 10"	106° 11' 42"	9° 55' 43"	106° 12' 33"	C-48-57-A-b
kênh Cầu Xây	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 56' 49"	106° 12' 55"	9° 55' 30"	106° 11' 41"	C-48-57-A-b
kênh Đập Miểu	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 56' 36"	106° 12' 13"	9° 56' 48"	106° 12' 56"	C-48-57-A-b
kênh Khương Hòa	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 55' 27"	106° 15' 37"	9° 57' 47"	106° 11' 24"	C-48-57-A-b
kênh Lò Ngò	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 53' 10"	106° 14' 19"	9° 54' 23"	106° 14' 01"	C-48-57-A-b
kênh Lúa Nước	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 55' 39"	106° 13' 34"	9° 54' 28"	106° 12' 38"	C-48-57-A-b
kênh N6	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 57' 03"	106° 12' 32"	9° 55' 43"	106° 11' 34"	C-48-57-A-b
kênh Sáu Lương	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 56' 02"	106° 14' 13"	9° 56' 45"	106° 14' 34"	C-48-57-A-b
sông Đập Sen	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 54' 23"	106° 14' 01"	9° 55' 05"	106° 15' 02"	C-48-57-A-b; C-48-57-B-a
sông Huyền Hội	TV	xã Huyền Hội	H. Càng Long			9° 54' 53"	106° 08' 52"	9° 55' 05"	106° 14' 34"	C-48-57-A-b
ấp Số 1	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	10° 00' 48"	106° 11' 47"					C-48-45-C-d
ấp Số 2	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	10° 00' 14"	106° 10' 51"					C-48-45-C-d
ấp Số 3	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	10° 01' 21"	106° 11' 25"					C-48-45-C-d
ấp Số 4	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	10° 01' 11"	106° 10' 05"					C-48-45-C-d
ấp Số 5	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	10° 01' 15"	106° 08' 25"					C-48-45-C-d
ấp Số 6	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	10° 00' 11"	106° 09' 05"					C-48-45-C-d
ấp Số 7	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	9° 59' 48"	106° 11' 23"					C-48-57-A-b
ấp Số 8	DC	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	9° 59' 10"	106° 10' 58"					C-48-57-A-b
chùa Cao Đài	KX	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long	10° 01' 23"	106° 10' 37"					C-48-45-C-d
kênh Đập Nhà Lầu	TV	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long			10° 00' 07"	106° 10' 05"	10° 01' 21"	106° 10' 05"	C-48-45-C-d
kênh Khai Luông	TV	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 42"	10° 00' 46"	106° 12' 00"	C-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Lá	TV	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long			10° 00' 21"	106° 10' 04"	10° 00' 59"	106° 11' 48"	C-48-45-C-d
sông Mây Tức	TV	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long			10° 01' 30"	106° 07' 58"	10° 00' 18"	106° 12' 44"	C-48-45-C-d
sông Ngã Hậu	TV	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long			9° 56' 22"	106° 06' 40"	10° 01' 30"	106° 07' 58"	C-48-45-C-d; C-48-57-A-b
sông Suối Cạn	TV	xã Mỹ Cẩm	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 00' 21"	106° 07' 58"	C-48-45-C-d; C-48-57-A-b
ấp Cầu Đúc	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	10° 00' 22"	106° 15' 47"					C-48-45-D-c
ấp Dừa Đỏ 1	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	10° 01' 03"	106° 15' 32"					C-48-45-D-c
Ấp Đon	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	10° 00' 41"	106° 15' 47"					C-48-45-D-c
ấp Long An	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	9° 59' 08"	106° 13' 37"					C-48-57-A-b
ấp Long Thuận	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	9° 58' 25"	106° 13' 09"					C-48-57-A-b
ấp Rạch Đập	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	10° 00' 41"	106° 15' 18"					C-48-45-D-c
ấp Rạch Mát	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	9° 59' 57"	106° 15' 39"					C-48-57-B-a
ấp Rạch Mới	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	9° 59' 39"	106° 15' 28"					C-48-57-B-a
ấp Rạch Rô 1	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	9° 59' 51"	106° 14' 12"					C-48-57-A-b
ấp Rạch Rô 2	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	10° 00' 12"	106° 14' 38"					C-48-45-C-d
ấp Rạch Rô 3	DC	xã Nhị Long	H. Càng Long	9° 59' 54"	106° 15' 00"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	xã Nhị Long	H. Càng Long			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-A-b
Quốc lộ 60	KX	xã Nhị Long	H. Càng Long			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-45-D-c
cầu Cây Cách	KX	xã Nhị Long	H. Càng Long	9° 58' 15"	106° 13' 05"					C-48-57-A-b
kênh Đùng Đình	TV	xã Nhị Long	H. Càng Long			9° 59' 22"	106° 12' 16"	9° 58' 41"	106° 13' 21"	C-48-57-A-b
Rạch Đon	TV	xã Nhị Long	H. Càng Long			10° 01' 57"	106° 16' 11"	10° 01' 20"	106° 16' 21"	C-48-45-D-c
Rạch Rô	TV	xã Nhị Long	H. Càng Long			9° 58' 41"	106° 13' 21"	9° 59' 59"	106° 14' 26"	C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Dừa Đỏ	TV	xã Nhị Long	H. Càng Long			9° 59' 31"	106° 16' 59"	10° 03' 47"	106° 14' 39"	C-48-45-C-d; C-48-45-D-c; C-48-57-A-b; C-48-57-B-a
ấp Dừa Đỏ	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 01' 23"	106° 15' 39"					C-48-45-D-c
ấp Dừa Đỏ 2	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 01' 30"	106° 15' 16"					C-48-45-D-c
ấp Dừa Đỏ 3	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 01' 55"	106° 15' 37"					C-48-45-D-c
ấp Gò Cà	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 01' 04"	106° 13' 31"					C-48-45-C-d
ấp Gò Tiến	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 01' 19"	106° 13' 52"					C-48-45-C-d
ấp Hiệp Phú	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 02' 00"	106° 13' 51"					C-48-45-C-d
ấp Sơn Trắng	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 02' 09"	106° 14' 42"					C-48-45-C-d
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long	10° 02' 46"	106° 14' 21"					C-48-45-C-d
kênh Chữ Thập 1	TV	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long			10° 01' 46"	106° 14' 32"	10° 02' 37"	106° 14' 50"	C-48-45-C-d
rạch Đon 1	TV	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long			10° 02' 32"	106° 14' 40"	10° 03' 06"	106° 14' 02"	C-48-45-C-d
rạch Đon 2	TV	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long			10° 01' 57"	106° 16' 11"	10° 01' 20"	106° 16' 21"	C-48-45-D-c
Rạch Rừng	TV	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long			10° 02' 20"	106° 16' 06"	10° 02' 25"	106° 14' 59"	C-48-45-C-d; C-48-45-D-c
rạch Sơn Trắng	TV	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long			10° 01' 55"	106° 15' 55"	10° 01' 45"	106° 15' 15"	C-48-45-D-c
sông Càng Long	TV	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long			9° 58' 43"	106° 11' 57"	10° 03' 31"	106° 13' 46"	C-48-45-C-d
sông Dừa Đỏ	TV	xã Nhị Long Phú	H. Càng Long			9° 59' 31"	106° 16' 59"	10° 03' 47"	106° 14' 39"	C-48-45-C-d; C-48-45-D-c
Ấp Chợ	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 56' 57"	106° 16' 02"					C-48-57-B-a
ấp Đầu Giồng	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 56' 24"	106° 16' 32"					C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Giồng Chùa	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 56' 48"	106° 17' 10"					C-48-57-B-a
ấp Hưng Nhượng A	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 58' 09"	106° 15' 31"					C-48-57-B-a
ấp Hưng Nhượng B	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 58' 32"	106° 16' 18"					C-48-57-B-a
ấp Nguyệt Trường	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 56' 39"	106° 15' 14"					C-48-57-B-a
ấp Phú Hòa	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 57' 13"	106° 15' 17"					C-48-57-B-a
ấp Phú Thạnh	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 57' 55"	106° 15' 11"					C-48-57-B-a
ấp Sóc Vinh	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 57' 41"	106° 17' 34"					C-48-57-B-a
ấp Thiện Chánh	DC	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 55' 23"	106° 15' 32"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
Quốc lộ 60	KX	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-B-a
cầu Ba Si	KX	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 56' 21"	106° 16' 42"					C-48-57-B-a
cầu Láng Thé	KX	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 57' 30"	106° 15' 00"					C-48-57-B-a
cầu Phú Hòa	KX	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 57' 09"	106° 15' 42"					C-48-57-B-a
chùa Py Sây Va Ra Ram	KX	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 56' 51"	106° 17' 23"					C-48-57-B-a
Miếu Bà	KX	xã Phương Thạnh	H. Càng Long	9° 57' 43"	106° 16' 16"					C-48-57-B-a
kênh Khương Hòa	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 55' 27"	106° 15' 37"	9° 57' 47"	106° 11' 24"	C-48-57-B-a
kênh Sáu Lương	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 56' 02"	106° 14' 13"	9° 56' 45"	106° 14' 34"	C-48-57-A-b
rạch Đập Chùa	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 57' 26"	106° 16' 35"	9° 57' 06"	106° 17' 26"	C-48-57-B-a
rạch Sóc Vinh	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 58' 07"	106° 17' 28"	9° 57' 16"	106° 17' 40"	C-48-57-B-a
rạch Trà Ếch	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 55' 05"	106° 15' 02"	9° 54' 58"	106° 15' 46"	C-48-57-B-a
rạch Xẻo Ổi	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 58' 10"	106° 15' 45"	9° 57' 52"	106° 16' 08"	C-48-57-B-a
sông Ba Si	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 54' 58"	106° 15' 46"	9° 57' 53"	106° 18' 15"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Láng Thé	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 58' 15"	106° 15' 21"	10° 00' 49"	106° 15' 21"	C-48-57-A-b; C-48-57-B-a
Xẻo Chùa	TV	xã Phương Thạnh	H. Càng Long			9° 57' 42"	106° 14' 34"	9° 58' 15"	106° 15' 21"	C-48-57-A-b
ấp Cả Chương	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 52' 02"	106° 08' 55"					C-48-57-A-d
ấp Đại An	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 54' 41"	106° 10' 07"					C-48-57-A-b
ấp Long Hội	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 53' 06"	106° 09' 39"					C-48-57-A-b
ấp Nhà Thờ	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 53' 40"	106° 09' 28"					C-48-57-A-b
ấp Tân An Chợ	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 54' 43"	106° 09' 05"					C-48-57-A-b
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 54' 38"	106° 09' 14"					C-48-57-A-b
ấp Tân Trung	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 53' 35"	106° 09' 38"					C-48-57-A-b
ấp Trà Ốp	DC	xã Tân An	H. Càng Long	9° 54' 56"	106° 08' 33"					C-48-57-A-b
kênh 19 tháng 5	TV	xã Tân An	H. Càng Long			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 54' 23"	106° 14' 01"	C-48-57-A-d
Đường tỉnh 911	KX	xã Tân An	H. Càng Long			9° 48' 36"	106° 17' 17"	9° 57' 34"	106° 05' 01"	C-48-57-A-b
kênh Bưng Dứa	TV	xã Tân An	H. Càng Long			9° 52' 01"	106° 09' 13"	9° 52' 46"	106° 08' 02"	C-48-57-A-b
kênh Chính Tân An	TV	xã Tân An	H. Càng Long			9° 52' 01"	106° 09' 13"	9° 54' 32"	106° 08' 12"	C-48-57-A-b; C-48-57-A-d
kênh Tuổi Trẻ	TV	xã Tân An	H. Càng Long			9° 54' 43"	106° 09' 10"	9° 52' 19"	106° 10' 02"	C-48-57-A-b
sông Huyền Hội	TV	xã Tân An	H. Càng Long			9° 54' 53"	106° 08' 52"	9° 55' 05"	106° 14' 34"	C-48-57-A-b
sông Trà Ngoa	TV	xã Tân An	H. Càng Long			9° 57' 39"	106° 05' 05"	9° 54' 53"	106° 08' 52"	C-48-57-A-b
ấp An Bình	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 55' 45"	106° 09' 29"					C-48-57-A-b
ấp An Chánh	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 54' 49"	106° 09' 57"					C-48-57-A-b
ấp An Định Cầu	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 55' 48"	106° 09' 16"					C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Định Giồng	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 56' 26"	106° 09' 41"					C-48-57-A-b
ấp An Thạnh	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 55' 05"	106° 11' 04"					C-48-57-A-b
ấp Ngã Hậu	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 57' 32"	106° 07' 43"					C-48-57-A-b
ấp Ninh Bình	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 56' 07"	106° 07' 07"					C-48-57-A-a
ấp Tân Định	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 56' 33"	106° 08' 40"					C-48-57-A-b
ấp Thanh Bình	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 56' 28"	106° 07' 50"					C-48-57-A-b
ấp Trà Ốp	DC	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 55' 23"	106° 08' 12"					C-48-57-A-b
cầu Ấp 8	KX	xã Tân Bình	H. Càng Long	9° 56' 36"	106° 09' 50"					C-48-57-A-b
kênh Bảy Hãn	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 56' 56"	106° 07' 10"	9° 56' 17"	106° 18' 05"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
kênh Cầu Ván	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 56' 30"	106° 09' 54"	9° 57' 46"	106° 07' 48"	C-48-57-A-b
kênh Hai Tống	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 56' 37"	106° 08' 23"	9° 55' 56"	106° 08' 39"	C-48-57-A-b
kênh Rạch Bưng	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 56' 16"	106° 09' 31"	9° 57' 23"	106° 07' 32"	C-48-57-A-b
kênh Tư On	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 56' 17"	106° 18' 05"	9° 55' 40"	106° 09' 16"	C-48-57-A-b
sông An Trường	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 54' 53"	106° 08' 52"	9° 58' 43"	106° 11' 57"	C-48-57-A-b
sông Huyền Hội	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 54' 53"	106° 08' 52"	9° 55' 05"	106° 14' 34"	C-48-57-A-b
sông Ngã Hậu	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 56' 22"	106° 06' 40"	10° 01' 30"	106° 07' 58"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
sông Trà Ngoa	TV	xã Tân Bình	H. Càng Long			9° 57' 39"	106° 05' 05"	9° 54' 53"	106° 08' 52"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
Khóm 1	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 25"	106° 03' 42"					C-48-57-A-c
Khóm 2	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 32"	106° 03' 23"					C-48-57-A-a
Khóm 3	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 43"	106° 03' 14"					C-48-57-A-a
Khóm 4	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 16"	106° 03' 07"					C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 5	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 11"	106° 03' 32"					C-48-57-A-c
Khóm 6	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 04"	106° 03' 24"					C-48-57-A-c
Khóm 7	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 51' 49"	106° 03' 54"					C-48-57-A-c
Khóm 8	DC	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 04"	106° 03' 52"					C-48-57-A-c
cầu Bang Trang	KX	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 03"	106° 03' 39"					C-48-57-A-c
cầu Lê Văn Tám	KX	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè	9° 52' 09"	106° 03' 47"					C-48-57-A-c
Quốc lộ 54	KX	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
rạch Bang Trang	TV	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè			9° 49' 45"	106° 04' 04"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c
Rạch Rung	TV	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè			9° 51' 56"	106° 04' 27"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c
sông Cầu Kè	TV	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè			9° 52' 09"	106° 03' 46"	9° 52' 11"	106° 00' 17"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
sông Tổng Tồn	TV	TT. Cầu Kè	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 08' 15"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-a
ấp An Hòa	DC	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè	9° 52' 00"	106° 00' 46"					C-48-57-A-c
ấp An Trại	DC	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè	9° 52' 53"	106° 00' 47"					C-48-57-A-a
ấp Dinh An	DC	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè	9° 53' 53"	105° 59' 29"					C-48-56-B-b
ấp Hòa An	DC	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè	9° 52' 46"	106° 01' 38"					C-48-57-A-a
ấp Tân Qui I	DC	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè	9° 54' 42"	105° 58' 01"					C-48-56-B-b
ấp Tân Qui II	DC	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè	9° 53' 26"	105° 59' 15"					C-48-56-B-b
cồn Tân Qui	TV	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè	9° 53' 57"	105° 58' 47"					C-48-56-B-b
sông Cầu Kè	TV	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè			9° 52' 09"	106° 03' 46"	9° 52' 11"	106° 00' 17"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hậu	TV	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-56-B-b; C-48-56-B-d
sông Tân Dinh	TV	xã An Phú Tân	H. Cầu Kè			9° 55' 07"	106° 00' 49"	9° 54' 09"	105° 59' 04"	C-48-56-B-b
ấp Châu Hưng	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 53' 24"	106° 06' 25"					C-48-57-A-a
ấp Ô Mịch	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 50' 41"	106° 03' 39"					C-48-57-A-c
ấp Ô Rồm	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 52' 20"	106° 06' 45"					C-48-57-A-c
ấp Ô Tưng A	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 51' 45"	106° 04' 49"					C-48-57-A-c
ấp Ô Tưng B	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 52' 00"	106° 04' 52"					C-48-57-A-c
ấp Rùm Sóc	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 50' 00"	106° 03' 55"					C-48-57-A-c
ấp Trà Bồn	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 53' 53"	106° 07' 00"					C-48-57-A-a
ấp Xóm Lớn	DC	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 53' 58"	106° 06' 50"					C-48-57-A-a
Quốc lộ 54	KX	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-c
chùa Ratana Di Pa Ràm Ko Keo (Ô Mịch)	KX	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 51' 07"	106° 03' 46"					C-48-57-A-c
chùa Ratana Sá Ga Ra (Prơm)	KX	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 52' 37"	106° 06' 42"					C-48-57-A-a
chùa Sà La Va Na (Tà Ốt)	KX	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 54' 12"	106° 07' 05"					C-48-57-A-a
chùa Sanva Thamo Masa (Ô Tô Tưng)	KX	xã Châu Điền	H. Cầu Kè	9° 51' 43"	106° 05' 11"					C-48-57-A-c
kênh Ba Nhỏ	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 52' 34"	106° 07' 45"	9° 54' 12"	106° 07' 12"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
kênh Bà Tư	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 50' 24"	106° 04' 52"	9° 50' 34"	106° 03' 53"	C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cá Lóc	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 52' 09"	106° 03' 46"	9° 53' 07"	106° 06' 31"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
kênh Cơ Ba	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 52' 46"	106° 08' 02"	9° 54' 47"	106° 07' 19"	C-48-57-A-b; C-48-57-A-d
kênh Trà Bôn A	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 53' 42"	106° 05' 08"	9° 53' 25"	106° 07' 54"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
kênh Trà Bôn B	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 52' 44"	106° 06' 41"	9° 53' 02"	106° 08' 01"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
kênh Xóm Lớn	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 53' 26"	106° 06' 32"	9° 54' 19"	106° 07' 31"	C-48-57-A-a
rạch Bang Trang	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 49' 45"	106° 04' 04"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c
Rạch Rung	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 51' 56"	106° 04' 27"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c
sông Châu Hưng	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 53' 26"	106° 06' 23"	9° 52' 44"	106° 06' 41"	C-48-57-A-a
sông Ô Rồm	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 51' 27"	106° 07' 07"	9° 52' 44"	106° 06' 41"	C-48-57-A-c
sông Rùm Sóc	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 49' 45"	106° 04' 04"	9° 49' 15"	106° 03' 00"	C-48-57-A-c
sông Tổng Tồn	TV	xã Châu Điền	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 08' 15"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
ấp Bà My	DC	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 53' 48"	106° 03' 10"					C-48-57-A-a
ấp Giồng Dầu	DC	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 54' 49"	106° 03' 55"					C-48-57-A-a
ấp Giồng Lớn	DC	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 52' 41"	106° 03' 56"					C-48-57-A-a
ấp Sóc Kha	DC	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 52' 34"	106° 02' 48"					C-48-57-A-a
ấp Thông Thảo	DC	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 54' 17"	106° 04' 31"					C-48-57-A-a
ấp Trà Kháo	DC	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 53' 37"	106° 04' 11"					C-48-57-A-a
Quốc lộ 54	KX	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bà My	KX	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 53' 37"	106° 03' 39"					C-48-57-A-a
chùa Bô Thum	KX	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 52' 53"	106° 03' 59"					C-48-57-A-a
chùa Ksach Canđal	KX	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 53' 45"	106° 04' 03"					C-48-57-A-a
Chùa Mới	KX	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 54' 03"	106° 04' 24"					C-48-57-A-a
chùa Som Bua Răng Sây	KX	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè	9° 53' 26"	106° 04' 08"					C-48-57-A-a
Kênh 15	TV	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 54' 56"	106° 04' 31"	9° 54' 30"	106° 06' 45"	C-48-57-A-a
kênh Bà My	TV	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 53' 28"	106° 04' 06"	9° 53' 56"	106° 02' 33"	C-48-57-A-a
kênh Cá Lóc	TV	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 52' 09"	106° 03' 46"	9° 53' 07"	106° 06' 31"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
kênh Cây Da	TV	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 54' 53"	106° 03' 34"	9° 54' 57"	106° 02' 32"	C-48-57-A-a
kênh Ô Pự	TV	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 53' 05"	106° 04' 42"	9° 53' 21"	106° 04' 26"	C-48-57-A-a
sông Cầu Kè	TV	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 52' 09"	106° 03' 46"	9° 52' 11"	106° 00' 17"	C-48-57-A-a
sông Tổng Tồn	TV	xã Hòa Ân	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 08' 15"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
ấp An Bình	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 50' 43"	106° 01' 51"					C-48-57-A-c
ấp An Lộc	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 50' 25"	106° 01' 09"					C-48-57-A-c
ấp Chông Nô 1	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 52' 00"	106° 02' 53"					C-48-57-A-c
ấp Chông Nô 2	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 51' 52"	106° 02' 30"					C-48-57-A-c
ấp Chông Nô 3	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 51' 35"	106° 02' 07"					C-48-57-A-c
ấp Hội An	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 49' 30"	106° 03' 06"					C-48-57-A-c
ấp Sóc Ruộng	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 51' 27"	106° 03' 43"					C-48-57-A-c
Xóm Rẫy	DC	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 50' 29"	106° 02' 32"					C-48-57-A-c
Quốc lộ 54	KX	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cồn Bần Chát	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 49' 58"	106° 01' 28"					C-48-57-A-c
Cồn Tròn	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè	9° 51' 07"	106° 00' 40"					C-48-57-A-c
rạch Bang Trang	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè			9° 49' 45"	106° 04' 04"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c
rạch Thăm Đưng	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè			9° 50' 55"	106° 01' 19"	9° 49' 15"	106° 03' 00"	C-48-57-A-c
sông Cầu Kè	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè			9° 52' 09"	106° 03' 46"	9° 52' 11"	106° 00' 17"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
sông Đường Đức	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè			9° 49' 15"	106° 03' 00"	9° 48' 45"	106° 03' 10"	C-48-57-A-c
Sông Hậu	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-56-B-d; C-48-57-A-c
sông Rùm Sóc	TV	xã Hòa Tân	H. Cầu Kè			9° 49' 45"	106° 04' 04"	9° 49' 15"	106° 03' 00"	C-48-57-A-c
ấp Bà Bảy	DC	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè	9° 47' 44"	106° 04' 01"					C-48-57-A-c
ấp Đồng Điền	DC	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè	9° 47' 00"	106° 05' 48"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Văn	DC	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè	9° 48' 01"	106° 05' 05"					C-48-57-A-c
ấp Rạch Đùi	DC	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè	9° 46' 45"	106° 05' 15"					C-48-57-A-c
ấp Trà Điêu	DC	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè	9° 48' 54"	106° 03' 45"					C-48-57-A-c
ấp Vàm Đình	DC	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè	9° 48' 32"	106° 03' 57"					C-48-57-A-c
ấp Xẻo Cạn	DC	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè	9° 46' 38"	106° 05' 50"					C-48-57-A-c
rạch Trà Điêu	TV	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè			9° 48' 11"	106° 04' 10"	9° 48' 54"	106° 03' 11"	C-48-57-A-c
sông Đường Đức	TV	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè			9° 49' 15"	106° 03' 00"	9° 48' 45"	106° 03' 10"	C-48-57-A-c
Sông Hậu	TV	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c
sông Mỹ Văn	TV	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 47' 48"	106° 04' 43"	C-48-57-A-c
sông Ninh Thới	TV	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè			9° 48' 43"	106° 03' 12"	9° 45' 42"	106° 06' 37"	C-48-57-A-c
sông Rùm Sóc	TV	xã Ninh Thới	H. Cầu Kè			9° 49' 45"	106° 04' 04"	9° 49' 15"	106° 03' 00"	C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Đồng Khoen	DC	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 48' 24"	106° 05' 58"					C-48-57-A-c
Ấp I	DC	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 50' 40"	106° 05' 12"					C-48-57-A-c
Ấp II	DC	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 50' 09"	106° 04' 48"					C-48-57-A-c
Ấp III	DC	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 49' 51"	106° 04' 26"					C-48-57-A-c
Ấp IV	DC	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 48' 42"	106° 05' 36"					C-48-57-A-c
ấp Kinh Xáng	DC	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 50' 54"	106° 05' 41"					C-48-57-A-c
Quốc lộ 54	KX	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-c
cầu Phong Phú	KX	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 51' 03"	106° 05' 27"					C-48-57-A-c
Chùa Bà	KX	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 50' 26"	106° 05' 05"					C-48-57-A-c
chùa Mê Păng	KX	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 48' 46"	106° 05' 44"					C-48-57-A-c
Chùa Miên	KX	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 50' 21"	106° 04' 58"					C-48-57-A-c
Chùa Ông	KX	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 49' 14"	106° 04' 02"					C-48-57-A-c
chùa Ta Đêu	KX	xã Phong Phú	H. Cầu Kè	9° 49' 18"	106° 04' 05"					C-48-57-A-c
kênh Bà Tư	TV	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 50' 24"	106° 04' 52"	9° 50' 34"	106° 03' 53"	C-48-57-A-c
Kênh Xáng	TV	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 51' 02"	106° 05' 27"	9° 50' 13"	106° 06' 56"	C-48-57-A-c
rạch Ô Đa	TV	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 51' 31"	106° 06' 30"	9° 51' 13"	106° 07' 25"	C-48-57-A-c
rạch Ô Nịa	TV	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 51' 17"	106° 06' 36"	9° 51' 07"	106° 07' 23"	C-48-57-A-c
sông Kênh Xáng	TV	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 51' 45"	106° 05' 58"	9° 49' 45"	106° 04' 04"	C-48-57-A-c
sông Mỹ Văn	TV	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 47' 48"	106° 04' 43"	C-48-57-A-c
sông Rùm Sóc	TV	xã Phong Phú	H. Cầu Kè			9° 49' 45"	106° 04' 04"	9° 49' 15"	106° 03' 00"	C-48-57-A-c
ấp Cả Chương	DC	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 51' 13"	106° 09' 37"					C-48-57-A-d
ấp Cây Gòn	DC	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 50' 43"	106° 09' 07"					C-48-57-A-d
Ấp I	DC	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 50' 19"	106° 07' 11"					C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp II	DC	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 50' 59"	106° 07' 22"					C-48-57-A-c
Ấp III	DC	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 51' 37"	106° 07' 05"					C-48-57-A-c
ấp Xóm Giữa	DC	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 51' 19"	106° 08' 00"					C-48-57-A-d
Quốc lộ 54	KX	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-d
Chùa Chợ	KX	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 50' 34"	106° 07' 12"					C-48-57-A-c
chùa Ô Phèn	KX	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 51' 09"	106° 07' 31"					C-48-57-A-d
chùa Vạn Đức	KX	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 50' 35"	106° 07' 16"					C-48-57-A-c
miếu Ông Tà	KX	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè	9° 51' 40"	106° 09' 37"					C-48-57-A-d
kênh 19 tháng 5	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 54' 23"	106° 14' 01"	C-48-57-A-c
kênh Bưng Dứa	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 52' 01"	106° 09' 13"	9° 52' 46"	106° 08' 02"	C-48-57-A-b; C-48-57-A-d
kênh Cả Chương	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 16"	106° 07' 49"	9° 51' 42"	106° 09' 26"	C-48-57-A-d
kênh Cổng Trào	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 27"	106° 08' 43"	9° 50' 40"	106° 08' 47"	C-48-57-A-d
kênh Đìa Gừa	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 49' 07"	106° 07' 48"	9° 50' 09"	106° 06' 55"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-d
kênh Đường Trâu Lớn	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 52' 19"	106° 08' 19"	9° 51' 44"	106° 07' 20"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-d
kênh Đường Trâu Nhỏ	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 52' 18"	106° 07' 21"	9° 51' 28"	106° 07' 22"	C-48-57-A-c
Kênh Xáng	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 02"	106° 05' 27"	9° 50' 13"	106° 06' 56"	C-48-57-A-c
rạch Ô Đa	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 31"	106° 06' 30"	9° 51' 13"	106° 07' 25"	C-48-57-A-c
rạch Ô Ngang	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 49' 19"	106° 06' 58"	9° 49' 29"	106° 07' 18"	C-48-57-A-c
rạch Ô Nịa	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 17"	106° 06' 36"	9° 51' 07"	106° 07' 23"	C-48-57-A-c
rạch Trà Ốt Nhỏ	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 52' 34"	106° 07' 45"	9° 52' 46"	106° 08' 02"	C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Mỹ Văn	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 47' 48"	106° 04' 43"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-d
sông Ô Rồm	TV	xã Phong Thạnh	H. Cầu Kè			9° 51' 27"	106° 07' 07"	9° 52' 44"	106° 06' 41"	C-48-57-A-c
ấp Bà My	DC	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 53' 54"	106° 02' 47"					C-48-57-A-a
ấp Bưng Lớn A	DC	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 54' 57"	106° 02' 15"					C-48-57-A-a
ấp Bưng Lớn B	DC	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 55' 08"	106° 01' 17"					C-48-57-A-a
ấp Giồng Nổi	DC	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 54' 32"	106° 00' 06"					C-48-57-A-a
ấp Ngãi Nhất	DC	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 53' 59"	106° 02' 11"					C-48-57-A-a
ấp Ngãi Nhì	DC	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 53' 26"	106° 02' 12"					C-48-57-A-a
ấp Ngọc Hồ	DC	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 53' 32"	106° 01' 05"					C-48-57-A-a
khu tưởng niệm Nữ anh hùng Nguyễn Thị Út	KX	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè	9° 53' 46"	106° 01' 14"					C-48-57-A-a
kênh Bà My	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 53' 28"	106° 04' 06"	9° 53' 56"	106° 02' 33"	C-48-57-A-a
kênh Bưng Lớn	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 54' 19"	106° 01' 45"	9° 55' 40"	106° 00' 54"	C-48-57-A-a
kênh Cây Da	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 54' 53"	106° 03' 34"	9° 54' 57"	106° 02' 32"	C-48-57-A-a
kênh Giồng Nổi	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 54' 44"	106° 01' 30"	9° 55' 07"	106° 00' 49"	C-48-57-A-a
kênh Ngọc Hồ	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 54' 37"	106° 01' 28"	9° 54' 18"	106° 02' 18"	C-48-57-A-a
kênh Ông Lãnh	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 56' 01"	106° 01' 00"	9° 55' 43"	106° 02' 07"	C-48-57-A-a
kênh Rạch Nghệ	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 56' 24"	106° 04' 05"	9° 55' 19"	106° 02' 27"	C-48-57-A-a
sông Bưng Lớn	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 56' 02"	106° 01' 06"	9° 55' 07"	106° 00' 49"	C-48-57-A-a
sông Cầu Kè	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 52' 09"	106° 03' 46"	9° 52' 11"	106° 00' 17"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-c
sông Tam Ngãi	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 02' 43"	9° 52' 57"	106° 01' 47"	C-48-57-A-a
sông Tân Dinh	TV	xã Tam Ngãi	H. Cầu Kè			9° 55' 07"	106° 00' 49"	9° 54' 09"	105° 59' 04"	C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp I	DC	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè	9° 57' 32"	106° 05' 07"					C-48-57-A-a
Ấp II	DC	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè	9° 56' 44"	106° 06' 10"					C-48-57-A-a
Ấp III	DC	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè	9° 56' 07"	106° 06' 49"					C-48-57-A-a
Ấp IV	DC	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè	9° 54' 58"	106° 07' 46"					C-48-57-A-b
Đường tỉnh 911	KX	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè			9° 48' 36"	106° 17' 17"	9° 57' 34"	106° 05' 01"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
kênh Cơ Ba	TV	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè			9° 52' 46"	106° 08' 02"	9° 54' 47"	106° 07' 19"	C-48-57-A-a
kênh Đầu Đất	TV	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè			9° 56' 35"	106° 04' 20"	9° 54' 46"	106° 07' 17"	C-48-57-A-a
Kênh Giữa	TV	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè			9° 54' 59"	106° 07' 42"	9° 57' 11"	106° 04' 44"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
sông Tổng Tồn	TV	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 08' 15"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
sông Trà Ngoa	TV	xã Thạnh Phú	H. Cầu Kè			9° 57' 39"	106° 05' 05"	9° 54' 53"	106° 08' 52"	C-48-57-A-a; C-48-57-A-b
ấp Kinh Xuôi	DC	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè	9° 55' 55"	106° 05' 27"					C-48-57-A-a
ấp Ô Chích	DC	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè	9° 55' 08"	106° 04' 27"					C-48-57-A-a
ấp Rạch Nghệ	DC	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè	9° 56' 04"	106° 02' 52"					C-48-57-A-a
ấp Trà Mẹt	DC	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè	9° 56' 15"	106° 04' 13"					C-48-57-A-a
ấp Trà Ốt	DC	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè	9° 54' 37"	106° 06' 44"					C-48-57-A-a
Quốc lộ 54	KX	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-a
Đường tỉnh 906	KX	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 56' 38"	106° 04' 18"	9° 56' 49"	106° 04' 18"	C-48-57-A-a
Kênh 15	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 54' 56"	106° 04' 31"	9° 54' 30"	106° 06' 45"	C-48-57-A-a
kênh Cây Da	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 54' 53"	106° 03' 34"	9° 54' 57"	106° 02' 32"	C-48-57-A-a
kênh Cơ Ba	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 52' 46"	106° 08' 02"	9° 54' 47"	106° 07' 19"	C-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đầu Đất	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 56' 35"	106° 04' 20"	9° 54' 46"	106° 07' 17"	C-48-57-A-a
kênh La Gì	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 55' 43"	106° 02' 07"	9° 56' 35"	106° 03' 05"	C-48-57-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 54' 30"	106° 06' 45"	9° 56' 06"	106° 05' 47"	C-48-57-A-a
kênh Ô Chích	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 02' 43"	9° 54' 56"	106° 04' 31"	C-48-57-A-a
kênh Rạch Nghệ	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 56' 24"	106° 04' 05"	9° 55' 19"	106° 02' 27"	C-48-57-A-a
Kênh Xuôi	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 55' 56"	106° 03' 37"	9° 55' 28"	106° 06' 10"	C-48-57-A-a
sông Tổng Tồn	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 08' 15"	9° 52' 09"	106° 03' 46"	C-48-57-A-a
sông Trà Mẹt	TV	xã Thông Hòa	H. Cầu Kè			9° 55' 16"	106° 02' 43"	9° 56' 47"	106° 04' 25"	C-48-57-A-a
khóm Minh Thuận A	DC	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang	9° 47' 41"	106° 26' 45"					C-48-57-B-d
khóm Minh Thuận B	DC	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang	9° 47' 52"	106° 27' 05"					C-48-57-B-d
khóm Mỹ Cẩm A	DC	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang	9° 48' 18"	106° 27' 02"					C-48-57-B-d
khóm Thống Nhất	DC	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang	9° 48' 37"	106° 27' 05"					C-48-57-B-d
Cầu Ngang	KX	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang	9° 47' 56"	106° 27' 00"					C-48-57-B-d
nhà thờ Cầu Ngang	KX	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang	9° 47' 59"	106° 27' 04"					C-48-57-B-d
Quốc lộ 53	KX	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-d
Kênh Ngay	TV	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang			9° 47' 37"	106° 27' 10"	9° 46' 37"	106° 27' 35"	C-48-57-B-d
kênh Thống Nhất	TV	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-d
kênh Xóm Chòi	TV	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang			9° 47' 56"	106° 26' 23"	9° 47' 42"	106° 24' 40"	C-48-57-B-d
sông Cầu Ngang	TV	TT. Cầu Ngang	H. Cầu Ngang			9° 47' 43"	106° 27' 32"	9° 49' 56"	106° 26' 12"	C-48-57-B-d
Khóm I	DC	TT. Mỹ Long	H. Cầu Ngang	9° 48' 27"	106° 30' 21"					C-48-58-A-c
Khóm II	DC	TT. Mỹ Long	H. Cầu Ngang	9° 48' 25"	106° 30' 08"					C-48-58-A-c
Khóm III	DC	TT. Mỹ Long	H. Cầu Ngang	9° 48' 48"	106° 30' 18"					C-48-58-A-c
Khóm IV	DC	TT. Mỹ Long	H. Cầu Ngang	9° 48' 56"	106° 30' 02"					C-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Bà Chúa Xứ	KX	TT. Mỹ Long	H. Cầu Ngang	9° 48' 39"	106° 30' 23"					C-48-58-A-c
thánh thất Mỹ Long	KX	TT. Mỹ Long	H. Cầu Ngang	9° 48' 35"	106° 30' 18"					C-48-58-A-c
sông Cổ Chiên	TV	TT. Mỹ Long	H. Cầu Ngang			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-58-A-c
ấp Ba So	DC	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 46' 20"	106° 24' 15"					C-48-57-B-d
ấp Bình Tân	DC	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 32"	106° 24' 34"					C-48-57-B-d
ấp Hòa Lục	DC	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 39"	106° 24' 18"					C-48-57-B-d
Ấp Phiêu	DC	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 09"	106° 22' 57"					C-48-57-B-d
ấp Sóc Chuối	DC	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 02"	106° 24' 16"					C-48-57-B-d
ấp Sóc Xoài	DC	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 18"	106° 23' 51"					C-48-57-B-d
ấp Tri Liêm	DC	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 11"	106° 24' 10"					C-48-57-B-d
cầu Bình Tân	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 26"	106° 25' 08"					C-48-57-B-d
cầu Hiệp Hòa	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 54"	106° 24' 24"					C-48-57-B-d
chùa Ba So	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 46' 38"	106° 24' 22"					C-48-57-B-d
chùa Bình Phước	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 26"	106° 24' 22"					C-48-57-B-d
chùa Hòa Lục	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 16"	106° 24' 19"					C-48-57-B-d
chùa Liên Trì	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 47"	106° 24' 23"					C-48-57-B-d
Chùa Phiêu	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 03"	106° 23' 12"					C-48-57-B-d
chùa Quan Thánh	KX	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 27"	106° 25' 06"					C-48-57-B-d
kênh Ba So - Hiệp Hòa	TV	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 26"	106° 25' 08"	9° 45' 44"	106° 24' 16"	C-48-57-B-d
kênh Bình Tân - Ba So	TV	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 29"	106° 25' 08"	9° 44' 35"	106° 24' 40"	C-48-57-B-d
kênh Thống Nhất	TV	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-d
kênh Xóm Chòi	TV	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 56"	106° 26' 23"	9° 47' 42"	106° 24' 40"	C-48-57-B-d
Rạch Năng	TV	xã Hiệp Hòa	H. Cầu Ngang			9° 48' 56"	106° 25' 32"	9° 47' 29"	106° 25' 08"	C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cái Già	DC	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 45' 33"	106° 29' 14"					C-48-57-B-d
ấp Cái Già Bến	DC	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 44' 56"	106° 28' 53"					C-48-57-D-b
ấp Cái Già Trên	DC	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 46' 05"	106° 29' 21"					C-48-57-B-d
ấp Đồng Cò	DC	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 44' 03"	106° 29' 08"					C-48-57-D-b
ấp Hậu Bối	DC	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 45' 42"	106° 28' 34"					C-48-57-B-d
ấp Khúc Ngay	DC	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 43' 56"	106° 29' 50"					C-48-57-D-b
Ấp Rạch	DC	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 45' 51"	106° 28' 02"					C-48-57-B-d
cầu Cống Đá	KX	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang	9° 45' 48"	106° 27' 37"					C-48-57-B-d
kênh Đìa Cát - Xẻo Cò	TV	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang			9° 44' 50"	106° 28' 35"	9° 44' 34"	106° 29' 57"	C-48-57-D-b
kênh Hậu Bối	TV	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang			9° 44' 55"	106° 28' 29"	9° 46' 00"	106° 28' 47"	C-48-57-B-d; C-48-57-D-b
kênh Xẻo Lác	TV	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang			9° 46' 11"	106° 27' 44"	9° 46' 11"	106° 28' 29"	C-48-57-B-d
sông Bến Chùa	TV	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang			9° 43' 55"	106° 28' 36"	9° 45' 11"	106° 32' 24"	C-48-57-D-b; C-48-58-C-a
sông Hiệp Mỹ	TV	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang			9° 44' 54"	106° 28' 29"	9° 43' 55"	106° 28' 36"	C-48-57-D-b
sông Ông Ốc	TV	xã Hiệp Mỹ Đông	H. Cầu Ngang			9° 46' 37"	106° 27' 35"	9° 44' 55"	106° 28' 29"	C-48-57-B-d; C-48-57-D-b
ấp Bào Bèo	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 42' 59"	106° 30' 11"					C-48-58-C-a
ấp Bến Chùa	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 43' 17"	106° 30' 44"					C-48-58-C-a
Ấp Chợ	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 44' 22"	106° 28' 32"					C-48-57-D-b
ấp Giồng Dài	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 43' 40"	106° 28' 23"					C-48-57-D-b
ấp Giồng Ngánh	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 44' 11"	106° 28' 17"					C-48-57-D-b
ấp Lồ Ồ	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 44' 31"	106° 28' 02"					C-48-57-D-b
ấp Mỹ Quí	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 42' 44"	106° 28' 37"					C-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Sông Lưu	DC	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 42' 19"	106° 29' 05"					C-48-57-D-b
Quốc lộ 53	KX	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-b
cầu Ô Lắc	KX	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 43' 54"	106° 28' 32"					C-48-57-D-b
cầu Số 9	KX	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 43' 05"	106° 31' 05"					C-48-58-C-a
chùa Hưng Hiệp Tự	KX	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang	9° 44' 08"	106° 28' 30"					C-48-57-D-b
kênh Bồ Đáy	TV	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			9° 43' 54"	106° 27' 39"	9° 44' 21"	106° 27' 53"	C-48-57-D-b
kênh Sà Niên	TV	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			9° 44' 50"	106° 26' 53"	9° 45' 07"	106° 27' 51"	C-48-57-B-d
kênh Tầm Vu	TV	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			9° 42' 11"	106° 28' 31"	9° 43' 42"	106° 28' 12"	C-48-57-D-b
sông Bến Chùa	TV	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			9° 43' 55"	106° 28' 36"	9° 45' 11"	106° 32' 24"	C-48-57-D-b; C-48-58-C-a
sông Hiệp Mỹ	TV	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			9° 44' 54"	106° 28' 29"	9° 43' 55"	106° 28' 36"	C-48-57-D-b
sông Ông Ốc	TV	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			9° 46' 37"	106° 27' 35"	9° 44' 55"	106° 28' 29"	C-48-57-B-d; C-48-57-D-b
sông Trà Côn	TV	xã Hiệp Mỹ Tây	H. Cầu Ngang			9° 44' 50"	106° 26' 53"	9° 43' 55"	106° 28' 36"	C-48-57-D-b
Ấp Giữa	DC	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 50' 22"	106° 24' 24"					C-48-57-B-d
ấp Kim Câu	DC	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 51' 09"	106° 24' 23"					C-48-57-B-d
ấp Kim Hòa	DC	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 49' 11"	106° 24' 28"					C-48-57-B-d
ấp Năng Nơn	DC	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 49' 12"	106° 23' 16"					C-48-57-B-d
ấp Tân Hiệp	DC	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 51' 45"	106° 25' 08"					C-48-57-B-d
ấp Trà Cuôn	DC	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 51' 25"	106° 24' 23"					C-48-57-B-d
Quốc lộ 53	KX	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-b
cầu Kim Hòa	KX	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 51' 32"	106° 24' 17"					C-48-57-B-d
chùa Chết Chrum	KX	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 49' 40"	106° 24' 29"					C-48-57-B-d
chùa Phước Thành	KX	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 51' 18"	106° 24' 18"					C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Ret Mol	KX	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 50' 43"	106° 24' 24"					C-48-57-B-d
tịnh xá Ngọc Hiệp	KX	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 59"	106° 24' 20"					C-48-57-B-d
kênh Cầu Đập Trong	TV	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang			9° 49' 38"	106° 25' 55"	9° 49' 26"	106° 24' 51"	C-48-57-B-d
Kênh Chìm	TV	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang			9° 51' 21"	106° 23' 46"	9° 51' 14"	106° 24' 17"	C-48-57-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang			9° 49' 35"	106° 25' 13"	9° 50' 45"	106° 24' 30"	C-48-57-B-d
kênh Thống Nhất	TV	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-d
sông Trà Cuôn	TV	xã Kim Hòa	H. Cầu Ngang			9° 50' 54"	106° 22' 23"	9° 51' 45"	106° 26' 31"	C-48-57-B-d
ấp Bào Mốt	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 44' 12"	106° 24' 30"					C-48-57-D-b
ấp Huyền Đức	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 43' 55"	106° 25' 22"					C-48-57-D-b
ấp La Bang	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 45' 57"	106° 26' 32"					C-48-57-B-d
ấp Long Hanh	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 43' 54"	106° 25' 58"					C-48-57-D-b
ấp Ô Răng	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 45' 34"	106° 25' 52"					C-48-57-B-d
ấp Sóc Giụp	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 44' 40"	106° 26' 19"					C-48-57-D-b
ấp Sóc Mới	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 44' 54"	106° 25' 03"					C-48-57-D-b
ấp Sơn Lang	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 45' 25"	106° 26' 28"					C-48-57-B-d
ấp Tân Lập	DC	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 43' 17"	106° 25' 39"					C-48-57-D-b
Quốc lộ 53	KX	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-d; C-48-57-D-b
chợ Long Sơn	KX	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 45' 09"	106° 26' 25"					C-48-57-B-d
chợ Tân Lập	KX	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 43' 24"	106° 25' 39"					C-48-57-D-b
chùa Phnô Răng (Ô Răng)	KX	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang	9° 45' 33"	106° 26' 06"					C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bình Tân - Ba So	TV	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			9° 47' 29"	106° 25' 08"	9° 44' 35"	106° 24' 40"	C-48-57-B-d; C-48-57-D-b
kênh La Bang	TV	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			9° 45' 30"	106° 27' 42"	9° 45' 53"	106° 26' 36"	C-48-57-B-d
kênh Sà Niên	TV	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			9° 44' 50"	106° 26' 53"	9° 45' 07"	106° 27' 51"	C-48-57-B-d; C-48-57-D-b
Sông Củ	TV	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			9° 42' 00"	106° 23' 35"	9° 43' 02"	106° 24' 32"	C-48-57-D-b
sông Ông Ốc	TV	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			9° 46' 37"	106° 27' 35"	9° 44' 55"	106° 28' 29"	C-48-57-B-d
sông Tân Lập	TV	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			9° 42' 38"	106° 25' 01"	9° 43' 44"	106° 27' 49"	C-48-57-D-b
sông Trà Côn	TV	xã Long Sơn	H. Cầu Ngang			9° 44' 50"	106° 26' 53"	9° 43' 55"	106° 28' 36"	C-48-57-D-b
ấp Bào Sen	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 43"	106° 28' 14"					C-48-57-B-d
ấp Bờ Kinh 1	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 53"	106° 26' 50"					C-48-57-B-d
ấp Bờ Kinh 2	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 49' 12"	106° 26' 30"					C-48-57-B-d
ấp Cẩm Hương	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 00"	106° 28' 10"					C-48-57-B-d
ấp Hòa Hưng	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 29"	106° 27' 49"					C-48-57-B-d
ấp Hòa Thịnh	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 21"	106° 28' 36"					C-48-57-B-d
ấp Mỹ Cẩm B	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 41"	106° 27' 18"					C-48-57-B-d
ấp Sóc Hoang	DC	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 49' 03"	106° 28' 08"					C-48-57-B-d
Quốc lộ 53	KX	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-d
chùa Liên Giác	KX	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 56"	106° 28' 17"					C-48-57-B-d
chùa Pro Hút	KX	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 28"	106° 27' 18"					C-48-57-B-d
chùa Teo Chás	KX	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 52"	106° 28' 16"					C-48-57-B-d
chùa Teo Thmây	KX	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang	9° 48' 26"	106° 27' 59"					C-48-57-B-d
Kênh Giồng	TV	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			9° 49' 56"	106° 26' 12"	9° 50' 22"	106° 26' 42"	C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thống Nhất	TV	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-d
kênh Vĩnh Bình - Mỹ Cẩm	TV	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			9° 53' 07"	106° 26' 43"	9° 47' 56"	106° 29' 11"	C-48-57-B-d
kênh Xóm Chòi	TV	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 56"	106° 26' 23"	9° 47' 42"	106° 24' 40"	C-48-57-B-d
rạch Bào Sen	TV	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			9° 46' 37"	106° 27' 35"	9° 47' 43"	106° 27' 32"	C-48-57-B-d
sông Cầu Ngang	TV	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 43"	106° 27' 32"	9° 49' 56"	106° 26' 12"	C-48-57-B-d
sông Vinh Kim	TV	xã Mỹ Hòa	H. Cầu Ngang			9° 49' 38"	106° 25' 55"	9° 53' 33"	106° 26' 17"	C-48-57-B-d
ấp Bến Cát	DC	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 49' 34"	106° 29' 18"					C-48-57-B-d
ấp Bến Đáy B	DC	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 48' 05"	106° 30' 17"					C-48-58-A-c
ấp Bến Kinh	DC	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 49' 16"	106° 28' 48"					C-48-57-B-d
ấp Hạnh Mỹ	DC	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 49' 50"	106° 28' 33"					C-48-57-B-d
ấp Mỹ Thập	DC	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 48' 45"	106° 28' 46"					C-48-57-B-d
ấp Nhứt A	DC	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 48' 13"	106° 29' 28"					C-48-57-B-d
Chùa Dơi	KX	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 48' 39"	106° 29' 22"					C-48-57-B-d
đình Hạnh Mỹ	KX	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 49' 42"	106° 28' 39"					C-48-57-B-d
đình Long Hậu	KX	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 48' 25"	106° 29' 31"					C-48-57-B-d
đình Mỹ Thập	KX	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 48' 54"	106° 28' 46"					C-48-57-B-d
Cồn Bần	TV	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang	9° 48' 05"	106° 31' 45"					C-48-58-A-c
kênh Bào Giá	TV	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang			9° 50' 01"	106° 28' 34"	9° 49' 54"	106° 27' 53"	C-48-57-B-d
kênh Vĩnh Bình - Mỹ Cẩm	TV	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang			9° 53' 07"	106° 26' 43"	9° 47' 56"	106° 29' 11"	C-48-57-B-d
sông Bến Kinh	TV	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang			9° 49' 19"	106° 29' 53"	9° 49' 47"	106° 29' 37"	C-48-57-B-d
sông Cổ Chiên	TV	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-57-B-d; C-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hạnh Mỹ	TV	xã Mỹ Long Bắc	H. Cầu Ngang			9° 50' 01"	106° 28' 34"	9° 50' 20"	106° 29' 14"	C-48-57-B-d
Ấp Ba	DC	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang	9° 46' 01"	106° 30' 25"					C-48-58-A-c
Ấp Năm	DC	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang	9° 44' 09"	106° 31' 12"					C-48-58-C-a
Ấp Nhì	DC	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang	9° 47' 19"	106° 30' 38"					C-48-58-A-c
ấp Nhứt B	DC	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang	9° 46' 51"	106° 30' 18"					C-48-58-A-c
Ấp Tư	DC	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang	9° 45' 29"	106° 31' 11"					C-48-58-A-c
cống Bến Chùa	KX	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang	9° 43' 27"	106° 31' 10"					C-48-58-C-a
cống Thâu Râu	KX	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang	9° 43' 51"	106° 31' 10"					C-48-58-C-a
kênh Đường Trâu	TV	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang			9° 46' 59"	106° 29' 31"	9° 47' 05"	106° 30' 08"	C-48-57-B-d; C-48-58-A-c
sông Bến Chùa	TV	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang			9° 43' 55"	106° 28' 36"	9° 45' 11"	106° 32' 24"	C-48-58-A-c; C-48-58-C-a
xẻo Cây Me	TV	xã Mỹ Long Nam	H. Cầu Ngang			9° 44' 50"	106° 31' 12"	9° 43' 54"	106° 31' 18"	C-48-58-C-a
ấp Ba So	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 45' 05"	106° 23' 40"					C-48-57-B-d
ấp Bông Ven	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 46' 36"	106° 23' 32"					C-48-57-B-d
ấp Chông Bát	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 44' 17"	106° 21' 07"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Thành	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 45' 52"	106° 24' 04"					C-48-57-B-d
ấp Là Ca A	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 44' 30"	106° 22' 25"					C-48-57-D-a
ấp Là Ca B	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 44' 01"	106° 21' 38"					C-48-57-D-a
ấp Nô Lựa A	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 45' 23"	106° 23' 10"					C-48-57-B-d
ấp Nô Lựa B	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 45' 12"	106° 22' 27"					C-48-57-B-c
Ấp Tụa	DC	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 44' 28"	106° 24' 01"					C-48-57-D-b
cầu Ba So	KX	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 45' 14"	106° 24' 06"					C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Ba So	KX	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 45' 26"	106° 24' 00"					C-48-57-B-d
chùa Là Ca B	KX	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 44' 08"	106° 21' 46"					C-48-57-D-a
chùa Tro Păng Veng (Bông Ven)	KX	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 46' 40"	106° 23' 40"					C-48-57-B-d
hồ Bàu Dài	TV	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang	9° 46' 03"	106° 23' 21"					C-48-57-B-d
kênh Ba So - Hiệp Hòa	TV	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang			9° 47' 26"	106° 25' 08"	9° 45' 44"	106° 24' 16"	C-48-57-B-d
kênh Bóng Trường	TV	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang			9° 43' 01"	106° 20' 35"	9° 44' 38"	106° 23' 23"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-b
kênh Sóc Cụt	TV	xã Nhị Trường	H. Cầu Ngang			9° 44' 47"	106° 18' 56"	9° 45' 28"	106° 22' 06"	C-48-57-B-c
ấp Cầu Vĩ	DC	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 24"	106° 27' 03"					C-48-57-D-b
ấp Lạc Hòa	DC	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 24"	106° 27' 43"					C-48-57-D-b
ấp Lạc Sơn	DC	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 41' 25"	106° 25' 00"					C-48-57-D-b
ấp Lạc Thạnh A	DC	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 19"	106° 26' 21"					C-48-57-D-b
ấp Lạc Thạnh B	DC	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 41' 45"	106° 25' 40"					C-48-57-D-b
ấp Sóc Chuối	DC	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 41' 07"	106° 24' 28"					C-48-57-D-b
ấp Trường Bắn	DC	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 41' 37"	106° 24' 11"					C-48-57-D-b
chùa Mê Rông Chas	KX	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 06"	106° 26' 22"					C-48-57-D-b
chùa Mê Rông Thmây	KX	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 41' 12"	106° 24' 38"					C-48-57-D-b
chùa Ông Bổn	KX	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 26"	106° 26' 33"					C-48-57-D-b
chùa Ông Bổn	KX	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 06"	106° 24' 42"					C-48-57-D-b
chùa Phước Hiệp	KX	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 07"	106° 26' 11"					C-48-57-D-b
chùa Vel Lac	KX	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang	9° 42' 38"	106° 28' 20"					C-48-57-D-b
kênh Tầm Vu	TV	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang			9° 42' 11"	106° 28' 31"	9° 43' 42"	106° 28' 12"	C-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bến Trại	TV	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang			9° 41' 14"	106° 25' 29"	9° 42' 16"	106° 26' 40"	C-48-57-D-b
rạch Hốc Siêu	TV	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang			9° 41' 31"	106° 24' 22"	9° 42' 00"	106° 23' 35"	C-48-57-D-b
rạch Thị Ròn	TV	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang			9° 42' 39"	106° 26' 53"	9° 43' 00"	106° 26' 46"	C-48-57-D-b
sông Tân Lập	TV	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang			9° 42' 38"	106° 25' 01"	9° 43' 44"	106° 27' 49"	C-48-57-D-b
sông Trà Côn	TV	xã Thạnh Hòa Sơn	H. Cầu Ngang			9° 44' 50"	106° 26' 53"	9° 43' 55"	106° 28' 36"	C-48-57-D-b
ấp Nô Công	DC	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 46' 47"	106° 26' 44"					C-48-57-B-d
Ấp Rạch	DC	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 46' 33"	106° 27' 40"					C-48-57-B-d
ấp Sóc Chùa	DC	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 01"	106° 26' 13"					C-48-57-B-d
ấp Thuận An	DC	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 10"	106° 26' 45"					C-48-57-B-d
ấp Thuận Hiệp	DC	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 40"	106° 26' 24"					C-48-57-B-d
ấp Thủy Hòa	DC	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 03"	106° 26' 55"					C-48-57-B-d
ấp Trà Kim	DC	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 46' 12"	106° 26' 12"					C-48-57-B-d
Quốc lộ 53	KX	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-d
chùa Chông Phnô	KX	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 46' 07"	106° 25' 31"					C-48-57-B-d
chùa Kos Som	KX	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 01"	106° 26' 31"					C-48-57-B-d
thánh thất cao đài	KX	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang	9° 47' 11"	106° 26' 55"					C-48-57-B-d
kênh Bình Tân - Ba So	TV	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 29"	106° 25' 08"	9° 44' 35"	106° 24' 40"	C-48-57-B-d
Kênh Ngay	TV	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 37"	106° 27' 10"	9° 46' 37"	106° 27' 35"	C-48-57-B-d
kênh Ông Đức	TV	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 56"	106° 26' 54"	9° 47' 51"	106° 26' 09"	C-48-57-B-d
kênh Xẻo Lác	TV	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			9° 46' 11"	106° 27' 44"	9° 46' 11"	106° 28' 29"	C-48-57-B-d
kênh Xóm Chòi	TV	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			9° 47' 56"	106° 26' 23"	9° 47' 42"	106° 24' 40"	C-48-57-B-d
rạch Bào Sen	TV	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			9° 46' 37"	106° 27' 35"	9° 47' 43"	106° 27' 32"	C-48-57-B-d
sông Ông Ốc	TV	xã Thuận Hòa	H. Cầu Ngang			9° 46' 37"	106° 27' 35"	9° 44' 55"	106° 28' 29"	C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Căn Nom	DC	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 47' 25"	106° 22' 28"					C-48-57-B-c
ấp Chông Văn	DC	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 46' 08"	106° 21' 22"					C-48-57-B-c
ấp Cós Xoài	DC	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 45' 57"	106° 20' 14"					C-48-57-B-c
ấp Giồng Chanh	DC	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 45' 47"	106° 21' 41"					C-48-57-B-c
ấp Giồng Dầy	DC	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 45' 12"	106° 20' 39"					C-48-57-B-c
ấp Nô Pộk	DC	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 46' 13"	106° 20' 54"					C-48-57-B-c
ấp Sóc Cụt	DC	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 46' 21"	106° 21' 31"					C-48-57-B-c
chùa Can Snom	KX	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 47' 12"	106° 22' 51"					C-48-57-B-d
chùa Cós Xoài	KX	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 45' 56"	106° 20' 23"					C-48-57-B-c
chùa Khánh Phước	KX	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 46' 07"	106° 20' 45"					C-48-57-B-c
chùa Om Păng San (Sóc Cụt)	KX	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang	9° 46' 15"	106° 21' 54"					C-48-57-B-c
kênh Sóc Cụt	TV	xã Trường Thọ	H. Cầu Ngang			9° 44' 47"	106° 18' 56"	9° 45' 28"	106° 22' 06"	C-48-57-B-c
ấp Cà Tum A	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 50' 57"	106° 26' 12"					C-48-57-B-d
ấp Cà Tum B	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 50' 11"	106° 26' 05"					C-48-57-B-d
ấp Chà Và	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 51' 06"	106° 26' 43"					C-48-57-B-d
ấp Giồng Lớn	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 50' 09"	106° 27' 44"					C-48-57-B-d
ấp Mai Hương	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 49' 37"	106° 27' 16"					C-48-57-B-d
Ấp Rẩy	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 52' 00"	106° 26' 40"					C-48-57-B-d
ấp Rẩy A	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 53' 07"	106° 26' 13"					C-48-57-B-b
ấp Thôn Rôn	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 51' 22"	106° 27' 22"					C-48-57-B-d
ấp Trà Cuôn	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 51' 30"	106° 25' 45"					C-48-57-B-d
ấp Vinh Cửu	DC	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 49' 51"	106° 27' 20"					C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 53	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-d
bến phà Xếp Phụng	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 53' 50"	106° 26' 52"					C-48-57-B-b
cầu Trà Cuôn 1	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 51' 34"	106° 25' 42"					C-48-57-B-d
cầu Trà Cuôn 2	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 51' 26"	106° 26' 01"					C-48-57-B-d
cầu Vinh Kim	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 51' 16"	106° 26' 25"					C-48-57-B-d
cống Vĩnh Bình - Mỹ Cẩm	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 52' 08"	106° 26' 52"					C-48-57-B-d
Miếu Bà	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 53' 30"	106° 26' 18"					C-48-57-B-b
nhà thờ Vĩnh Hòa	KX	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang	9° 51' 44"	106° 25' 26"					C-48-57-B-d
kênh Bào Giá	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 50' 01"	106° 28' 34"	9° 49' 54"	106° 27' 53"	C-48-57-B-d
kênh Cá Trê	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 50' 46"	106° 28' 02"	9° 50' 40"	106° 27' 36"	C-48-57-B-d
kênh Cầu Đập Ngoài	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 49' 48"	106° 26' 02"	9° 49' 37"	106° 25' 40"	C-48-57-B-d
kênh Cầu Đập Trong	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 49' 38"	106° 25' 55"	9° 49' 26"	106° 24' 51"	C-48-57-B-d
Kênh Giồng	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 49' 56"	106° 26' 12"	9° 50' 22"	106° 26' 42"	C-48-57-B-d
kênh Hai Nò	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 50' 12"	106° 26' 12"	9° 50' 21"	106° 25' 14"	C-48-57-B-d
kênh Hồ Phát	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 50' 06"	106° 26' 10"	9° 50' 09"	106° 25' 12"	C-48-57-B-d
kênh Năm Tươi	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 50' 43"	106° 26' 18"	9° 50' 45"	106° 25' 20"	C-48-57-B-d
kênh Ông Cố	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 51' 03"	106° 26' 21"	9° 51' 12"	106° 25' 25"	C-48-57-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 49' 35"	106° 25' 13"	9° 50' 45"	106° 24' 30"	C-48-57-B-d
Kênh Sậy	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 51' 30"	106° 28' 15"	9° 51' 06"	106° 27' 28"	C-48-57-B-d
kênh Tám Trọng	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 50' 46"	106° 26' 18"	9° 51' 03"	106° 25' 24"	C-48-57-B-d
kênh Vĩnh Bình - Mỹ Cẩm	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 53' 07"	106° 26' 43"	9° 47' 56"	106° 29' 11"	C-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cổ Chiên	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-57-B-b; C-48-57-B-d
sông Trà Cuôn	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 50' 54"	106° 22' 23"	9° 51' 45"	106° 26' 31"	C-48-57-B-d
sông Vinh Kim	TV	xã Vinh Kim	H. Cầu Ngang			9° 49' 38"	106° 25' 55"	9° 53' 33"	106° 26' 17"	C-48-57-B-b; C-48-57-B-d
Khóm 1	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 24"	106° 21' 05"					C-48-57-B-c
Khóm 2	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 07"	106° 21' 05"					C-48-57-B-c
Khóm 3	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 38"	106° 20' 38"					C-48-57-B-a
Khóm 4	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 55"	106° 20' 46"					C-48-57-B-a
Khóm 5	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 20"	106° 20' 42"					C-48-57-B-c
Quốc lộ 54	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-c; C-48-57-B-a
cầu Đa Lộc	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 22"	106° 20' 55"					C-48-57-B-c
cầu Tầm Phương	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 53' 27"	106° 20' 31"					C-48-57-B-a
chùa Hưng Long	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 20"	106° 20' 38"					C-48-57-B-c
chùa Kom Pong Chrây (Hang)	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 53' 17"	106° 20' 36"					C-48-57-B-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn May Trà Vinh	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 51' 55"	106° 20' 48"					C-48-57-B-c
đình Đa Lộc	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	9° 52' 09"	106° 20' 54"					C-48-57-B-c
kênh Tầm Phương	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 51' 25"	106° 17' 38"	C-48-57-B-a
rạch Bàng Đa	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			9° 52' 23"	106° 20' 56"	9° 52' 21"	106° 24' 25"	C-48-57-B-c; C-48-57-B-a
sông Đa Lộc	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			9° 49' 32"	106° 21' 05"	9° 53' 29"	106° 20' 46"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Ba Tiêu	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 49"	106° 20' 56"					C-48-57-B-a
ấp Bàu Sơn	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 40"	106° 22' 23"					C-48-57-B-a
ấp Giồng Lức	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 49' 09"	106° 20' 59"					C-48-57-B-c
ấp Hương Phụ A	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 51' 33"	106° 21' 01"					C-48-57-B-c
ấp Hương Phụ B	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 51' 07"	106° 21' 19"					C-48-57-B-c
ấp Hương Phụ C	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 49' 13"	106° 22' 13"					C-48-57-B-c
ấp Thanh Trì A	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 06"	106° 20' 23"					C-48-57-B-c
ấp Thanh Trì B	DC	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 25"	106° 20' 18"					C-48-57-B-c
Quốc lộ 54	KX	xã Đa Lộc	H. Châu Thành			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-c
cầu Giồng Lức	KX	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 49' 31"	106° 21' 02"					C-48-57-B-c
cầu Thanh Trì	KX	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 00"	106° 19' 23"					C-48-57-B-c
chùa Ô Tà Pậu	KX	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 41"	106° 22' 31"					C-48-57-B-b
chùa Phnô Anđet	KX	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 49' 05"	106° 20' 57"					C-48-57-B-c
chùa Trốt Cớt	KX	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 51' 14"	106° 21' 19"					C-48-57-B-c
Miếu Bà	KX	xã Đa Lộc	H. Châu Thành	9° 49' 36"	106° 21' 18"					C-48-57-B-c
kênh Ô Kà Đa	TV	xã Đa Lộc	H. Châu Thành			9° 51' 24"	106° 22' 59"	9° 51' 12"	106° 22' 22"	C-48-57-B-c
kênh Tầm Phương	TV	xã Đa Lộc	H. Châu Thành			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 51' 25"	106° 17' 38"	C-48-57-B-a
kênh Thống Nhất	TV	xã Đa Lộc	H. Châu Thành			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-c
kênh Trà Cuông	TV	xã Đa Lộc	H. Châu Thành			9° 50' 54"	106° 22' 23"	9° 51' 35"	106° 24' 11"	C-48-57-B-c; C-48-57-B-d
rạch Bàng Đa	TV	xã Đa Lộc	H. Châu Thành			9° 52' 23"	106° 20' 56"	9° 52' 21"	106° 24' 25"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-b
sông Đa Lộc	TV	xã Đa Lộc	H. Châu Thành			9° 49' 32"	106° 21' 05"	9° 53' 29"	106° 20' 46"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Chăng Mật	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 55' 15"	106° 22' 07"					C-48-57-B-a
ấp Đa Hòa Bắc	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 53' 42"	106° 23' 16"					C-48-57-B-b
ấp Đa Hòa Nam	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 54' 06"	106° 23' 32"					C-48-57-B-b
ấp Kênh Xáng	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 54' 47"	106° 21' 42"					C-48-57-B-a
ấp Qui Nông A	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 54' 26"	106° 22' 43"					C-48-57-B-b
ấp Qui Nông B	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 54' 18"	106° 22' 54"					C-48-57-B-b
ấp Trì Phong	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 55' 13"	106° 21' 37"					C-48-57-B-a
Ấp Truôn	DC	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 55' 03"	106° 21' 55"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-b
chùa Knong Sróc (Qui Nông)	KX	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 54' 10"	106° 22' 59"					C-48-57-B-b
chùa Liên Quang	KX	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 55' 00"	106° 22' 04"					C-48-57-B-a
Chùa Ô	KX	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 55' 05"	106° 21' 59"					C-48-57-B-a
Chùa Ô	KX	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 55' 30"	106° 21' 35"					C-48-57-B-a
miếu Hình Tháp	KX	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành	9° 55' 31"	106° 21' 43"					C-48-57-B-a
rạch Ông Dừa	TV	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành			9° 54' 39"	106° 21' 49"	9° 54' 21"	106° 22' 20"	C-48-57-B-a
xẻo Bà Trân	TV	xã Hòa Lợi	H. Châu Thành			9° 54' 44"	106° 23' 17"	9° 55' 32"	106° 24' 04"	C-48-57-B-b
ấp Bà Liêm	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 55' 25"	106° 27' 42"					C-48-57-B-b
ấp Cồn Chim	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 55' 08"	106° 25' 27"					C-48-57-B-b
ấp Đại Thôn A	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 54' 19"	106° 28' 10"					C-48-57-B-b
ấp Đại Thôn B	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 54' 06"	106° 27' 50"					C-48-57-B-b
ấp Giồng Giá	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 54' 51"	106° 28' 15"					C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Long Hưng 1	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 55' 37"	106° 26' 20"					C-48-57-B-b
ấp Long Hưng 2	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 56' 17"	106° 25' 08"					C-48-57-B-b
ấp Ông Yển	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 54' 55"	106° 27' 15"					C-48-57-B-b
ấp Thông Lưu	DC	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 55' 23"	106° 25' 38"					C-48-57-B-b
bến phà Bến Bạ	KX	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 55' 06"	106° 28' 37"					C-48-57-B-b
bến phà Xếp Phụng	KX	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 53' 50"	106° 26' 52"					C-48-57-B-b
chùa Ông Yển	KX	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 54' 52"	106° 27' 13"					C-48-57-B-b
đình Phước Long	KX	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 54' 59"	106° 26' 31"					C-48-57-B-b
nhà thờ Cổ Chiên	KX	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 54' 30"	106° 28' 15"					C-48-57-B-b
Cồn Chim	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 55' 12"	106° 25' 23"					C-48-57-B-b
Cồn Nạn	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành	9° 55' 57"	106° 24' 50"					C-48-57-B-b
rạch Bến Bạ	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 54' 51"	106° 28' 25"	9° 55' 04"	106° 28' 32"	C-48-57-B-b
rạch Cá Bảy	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 54' 09"	106° 28' 38"	9° 53' 37"	106° 27' 55"	C-48-57-B-b
rạch Cần Thay	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 53' 32"	106° 28' 31"	9° 53' 28"	106° 28' 06"	C-48-57-B-b
rạch Cầu Đất	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 54' 20"	106° 27' 55"	9° 54' 09"	106° 27' 31"	C-48-57-B-b
rạch Giăng Độ	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 54' 58"	106° 26' 30"	9° 53' 55"	106° 27' 31"	C-48-57-B-b
rạch Khe Luông	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 54' 12"	106° 28' 07"	9° 53' 48"	106° 28' 12"	C-48-57-B-b
rạch Long Hưng	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 54' 57"	106° 26' 30"	9° 56' 14"	106° 26' 19"	C-48-57-B-b
sông Bà Liêm	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 55' 25"	106° 26' 45"	9° 55' 36"	106° 27' 45"	C-48-57-B-b
sông Cầu Dừa	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 54' 59"	106° 27' 35"	9° 54' 20"	106° 27' 55"	C-48-57-B-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-57-B-b
sông Cồn Nạn	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 56' 30"	106° 24' 26"	9° 55' 26"	106° 25' 22"	C-48-57-B-b
sông Cồn Phụng	TV	xã Hòa Minh	H. Châu Thành			9° 53' 58"	106° 27' 13"	9° 50' 41"	106° 30' 31"	C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bích Trì	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 15"	106° 21' 46"					C-48-57-B-a
ấp Đa Cần	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 19"	106° 21' 29"					C-48-57-B-a
ấp Đầu Bờ	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 38"	106° 21' 04"					C-48-57-B-a
ấp Kỳ La	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 32"	106° 21' 29"					C-48-57-B-a
ấp Rạch Kinh	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 52"	106° 22' 48"					C-48-57-B-b
ấp Vĩnh Bảo	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 58' 11"	106° 21' 06"					C-48-57-B-a
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 57' 40"	106° 22' 06"					C-48-57-B-a
ấp Vĩnh Trường	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 56"	106° 21' 28"					C-48-57-B-a
ấp Xuân Thạnh	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 57' 21"	106° 21' 21"					C-48-57-B-a
chung cư Kỳ La	DC	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 22"	106° 21' 09"					C-48-57-B-a
chùa Giác Quang	KX	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 48"	106° 21' 36"					C-48-57-B-a
chùa Ksach Canđal	KX	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 03"	106° 21' 42"					C-48-57-B-a
đình Vĩnh Trường	KX	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 57' 13"	106° 21' 27"					C-48-57-B-a
miếu Bà Thiên Hậu	KX	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 58' 18"	106° 21' 13"					C-48-57-B-a
miếu Ông Tà	KX	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành	9° 56' 46"	106° 21' 22"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
Rạch Kinh	TV	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành			9° 56' 32"	106° 21' 44"	9° 57' 05"	106° 22' 38"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-b
Rạch Sắn	TV	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành			9° 57' 01"	106° 21' 37"	9° 57' 05"	106° 22' 38"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-b
sông Long Bình	TV	xã Hòa Thuận	H. Châu Thành			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 58' 27"	106° 21' 18"	C-48-57-B-a
ấp Bà Trầm	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 55' 10"	106° 22' 58"					C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bãi Vàng	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 53' 42"	106° 25' 56"					C-48-57-B-b
ấp Cồn Cò	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 57' 22"	106° 23' 44"					C-48-57-B-b
ấp Đại Thôn	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 54' 15"	106° 25' 25"					C-48-57-B-b
ấp Ngãi Hiệp	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 53' 55"	106° 24' 14"					C-48-57-B-b
ấp Ngãi Lợi	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 55' 35"	106° 23' 45"					C-48-57-B-b
ấp Rạch Giữa	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 56' 25"	106° 23' 04"					C-48-57-B-b
ấp Rạch Vồn	DC	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 54' 13"	106° 25' 06"					C-48-57-B-b
tuyến đò Ấp Rẫy	KX	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 53' 33"	106° 26' 11"					C-48-57-B-b
bến phà Xếp Phụng	KX	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 53' 50"	106° 26' 52"					C-48-57-B-b
cầu Đa Hòa 1	KX	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 53' 52"	106° 24' 10"					C-48-57-B-b
chùa Liên Hoa	KX	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 54' 02"	106° 24' 29"					C-48-57-B-b
Miếu Bà	KX	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành	9° 55' 06"	106° 24' 13"					C-48-57-B-b
rạch Bà Trầm	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 55' 02"	106° 22' 43"	9° 56' 07"	106° 23' 30"	C-48-57-B-b
rạch Cồn Cập	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 57' 21"	106° 23' 37"	9° 56' 59"	106° 24' 11"	C-48-57-B-b
Rạch Gùm	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 57' 15"	106° 24' 02"	9° 56' 44"	106° 23' 41"	C-48-57-B-b
rạch Ngãi Hiệp	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 53' 50"	106° 24' 01"	9° 54' 14"	106° 24' 55"	C-48-57-B-b
rạch Rạch Giữa	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 55' 59"	106° 22' 35"	9° 56' 17"	106° 23' 20"	C-48-57-B-b
rạch Rạch Vồn	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 53' 34"	106° 25' 52"	9° 54' 38"	106° 25' 05"	C-48-57-B-b
rạch Tầm Lòn	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 53' 02"	106° 25' 55"	9° 53' 49"	106° 25' 23"	C-48-57-B-b
rạch Xẻo Dơi	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 57' 28"	106° 23' 30"	9° 57' 47"	106° 23' 37"	C-48-57-B-b
rạch Xẻo Miễu	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 57' 20"	106° 23' 19"	9° 57' 39"	106° 23' 49"	C-48-57-B-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-57-B-b
sông Vinh Kim	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 49' 38"	106° 25' 55"	9° 53' 33"	106° 26' 17"	C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xẻo Bà Lai Gắng	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 55' 14"	106° 23' 21"	9° 55' 38"	106° 23' 57"	C-48-57-B-b
xẻo Bà Trân	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 54' 44"	106° 23' 17"	9° 55' 32"	106° 24' 04"	C-48-57-B-b
xẻo Bảy Tất	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 54' 33"	106° 24' 10"	9° 55' 02"	106° 24' 36"	C-48-57-B-b
xẻo Trái Nổi	TV	xã Hưng Mỹ	H. Châu Thành			9° 54' 59"	106° 24' 16"	9° 55' 06"	106° 23' 46"	C-48-57-B-b
ấp Bà Tình	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 00"	106° 29' 48"					C-48-57-B-d
ấp Bùng Binh	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 33"	106° 31' 32"					C-48-58-A-c
ấp Cồn Phụng	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 54"	106° 28' 23"					C-48-57-B-b
ấp Hai Thủ	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 50' 46"	106° 31' 56"					C-48-58-A-c
ấp Rạch Giồng	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 50"	106° 31' 11"					C-48-58-A-c
ấp Rạch Gốc	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 16"	106° 29' 51"					C-48-57-B-b
ấp Rạch Ngựa	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 46"	106° 30' 28"					C-48-58-A-a
ấp Rạch Sâu	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 23"	106° 28' 40"					C-48-57-B-b
ấp Thôn Vạn	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 55"	106° 28' 54"					C-48-57-B-b
ấp Xẻo Ranh	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 54' 13"	106° 29' 03"					C-48-57-B-b
xóm Bà Chẩn	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 07"	106° 30' 55"					C-48-58-A-c
xóm Thủ Sau	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 16"	106° 32' 02"					C-48-58-A-c
xóm Thủ Trước	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 50' 19"	106° 31' 29"					C-48-58-A-c
xóm Xẻo Quao	DC	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 26"	106° 29' 35"					C-48-57-B-d
tuyến đò Rạch Sâu	KX	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 18"	106° 28' 15"					C-48-57-B-b
bến phà Bùng Binh	KX	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 42"	106° 31' 42"					C-48-58-A-c
bến phà Thủ Sau	KX	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 21"	106° 32' 08"					C-48-58-A-c
bến phà Xếp Phụng	KX	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 50"	106° 26' 52"					C-48-57-B-b
nhà thờ Rạch Giồng	KX	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 47"	106° 31' 09"					C-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cồn Phụng	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 42"	106° 28' 26"					C-48-57-B-b
cửa Cổ Chiên	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành	9° 48' 45"	106° 33' 20"					C-48-58-A-c
rạch Bà Chẩn	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 02"	106° 29' 54"	9° 52' 14"	106° 31' 06"	C-48-58-A-c
rạch Bùng Binh	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 51' 07"	106° 30' 53"	9° 51' 36"	106° 31' 49"	C-48-58-A-c
rạch Cả Nứa	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 51' 56"	106° 30' 13"	9° 51' 10"	106° 30' 39"	C-48-58-A-c
rạch Cần Thay	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 53' 32"	106° 28' 31"	9° 53' 28"	106° 28' 06"	C-48-57-B-b
rạch Cổ Bồng	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 56"	106° 29' 25"	9° 53' 08"	106° 30' 25"	C-48-57-B-b; C-48-58-A-a
Rạch Dầu	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 01"	106° 30' 30"	9° 52' 36"	106° 30' 48"	C-48-58-A-c
rạch Đầm Lác	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 57"	106° 32' 09"	9° 51' 12"	106° 32' 20"	C-48-58-A-c
rạch Đầm Lớn	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 49"	106° 32' 04"	9° 51' 01"	106° 32' 37"	C-48-58-A-c
Rạch Giồng	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 02"	106° 30' 35"	9° 52' 07"	106° 31' 13"	C-48-58-A-c
Rạch Gốc	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 53' 41"	106° 28' 55"	9° 53' 29"	106° 30' 08"	C-48-57-B-b; C-48-58-A-a
rạch Ngã Cại	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 28"	106° 32' 20"	9° 50' 46"	106° 32' 17"	C-48-58-A-c
Rạch Ngựa	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 24"	106° 29' 52"	9° 52' 55"	106° 30' 34"	C-48-58-A-c; C-48-58-A-a; C-48-57-B-d
Rạch Sâu	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 53' 43"	106° 28' 42"	9° 53' 17"	106° 28' 20"	C-48-57-B-b
Rạch Thủ	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 23"	106° 31' 57"	9° 50' 49"	106° 32' 04"	C-48-58-A-c
rạch Xẻo Quao	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 55"	106° 29' 40"	9° 52' 18"	106° 29' 20"	C-48-57-B-d
sông Cổ Chiên	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			10° 04' 57"	106° 14' 17"	9° 48' 45"	106° 33' 20"	C-48-58-A-a
sông Cồn Phụng	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 53' 58"	106° 27' 13"	9° 50' 41"	106° 30' 31"	C-48-57-B-b
xẻo Cây Mắm	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 38"	106° 30' 49"	9° 50' 29"	106° 31' 13"	C-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xẻo Giữa	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 55"	106° 31' 46"	9° 51' 26"	106° 32' 02"	C-48-58-A-c
xẻo Ngã Cại	TV	xã Long Hòa	H. Châu Thành			9° 51' 05"	106° 31' 48"	9° 51' 35"	106° 31' 48"	C-48-58-A-c
ấp Ba Se A	DC	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 55' 01"	106° 17' 36"					C-48-57-B-a
ấp Ba Se B	DC	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 55' 43"	106° 17' 09"					C-48-57-B-a
ấp Bình La	DC	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 28"	106° 16' 15"					C-48-57-B-a
ấp Bót Chếch	DC	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 44"	106° 16' 50"					C-48-57-B-a
ấp Ô Chích A	DC	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 55' 17"	106° 16' 26"					C-48-57-B-a
ấp Ô Chích B	DC	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 55' 11"	106° 15' 49"					C-48-57-B-a
ấp Sâm Bua	DC	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 31"	106° 16' 32"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 60	KX	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-B-a
cầu Ô Chát	KX	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 52"	106° 15' 56"					C-48-57-B-a
chùa Banle Chây	KX	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 54' 17"	106° 18' 32"					C-48-57-B-a
chùa Phật Quang	KX	xã Lương Hòa	H. Châu Thành	9° 54' 58"	106° 17' 54"					C-48-57-B-a
kênh Hòa Lạc	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 15"	106° 16' 20"	9° 54' 25"	106° 18' 45"	C-48-57-B-a
kênh Ngã Tư	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 53' 37"	106° 16' 07"	9° 54' 43"	106° 18' 27"	C-48-57-B-a
kênh Ô Chích	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 08"	106° 15' 57"	9° 54' 46"	106° 18' 00"	C-48-57-B-a
kênh Thiêu Ma	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 06"	106° 18' 12"	9° 53' 12"	106° 16' 29"	C-48-57-B-a
rạch Ba Se	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 06"	106° 17' 50"	9° 56' 17"	106° 16' 39"	C-48-57-B-a
rạch Bót Chếch	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 46"	106° 17' 19"	9° 52' 55"	106° 16' 31"	C-48-57-B-a
rạch Ô Chích	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 55"	106° 16' 24"	9° 55' 59"	106° 16' 09"	C-48-57-B-a
rạch Trâu Đầm	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 06"	106° 16' 53"	9° 55' 29"	106° 16' 24"	C-48-57-B-a
sông Ba Si	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 58"	106° 15' 46"	9° 57' 53"	106° 18' 15"	C-48-57-B-a
sông Bến Có	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 39"	106° 17' 39"	9° 56' 08"	106° 18' 15"	C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ô Chát	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 51' 09"	106° 16' 44"	9° 54' 58"	106° 15' 46"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-c
xẻo Ô Chích	TV	xã Lương Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 10"	106° 16' 15"	9° 55' 39"	106° 15' 55"	C-48-57-B-a
ấp Chà Dư	DC	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 54' 13"	106° 18' 42"					C-48-57-B-a
ấp Đai Tèn	DC	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 51' 26"	106° 17' 12"					C-48-57-B-c
ấp Hòa Lạc A	DC	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 53' 20"	106° 18' 01"					C-48-57-B-a
ấp Hòa Lạc B	DC	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 52' 40"	106° 17' 39"					C-48-57-B-a
ấp Hòa Lạc C	DC	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 52' 11"	106° 17' 20"					C-48-57-B-c
ấp Ô Bắp	DC	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 51' 24"	106° 16' 38"					C-48-57-B-c
ấp Tân Ngại	DC	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 54' 06"	106° 19' 01"					C-48-57-B-a
Đường tỉnh 911	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 48' 36"	106° 17' 17"	9° 57' 34"	106° 05' 01"	C-48-57-B-c
cầu Bắc Phèn	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 51' 07"	106° 17' 28"					C-48-57-B-c
cầu Ô Xây	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 53' 54"	106° 19' 58"					C-48-57-B-a
Cầu Xây	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 51' 30"	106° 16' 41"					C-48-57-B-c
chùa Chồng Tọp	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 53' 27"	106° 18' 04"					C-48-57-B-a
chùa Pháp Hòa	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 54' 08"	106° 18' 47"					C-48-57-B-a
chùa Sa Mút	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 53' 47"	106° 18' 39"					C-48-57-B-a
nhà thờ Hòa Lạc	KX	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành	9° 53' 08"	106° 17' 58"					C-48-57-B-a
kênh Bắc Phèn	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 51' 18"	106° 17' 25"	9° 48' 47"	106° 18' 03"	C-48-57-B-c
kênh Cấp Hai	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 48' 30"	106° 12' 26"	9° 51' 09"	106° 16' 44"	C-48-57-B-c
kênh Hòa Lạc	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 52' 15"	106° 16' 20"	9° 54' 25"	106° 18' 45"	C-48-57-B-a
Kênh Ngang	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 51' 09"	106° 16' 44"	9° 48' 37"	106° 17' 23"	C-48-57-B-c
kênh Tầm Phương	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 53' 29"	106° 20' 46"	9° 51' 25"	106° 17' 38"	C-48-57-B-c; C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đai Tèn	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 51' 13"	106° 18' 14"	9° 51' 17"	106° 16' 43"	C-48-57-B-c
sông Ô Chát	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 51' 09"	106° 16' 44"	9° 54' 58"	106° 15' 46"	C-48-57-B-c
xẻo Ô Tre Lớn	TV	xã Lương Hòa A	H. Châu Thành			9° 50' 02"	106° 18' 47"	9° 51' 13"	106° 18' 14"	C-48-57-B-c
ấp Đầu Giồng A	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 49' 23"	106° 20' 38"					C-48-57-B-c
ấp Đầu Giồng B	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 49' 12"	106° 19' 20"					C-48-57-B-c
ấp Giồng Trôm	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 48' 32"	106° 20' 47"					C-48-57-B-c
ấp Ô Dài	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 47' 47"	106° 19' 02"					C-48-57-B-c
ấp Phú Mỹ	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 48' 24"	106° 20' 12"					C-48-57-B-c
ấp Phú Nhiêu	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 51' 41"	106° 20' 45"					C-48-57-B-c
ấp Thanh Nguyên A	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 51' 04"	106° 20' 25"					C-48-57-B-c
ấp Thanh Nguyên B	DC	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 50' 46"	106° 20' 58"					C-48-57-B-c
Quốc lộ 54	KX	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-c
Đường tỉnh 912	KX	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành			9° 48' 12"	106° 12' 05"	9° 49' 35"	106° 21' 02"	C-48-57-B-c
cầu Giồng Lức	KX	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 49' 31"	106° 21' 02"					C-48-57-B-c
chùa Sam Rong Thum	KX	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 48' 17"	106° 20' 04"					C-48-57-B-c
Miếu Bà	KX	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 48' 30"	106° 19' 18"					C-48-57-B-c
Miếu Bà	KX	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 48' 18"	106° 20' 40"					C-48-57-B-c
miếu Bà Chúa Xứ Thánh Mẫu	KX	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành	9° 50' 31"	106° 21' 03"					C-48-57-B-c
kênh Ô Dài	TV	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành			9° 48' 30"	106° 19' 13"	9° 48' 43"	106° 17' 47"	C-48-57-B-c
kênh Thống Nhất	TV	xã Mỹ Chánh	H. Châu Thành			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-c
ấp Bến Có	DC	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 56' 07"	106° 16' 59"					C-48-57-B-a
ấp Cổ Tháp A	DC	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 55' 54"	106° 18' 39"					C-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cổ Tháp B	DC	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 56' 08"	106° 18' 18"					C-48-57-B-a
ấp Sóc Thát	DC	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 56' 50"	106° 18' 23"					C-48-57-B-a
ấp Trà Đét	DC	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 57' 04"	106° 17' 51"					C-48-57-B-a
ấp Xóm Trảng	DC	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 55' 30"	106° 18' 36"					C-48-57-B-a
Quốc lộ 53	KX	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-a
Quốc lộ 60	KX	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-B-a
cầu Ba Si	KX	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 56' 21"	106° 16' 42"					C-48-57-B-a
cầu Bến Có	KX	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành	9° 55' 34"	106° 17' 59"					C-48-57-B-a
rạch Ba Se	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 55' 06"	106° 17' 50"	9° 56' 17"	106° 16' 39"	C-48-57-B-a
Rạch Bọng	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 56' 40"	106° 18' 04"	9° 57' 12"	106° 17' 33"	C-48-57-B-a
rạch Măng Thít	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 56' 45"	106° 19' 14"	9° 57' 04"	106° 19' 11"	C-48-57-B-a
rạch Ô Chàm	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 56' 29"	106° 18' 53"	9° 56' 45"	106° 19' 14"	C-48-57-B-a
rạch Sóc Thát	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 56' 08"	106° 18' 15"	9° 57' 11"	106° 18' 34"	C-48-57-B-a
Rạch Sỏi	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 57' 13"	106° 18' 29"	9° 57' 18"	106° 17' 45"	C-48-57-B-a
rạch Trăm Sáu	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 55' 55"	106° 17' 37"	9° 56' 34"	106° 17' 12"	C-48-57-B-a
sông Ba Si	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 54' 58"	106° 15' 46"	9° 57' 53"	106° 18' 15"	C-48-57-B-a
sông Bến Có	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 55' 39"	106° 17' 39"	9° 56' 08"	106° 18' 15"	C-48-57-B-a
sông Phú Hòa	TV	xã Nguyệt Hóa	H. Châu Thành			9° 56' 50"	106° 19' 18"	9° 57' 53"	106° 18' 15"	C-48-57-B-a
ấp Đa Hậu	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 29"	106° 24' 17"					C-48-57-B-d
ấp Đa Hòa	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 53' 21"	106° 23' 28"					C-48-57-B-b
ấp Đại Thôn	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 43"	106° 23' 05"					C-48-57-B-b
ấp Hòa Hảo	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 51' 50"	106° 24' 10"					C-48-57-B-d
ấp Ngãi Hòa	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 51"	106° 25' 29"					C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Ô Kà Đa	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 51' 48"	106° 23' 11"					C-48-57-B-d
ấp Trà Cuôn	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 51' 56"	106° 26' 27"					C-48-57-B-d
ấp Vang Nhứt	DC	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 39"	106° 25' 58"					C-48-57-B-b
cầu Bàng Đa	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 46"	106° 23' 45"					C-48-57-B-b
cầu Phước Hảo	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 09"	106° 24' 01"					C-48-57-B-d
chợ Phước Hảo	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 44"	106° 23' 40"					C-48-57-B-b
chùa Phật Tâm	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 53' 10"	106° 23' 31"					C-48-57-B-b
chùa Phước Huệ	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 36"	106° 25' 17"					C-48-57-B-b
chùa Vĩnh Phước	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 53' 07"	106° 23' 35"					C-48-57-B-b
cống Chà Và 1	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 06"	106° 26' 30"					C-48-57-B-d
đình Khánh Phước	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 50"	106° 23' 40"					C-48-57-B-b
Miếu Bà	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 38"	106° 23' 26"					C-48-57-B-b
nhà thờ Phước Hảo	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 08"	106° 24' 04"					C-48-57-B-d
Quốc lộ 53	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-B-b; C-48-57-B-d
thánh thất cao đài	KX	xã Phước Hảo	H. Châu Thành	9° 52' 38"	106° 24' 03"					C-48-57-B-b
kênh Ô Kà Đa	TV	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			9° 51' 24"	106° 22' 59"	9° 51' 12"	106° 22' 22"	C-48-57-B-d
rạch Bàng Đa	TV	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			9° 52' 23"	106° 20' 56"	9° 52' 21"	106° 24' 25"	C-48-57-B-b; C-48-57-B-d
rạch Nhà Thờ	TV	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			9° 52' 11"	106° 24' 05"	9° 52' 21"	106° 24' 25"	C-48-57-B-d
rạch Tầm Lòn	TV	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			9° 53' 02"	106° 25' 55"	9° 53' 49"	106° 25' 23"	C-48-57-B-b
sông Trà Cuôn	TV	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			9° 50' 54"	106° 22' 23"	9° 51' 45"	106° 26' 31"	C-48-57-B-d
sông Vang Nhứt	TV	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			9° 52' 38"	106° 25' 17"	9° 52' 47"	106° 26' 16"	C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Vinh Kim	TV	xã Phước Hảo	H. Châu Thành			9° 49' 38"	106° 25' 55"	9° 53' 33"	106° 26' 17"	C-48-57-B-b; C-48-57-B-d
ấp Khánh Lộc	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 55' 01"	106° 14' 46"					C-48-57-A-b
ấp Láng Khoét	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 51' 47"	106° 15' 15"					C-48-57-B-c
ấp Lò Ngò	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 54' 32"	106° 14' 14"					C-48-57-A-b
ấp Nê Có	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 12"	106° 16' 14"					C-48-57-B-c
ấp Phú Khánh	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 54' 50"	106° 15' 26"					C-48-57-B-a
ấp Phú Lân	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 53' 36"	106° 15' 52"					C-48-57-B-a
ấp Trà Nóc	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 20"	106° 14' 17"					C-48-57-A-d
ấp Trà Uông	DC	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 51' 28"	106° 15' 34"					C-48-57-B-c
Quốc lộ 60	KX	xã Song Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-A-b; C-48-57-B-a
Đường tỉnh 911	KX	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 48' 36"	106° 17' 17"	9° 57' 34"	106° 05' 01"	C-48-57-A-b; C-48-57-B-a; C-48-57-B-c
cầu Ô Chát	KX	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 53' 52"	106° 15' 56"					C-48-57-B-a
chùa Knok	KX	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 31"	106° 14' 24"					C-48-57-A-b
chùa Liên Minh	KX	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 53' 50"	106° 15' 46"					C-48-57-B-a
chùa Như Thành	KX	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 53' 15"	106° 14' 17"					C-48-57-A-b
Miếu Bà	KX	xã Song Lộc	H. Châu Thành	9° 52' 36"	106° 13' 25"					C-48-57-A-b
kênh Cây Dong	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 52' 20"	106° 13' 15"	9° 52' 56"	106° 14' 18"	C-48-57-A-b; C-48-57-A-d
kênh Láng Khoát	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 51' 51"	106° 15' 04"	9° 51' 48"	106° 15' 46"	C-48-57-B-c
kênh Lò Ngò	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 53' 10"	106° 14' 19"	9° 54' 23"	106° 14' 01"	C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Trà Uông	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 51' 48"	106° 15' 46"	9° 52' 12"	106° 16' 21"	C-48-57-B-c
rạch Bồ Nứa	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 52' 57"	106° 15' 27"	9° 53' 24"	106° 16' 11"	C-48-57-B-a
rạch Trà Ếch	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 55' 05"	106° 15' 02"	9° 54' 58"	106° 15' 46"	C-48-57-B-a
sông Đập Sen	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 54' 23"	106° 14' 01"	9° 55' 05"	106° 15' 02"	C-48-57-A-b; C-48-57-B-a
sông Ô Chát	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 51' 09"	106° 16' 44"	9° 54' 58"	106° 15' 46"	C-48-57-B-a; C-48-57-B-c
xẻo Bà Bô	TV	xã Song Lộc	H. Châu Thành			9° 52' 57"	106° 15' 27"	9° 52' 41"	106° 16' 16"	C-48-57-B-a
ấp An Chay	DC	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành	9° 49' 14"	106° 18' 06"					C-48-57-B-c
ấp Cây Dương	DC	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành	9° 49' 13"	106° 17' 23"					C-48-57-B-c
ấp Kinh Xuôi	DC	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành	9° 49' 00"	106° 18' 44"					C-48-57-B-c
ấp Nhà Dựa	DC	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành	9° 48' 39"	106° 17' 42"					C-48-57-B-c
ấp Ô Tre Lớn	DC	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành	9° 50' 55"	106° 18' 27"					C-48-57-B-c
ấp Ô Tre Nhỏ	DC	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành	9° 50' 05"	106° 18' 44"					C-48-57-B-c
ấp Phú Thọ	DC	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành	9° 50' 02"	106° 16' 57"					C-48-57-B-c
Đường tỉnh 911	KX	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 48' 36"	106° 17' 17"	9° 57' 34"	106° 05' 01"	C-48-57-B-c
Đường tỉnh 912	KX	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 48' 12"	106° 12' 05"	9° 49' 35"	106° 21' 02"	C-48-57-B-c
kênh Bắc Phèn	TV	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 51' 18"	106° 17' 25"	9° 48' 47"	106° 18' 03"	C-48-57-B-c
kênh Năm Vồ	TV	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 48' 10"	106° 18' 04"	9° 48' 20"	106° 16' 53"	C-48-57-B-c
Kênh Ngang	TV	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 51' 09"	106° 16' 44"	9° 48' 37"	106° 17' 23"	C-48-57-B-c
kênh Ô Dài	TV	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 48' 30"	106° 19' 13"	9° 48' 43"	106° 17' 47"	C-48-57-B-c
kênh Thống Nhất	TV	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-c
xẻo Ô Tre Lớn	TV	xã Thanh Mỹ	H. Châu Thành			9° 50' 02"	106° 18' 47"	9° 51' 13"	106° 18' 14"	C-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 36' 58"	106° 27' 42"					C-48-57-D-d
Khóm 2	DC	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 36' 47"	106° 27' 20"					C-48-57-D-d
Khóm 3	DC	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 36' 43"	106° 26' 38"					C-48-57-D-d
Khóm 4	DC	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 36' 30"	106° 26' 27"					C-48-57-D-d
Khóm 5	DC	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 36' 49"	106° 26' 21"					C-48-57-D-d
Khóm 6	DC	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 36' 22"	106° 26' 10"					C-48-57-D-d
Quốc lộ 53	KX	TT. Long Thành	H. Duyên Hải			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-d
chợ Long Thành	KX	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 36' 43"	106° 26' 22"					C-48-57-D-d
chùa Tro Păng Chhuc	KX	TT. Long Thành	H. Duyên Hải	9° 37' 04"	106° 27' 54"					C-48-57-D-d
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	TT. Long Thành	H. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-b; C-48-57-D-d
sông Xếp Lầy	TV	TT. Long Thành	H. Duyên Hải			9° 35' 40"	106° 27' 37"	9° 33' 56"	106° 25' 54"	C-48-57-D-d
ấp Bà Nhì	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 19"	106° 22' 14"					C-48-57-D-a
ấp Ba Sát	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 40' 13"	106° 21' 09"					C-48-57-D-a
ấp Bào Môn	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 40' 53"	106° 22' 37"					C-48-57-D-b
ấp Cóc Lách	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 40' 16"	106° 22' 56"					C-48-57-D-b
ấp La Bang Chợ	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 28"	106° 22' 54"					C-48-57-D-b
ấp La Bang Chùa	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 40"	106° 23' 31"					C-48-57-D-b
ấp La Bang Kinh	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 38' 32"	106° 22' 57"					C-48-57-D-b
ấp Mồ Côi	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 40' 55"	106° 23' 42"					C-48-57-D-b
ấp Sa Văng	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 40' 05"	106° 23' 24"					C-48-57-D-b
ấp Tà Rom A	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 46"	106° 22' 08"					C-48-57-D-a
ấp Tà Rom B	DC	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 36"	106° 21' 39"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 914	KX	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 38' 05"	106° 18' 08"	9° 41' 36"	106° 30' 07"	C-48-57-D-b; C-48-57-D-a
chợ Bào Môn	KX	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 41' 14"	106° 23' 22"					C-48-57-D-b
chợ La Bang	KX	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 25"	106° 22' 47"					C-48-57-D-b
chùa Chrây Pra Sat	KX	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 40' 25"	106° 21' 32"					C-48-57-D-a
chùa Sla Pang	KX	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 50"	106° 24' 07"					C-48-57-D-b
chùa Tà Rom	KX	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải	9° 39' 59"	106° 22' 59"					C-48-57-D-b
kênh 3 tháng 2	TV	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 48' 29"	106° 16' 51"	C-48-57-D-a
kênh La Bang	TV	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 37' 59"	106° 23' 51"	9° 39' 09"	106° 22' 54"	C-48-57-D-b
kênh Nguyễn Văn	TV	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-b
kênh Thầy Nại	TV	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 42' 50"	106° 25' 43"	9° 40' 04"	106° 17' 37"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-b
rạch Bào Môn	TV	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 41' 48"	106° 23' 05"	9° 41' 27"	106° 23' 16"	C-48-57-D-b
rạch Lò Rượu	TV	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 39' 24"	106° 24' 23"	9° 37' 54"	106° 24' 27"	C-48-57-D-b
Sông Láng	TV	xã Đôn Châu	H. Duyên Hải			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 37' 25"	106° 20' 54"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-b
ấp Bà Giam A	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 51"	106° 20' 25"					C-48-57-D-a
ấp Bà Giam B	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 38"	106° 20' 05"					C-48-57-D-a
ấp Bà Nhì	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 10"	106° 21' 41"					C-48-57-D-a
ấp Bào Sấu	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 11"	106° 20' 47"					C-48-57-D-a
ấp Cây Cồng	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 42"	106° 20' 21"					C-48-57-D-a
ấp Cây Da	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 49"	106° 20' 46"					C-48-57-D-a
Ấp Chợ	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 47"	106° 20' 41"					C-48-57-D-a
ấp Lộ Sỏi A	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 02"	106° 19' 14"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Lộ Sỏi B	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 23"	106° 19' 15"					C-48-57-D-a
ấp Quản Âm	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 00"	106° 20' 13"					C-48-57-D-a
ấp Xóm Tộ	DC	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 54"	106° 19' 46"					C-48-57-D-a
Đường tỉnh 914	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải			9° 38' 05"	106° 18' 08"	9° 41' 36"	106° 30' 07"	C-48-57-D-a
chùa Bà Giam	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 28"	106° 19' 47"					C-48-57-D-a
chùa Chrây Kôk	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 07"	106° 21' 24"					C-48-57-D-a
chùa Liên Phước	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 55"	106° 21' 00"					C-48-57-D-a
chùa Rum Đuôl	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 41"	106° 19' 59"					C-48-57-D-a
miếu Ông Bổn	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 38' 35"	106° 20' 07"					C-48-57-D-a
miếu Ông Bổn	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 42"	106° 20' 15"					C-48-57-D-a
miếu Ông Bổn	KX	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải	9° 39' 07"	106° 21' 35"					C-48-57-D-a
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-c
kênh Thầy Nại	TV	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải			9° 42' 50"	106° 25' 43"	9° 40' 04"	106° 17' 37"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-b
Sông Khoen	TV	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải			9° 38' 06"	106° 20' 44"	9° 36' 58"	106° 18' 31"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-c
Sông Láng	TV	xã Đôn Xuân	H. Duyên Hải			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 37' 25"	106° 20' 54"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-c
ấp Cồn Cù	DC	xã Đông Hải	H. Duyên Hải	9° 34' 35"	106° 28' 56"					C-48-57-D-d
ấp Định An	DC	xã Đông Hải	H. Duyên Hải	9° 33' 05"	106° 26' 03"					C-48-57-D-d
ấp Động Cao	DC	xã Đông Hải	H. Duyên Hải	9° 33' 07"	106° 26' 05"					C-48-57-D-d
ấp Động Cao Ngoài	DC	xã Đông Hải	H. Duyên Hải	9° 32' 49"	106° 26' 13"					C-48-57-D-d
ấp Hồ Tàu	DC	xã Đông Hải	H. Duyên Hải	9° 32' 49"	106° 23' 33"					C-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hồ Thùng	DC	xã Đông Hải	H. Duyên Hải	9° 33' 14"	106° 28' 08"					C-48-57-D-d
ấp Phước Thiện	DC	xã Đông Hải	H. Duyên Hải	9° 32' 46"	106° 26' 46"					C-48-57-D-d
Kênh Ba	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 35' 36"	106° 28' 40"	9° 34' 38"	106° 29' 08"	C-48-57-D-d
Kênh Hai	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 35' 48"	106° 28' 16"	9° 34' 35"	106° 29' 00"	C-48-57-D-d
Kênh Mới	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 35' 38"	106° 27' 53"	9° 34' 26"	106° 28' 42"	C-48-57-D-d
Kênh Tư	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 36' 00"	106° 28' 41"	9° 34' 46"	106° 29' 23"	C-48-57-D-d
kênh Xi Rô	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 35' 40"	106° 27' 46"	9° 34' 13"	106° 28' 25"	C-48-57-D-d
ngọn Đập Lớn	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 35' 48"	106° 28' 16"	9° 35' 40"	106° 27' 37"	C-48-57-D-d
rạch Ba Vinh	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 34' 10"	106° 27' 24"	9° 33' 56"	106° 25' 54"	C-48-57-D-d
rạch Bàu Trâu	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 34' 38"	106° 25' 26"	9° 34' 22"	106° 25' 56"	C-48-57-D-d
rạch Cồn Chòi	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 33' 16"	106° 22' 39"	9° 34' 11"	106° 23' 44"	C-48-57-D-d
rạch Giồng Củi	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 36' 15"	106° 25' 28"	9° 34' 04"	106° 24' 02"	C-48-57-D-d
rạch Giồng Đồn	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 33' 24"	106° 23' 38"	9° 34' 03"	106° 23' 29"	C-48-57-D-d
rạch Giồng Vịnh Tra	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 33' 51"	106° 28' 31"	9° 34' 18"	106° 31' 02"	C-48-57-D-d; C-48-58-C-c
rạch Hồ Tàu	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 32' 29"	106° 23' 05"	9° 31' 55"	106° 22' 20"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
rạch Hồ Thùng 1	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 32' 54"	106° 27' 53"	9° 33' 04"	106° 26' 21"	C-48-57-D-d
rạch Hồ Thùng 2	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 32' 41"	106° 27' 10"	9° 32' 32"	106° 25' 02"	C-48-57-D-d
rạch Ông Ba Phách	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 33' 16"	106° 28' 08"	9° 33' 26"	106° 27' 23"	C-48-57-D-d
rạch Ông Bái	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 34' 17"	106° 24' 51"	9° 34' 48"	106° 24' 26"	C-48-57-D-d
sông Động Cao	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 33' 51"	106° 28' 31"	9° 32' 55"	106° 25' 20"	C-48-57-D-d
sông Láng Cháo	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 35' 38"	106° 31' 55"	9° 33' 51"	106° 28' 31"	C-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Phước Thiện	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 33' 56"	106° 25' 54"	9° 32' 55"	106° 25' 20"	C-48-57-D-d
sông Vàm Động Cao	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 32' 55"	106° 25' 20"	9° 31' 56"	106° 24' 15"	C-48-57-D-d
sông Vĩnh Lợi	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 34' 04"	106° 24' 02"	9° 32' 15"	106° 24' 06"	C-48-57-D-d
sông Xếp Lầy	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 35' 40"	106° 27' 37"	9° 33' 56"	106° 25' 54"	C-48-57-D-d
tắt Mương Khai	TV	xã Đông Hải	H. Duyên Hải			9° 34' 30"	106° 23' 30"	9° 34' 04"	106° 24' 02"	C-48-57-D-d
ấp Cái Đôi	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 21"	106° 23' 43"					C-48-57-D-d
ấp Đình Củ	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 04"	106° 26' 25"					C-48-57-D-d
ấp Long Khánh	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 41"	106° 25' 50"					C-48-57-D-d
ấp Phước Hội	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 37' 44"	106° 26' 13"					C-48-57-D-b
ấp Tân Khánh	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 14"	106° 25' 19"					C-48-57-D-d
ấp Tân Thành	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 04"	106° 24' 14"					C-48-57-D-d
ấp Vĩnh Khánh	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 35"	106° 25' 11"					C-48-57-D-d
xóm Giồng Chạp Cha	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 33"	106° 24' 59"					C-48-57-D-d
xóm Giồng Giữa	DC	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 40"	106° 25' 34"					C-48-57-D-d
Quốc lộ 53	KX	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-d
chùa Giác Long	KX	xã Long Khánh	H. Duyên Hải	9° 36' 25"	106° 23' 46"					C-48-57-D-d
kênh Giáp Nước	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 37' 00"	106° 25' 26"	9° 37' 14"	106° 24' 53"	C-48-57-D-d
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-b; C-48-57-D-d
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-b
Kênh Xáng	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 36' 56"	106° 30' 00"	9° 35' 48"	106° 28' 16"	C-48-57-D-d
kênh Xi Rô	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 35' 40"	106° 27' 46"	9° 34' 13"	106° 28' 25"	C-48-57-D-d
Mương Gân	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 34' 33"	106° 23' 06"	9° 34' 30"	106° 23' 30"	C-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngọn Đập Lớn	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 35' 48"	106° 28' 16"	9° 35' 40"	106° 27' 37"	C-48-57-D-d
rạch Bà Lùn	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 39' 46"	106° 25' 55"	9° 37' 40"	106° 26' 14"	C-48-57-D-b
rạch Ba Vinh	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 34' 10"	106° 27' 24"	9° 33' 56"	106° 25' 54"	C-48-57-D-d
rạch Bàu Trâu	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 34' 38"	106° 25' 26"	9° 34' 22"	106° 25' 56"	C-48-57-D-d
rạch Cái Cỏ	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 35' 29"	106° 22' 42"	9° 34' 33"	106° 23' 06"	C-48-57-D-d
rạch Cây Da	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 39' 43"	106° 26' 18"	9° 38' 19"	106° 25' 29"	C-48-57-D-b
rạch Cây Xoài	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 39' 25"	106° 24' 47"	9° 37' 51"	106° 24' 53"	C-48-57-D-b
rạch Gia Thanh	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 36' 21"	106° 25' 54"	9° 35' 22"	106° 26' 07"	C-48-57-D-d
rạch Giồng Củi	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 36' 15"	106° 25' 28"	9° 34' 04"	106° 24' 02"	C-48-57-D-d
Rạch Lá	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 35' 27"	106° 23' 32"	9° 34' 06"	106° 23' 51"	C-48-57-D-d
sông Bến Gỗ	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 35' 34"	106° 27' 26"	9° 35' 22"	106° 26' 07"	C-48-57-D-d
sông Đường Đùng	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 37' 39"	106° 26' 21"	9° 37' 00"	106° 25' 26"	C-48-57-D-b; C-48-57-D-d
sông Đường Khai	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 35' 30"	106° 27' 32"	9° 34' 29"	106° 26' 06"	C-48-57-D-d
sông Giồng Ổi	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 37' 39"	106° 26' 24"	9° 39' 16"	106° 26' 21"	C-48-57-D-b
sông Lô Hội	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 39' 28"	106° 25' 16"	9° 37' 46"	106° 25' 29"	C-48-57-D-b
sông Xếp Lầy	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 35' 40"	106° 27' 37"	9° 33' 56"	106° 25' 54"	C-48-57-D-d
tắt Mương Khai	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 34' 30"	106° 23' 30"	9° 34' 04"	106° 24' 02"	C-48-57-D-d
vàm Trà Côn	TV	xã Long Khánh	H. Duyên Hải			9° 37' 14"	106° 24' 53"	9° 37' 49"	106° 24' 59"	C-48-57-D-b; C-48-57-D-d
ấp Cái Cỏ	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 36' 06"	106° 22' 59"					C-48-57-D-d
ấp Cái Cối	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 36' 07"	106° 20' 07"					C-48-57-D-c
ấp Giồng Bàn	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 35' 51"	106° 19' 17"					C-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kinh Đào	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 36' 17"	106° 21' 00"					C-48-57-D-c
ấp La Ghi	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 35' 11"	106° 21' 01"					C-48-57-D-c
ấp Thốt Lốt	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 36' 13"	106° 21' 33"					C-48-57-D-c
ấp Vàm Rạch Cỏ	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 33' 53"	106° 22' 28"					C-48-57-D-c
ấp Vũng Tàu	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 37' 54"	106° 23' 53"					C-48-57-D-b
ấp Xẻo Bọng	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 37' 04"	106° 20' 18"					C-48-57-D-c
ấp Xóm Chùa	DC	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 36' 24"	106° 22' 18"					C-48-57-D-c
bến phà Láng Sắt (Tà Nị)	KX	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 36' 57"	106° 18' 29"					C-48-57-D-c
Quốc lộ 53	KX	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-d; C-48-57-D-c
cửa Định An	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải	9° 31' 53"	106° 21' 20"					C-48-57-D-c
Kênh Đào	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 36' 34"	106° 21' 03"	9° 36' 25"	106° 21' 08"	C-48-57-D-c
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-a
kênh Ông Năm	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 36' 58"	106° 18' 31"	9° 35' 58"	106° 18' 51"	C-48-57-D-c
kênh tắt Mương Lộ	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 37' 25"	106° 20' 54"	9° 36' 34"	106° 21' 03"	C-48-57-D-c
kênh Xẻo Bọng	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 37' 17"	106° 20' 15"	9° 36' 34"	106° 20' 19"	C-48-57-D-c
Mương Gân	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 34' 33"	106° 23' 06"	9° 34' 30"	106° 23' 30"	C-48-57-D-d
mương Ông Cụ	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 35' 04"	106° 22' 58"	9° 35' 55"	106° 23' 16"	C-48-57-D-d
mương Ông Thổ	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 35' 20"	106° 21' 16"	9° 35' 29"	106° 22' 42"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
mương Thợ Long	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 34' 34"	106° 23' 06"	9° 34' 30"	106° 22' 39"	C-48-57-D-d
rạch Cái Cỏ	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 35' 29"	106° 22' 42"	9° 34' 33"	106° 23' 06"	C-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cây Ngã	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 34' 55"	106° 22' 24"	9° 35' 07"	106° 22' 54"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
rạch Cồn Chòi	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 33' 16"	106° 22' 39"	9° 34' 11"	106° 23' 44"	C-48-57-D-d
rạch Hồ Tàu	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 32' 29"	106° 23' 05"	9° 31' 55"	106° 22' 20"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
rạch La Ghi	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 35' 50"	106° 20' 08"	9° 35' 20"	106° 21' 16"	C-48-57-D-c
Rạch Lức	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 33' 28"	106° 22' 42"	9° 33' 28"	106° 22' 11"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
rạch Ông Cụ	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 34' 29"	106° 22' 18"	9° 34' 05"	106° 22' 31"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
rạch Xóm Chùa	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 36' 14"	106° 22' 44"	9° 36' 25"	106° 21' 08"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
Sông Hậu	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-D-c
sông La Ghi	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 36' 25"	106° 21' 08"	9° 35' 20"	106° 21' 16"	C-48-57-D-c
tắt Mương Khai	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 34' 30"	106° 23' 30"	9° 34' 04"	106° 24' 02"	C-48-57-D-d
vàm Rạch Cỏ	TV	xã Long Vĩnh	H. Duyên Hải			9° 34' 33"	106° 23' 06"	9° 32' 51"	106° 21' 51"	C-48-57-D-c; C-48-57-D-d
ấp Bổn Thanh	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 41' 39"	106° 27' 40"					C-48-57-D-b
ấp Cây Da	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 39' 51"	106° 25' 22"					C-48-57-D-b
ấp Cây Xoài	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 39' 44"	106° 24' 38"					C-48-57-D-b
ấp Đường Liếu	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 08"	106° 26' 51"					C-48-57-D-b
ấp Mé Láng	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 00"	106° 26' 10"					C-48-57-D-b
ấp Rọ Say	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 15"	106° 25' 41"					C-48-57-D-b
ấp Sóc Ớt	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 23"	106° 26' 47"					C-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Sóc Ruộng	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 58"	106° 26' 15"					C-48-57-D-b
ấp Thốt Lốt	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 22"	106° 24' 07"					C-48-57-D-b
ấp Trà Khúp	DC	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 48"	106° 27' 01"					C-48-57-D-b
chợ Cây Da	KX	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 39' 56"	106° 25' 38"					C-48-57-D-b
chùa Khnach Tô Tưng	KX	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 41' 23"	106° 27' 48"					C-48-57-D-b
chùa Pro Khúp	KX	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 41' 05"	106° 27' 27"					C-48-57-D-b
Chùa Tháp	KX	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 39' 59"	106° 25' 08"					C-48-57-D-b
Chùa Thum	KX	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 40"	106° 25' 20"					C-48-57-D-b
Đường tỉnh 914	KX	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 38' 05"	106° 18' 08"	9° 41' 36"	106° 30' 07"	C-48-57-D-b
Tháp Đôi	KX	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải	9° 40' 40"	106° 25' 38"					C-48-57-D-b
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-b
lương Sen Lớn	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 16"	106° 26' 21"	9° 39' 28"	106° 29' 06"	C-48-57-D-b
rạch Bà Lùn	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 46"	106° 25' 55"	9° 37' 40"	106° 26' 14"	C-48-57-D-b
rạch Bến Trại	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 41' 14"	106° 25' 29"	9° 42' 16"	106° 26' 40"	C-48-57-D-b
rạch Cây Da	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 43"	106° 26' 18"	9° 38' 19"	106° 25' 29"	C-48-57-D-b
rạch Cây Xoài	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 25"	106° 24' 47"	9° 37' 51"	106° 24' 53"	C-48-57-D-b
rạch Lò Rượu	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 24"	106° 24' 23"	9° 37' 54"	106° 24' 27"	C-48-57-D-b
sông Bến Giá	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 50"	106° 27' 18"	9° 41' 01"	106° 32' 07"	C-48-57-D-b
sông Giồng Ổi	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 37' 39"	106° 26' 24"	9° 39' 16"	106° 26' 21"	C-48-57-D-b
sông Lô Hội	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 28"	106° 25' 16"	9° 37' 46"	106° 25' 29"	C-48-57-D-b
sông Lô Một	TV	xã Ngũ Lạc	H. Duyên Hải			9° 39' 16"	106° 26' 21"	9° 39' 50"	106° 27' 18"	C-48-57-D-b
Khóm 1	DC	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 18"	106° 07' 50"					C-48-57-A-d
Khóm 2	DC	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 09"	106° 08' 05"					C-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 3	DC	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 02"	106° 07' 41"					C-48-57-A-d
Khóm 4	DC	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 01"	106° 07' 06"					C-48-57-A-c
Khóm 5	DC	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 33"	106° 07' 02"					C-48-57-A-c
Khóm 6	DC	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 58"	106° 06' 57"					C-48-57-A-c
Quốc lộ 60	KX	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-d
chùa Bà Thiên Hậu	KX	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 45' 43"	106° 07' 04"					C-48-57-A-c
nhà thờ Mặc Bắc Cầu Quan	KX	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 27"	106° 07' 40"					C-48-57-A-d
tượng Đức Mẹ	KX	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần	9° 46' 43"	106° 06' 58"					C-48-57-A-c
Rạch Vồn	TV	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần			9° 46' 52"	106° 07' 54"	9° 45' 59"	106° 08' 33"	C-48-57-A-d
sông Cần Chông	TV	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần			9° 48' 07"	106° 14' 15"	9° 45' 19"	106° 07' 04"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-d
Sông Hậu	TV	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b; C-48-57-A-c
sông Ninh Thới	TV	TT. Cầu Quan	H. Tiểu Cần			9° 48' 43"	106° 03' 12"	9° 45' 42"	106° 06' 37"	C-48-57-A-c
Khóm 1	DC	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 46"	106° 11' 11"					C-48-57-A-d
Khóm 2	DC	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 49' 17"	106° 11' 34"					C-48-57-A-d
Khóm 3	DC	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 33"	106° 11' 09"					C-48-57-A-d
Khóm 4	DC	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 46"	106° 11' 23"					C-48-57-A-d
Khóm 5	DC	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 45"	106° 11' 35"					C-48-57-A-d
Khóm 6	DC	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 21"	106° 11' 36"					C-48-57-A-d
Quốc lộ 54	KX	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-d
Quốc lộ 60	KX	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 912	KX	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			9° 48' 12"	106° 12' 05"	9° 49' 35"	106° 21' 02"	C-48-57-A-d
Chùa Bà	KX	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 35"	106° 11' 24"					C-48-57-A-d
chùa Long Sơn	KX	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 25"	106° 11' 19"					C-48-57-A-d
Chùa Ông	KX	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 49' 01"	106° 11' 19"					C-48-57-A-d
chùa Phnom Pênh	KX	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 54"	106° 11' 17"					C-48-57-A-d
kênh Bà Liếp	TV	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			9° 48' 35"	106° 11' 16"	9° 48' 48"	106° 12' 18"	C-48-57-A-d
kênh Cây Hẹ	TV	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			9° 49' 07"	106° 11' 14"	9° 49' 49"	106° 12' 25"	C-48-57-A-d
sông Cần Chông	TV	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			9° 48' 07"	106° 14' 15"	9° 45' 19"	106° 07' 04"	C-48-57-A-d
sông Đại Sư	TV	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			9° 49' 39"	106° 13' 50"	9° 48' 04"	106° 12' 30"	C-48-57-A-d
sông Tiểu Cần	TV	TT. Tiểu Cần	H. Tiểu Cần			9° 50' 10"	106° 11' 06"	9° 47' 51"	106° 12' 01"	C-48-57-A-d
ấp Cây Gòn	DC	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 50' 19"	106° 09' 24"					C-48-57-A-d
ấp Phú Thọ 1	DC	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 50' 10"	106° 11' 00"					C-48-57-A-d
ấp Phú Thọ 2	DC	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 50' 53"	106° 10' 41"					C-48-57-A-d
ấp Tân Trung Giồng A	DC	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 51' 54"	106° 10' 50"					C-48-57-A-d
ấp Tân Trung Giồng B	DC	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 53' 14"	106° 11' 04"					C-48-57-A-b
ấp Tân Trung Kinh	DC	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 52' 01"	106° 10' 11"					C-48-57-A-d
Quốc lộ 60	KX	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-A-d
chùa Kom Pong Més	KX	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 51' 34"	106° 11' 14"					C-48-57-A-d
chùa Như Pháp	KX	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 51' 24"	106° 11' 05"					C-48-57-A-d
đình Ninh Hòa	KX	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 50' 15"	106° 11' 23"					C-48-57-A-d
đình Tân Trung Kinh	KX	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 52' 35"	106° 09' 57"					C-48-57-A-b
nhà nguyện Cây Gòn	KX	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần	9° 50' 06"	106° 09' 33"					C-48-57-A-d
kênh 19 tháng 5	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 54' 23"	106° 14' 01"	C-48-57-A-d; C-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bến Cát	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 51' 32"	106° 10' 24"	9° 52' 04"	106° 11' 56"	C-48-57-A-d
kênh Cây Gòn	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 50' 22"	106° 09' 06"	9° 50' 42"	106° 10' 06"	C-48-57-A-d
kênh Phú Thọ 1	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 49' 45"	106° 09' 49"	9° 49' 59"	106° 10' 54"	C-48-57-A-d
kênh Phú Thọ 1	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 51' 31"	106° 10' 24"	9° 51' 33"	106° 09' 58"	C-48-57-A-d
kênh Phú Thọ 2	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 51' 08"	106° 10' 36"	9° 50' 42"	106° 10' 06"	C-48-57-A-d
kênh Tuổi Trẻ	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 54' 43"	106° 09' 10"	9° 52' 19"	106° 10' 02"	C-48-57-A-b
sông Tiểu Cần	TV	xã Hiếu Trung	H. Tiểu Cần			9° 50' 10"	106° 11' 06"	9° 47' 51"	106° 12' 01"	C-48-57-A-d
Ấp Chợ	DC	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 52' 08"	106° 12' 04"					C-48-57-A-d
ấp Kinh Xáng	DC	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 52' 34"	106° 13' 29"					C-48-57-A-b
ấp Lò Ngò	DC	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 52' 29"	106° 12' 43"					C-48-57-A-d
ấp Ô Đùng	DC	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 52' 04"	106° 12' 56"					C-48-57-A-d
ấp Ô Trao	DC	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 50' 12"	106° 12' 57"					C-48-57-A-d
ấp Ô Trom	DC	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 51' 12"	106° 13' 01"					C-48-57-A-d
ấp Tân Đại	DC	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 51' 12"	106° 11' 28"					C-48-57-A-d
Quốc lộ 60	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-A-d; C-48-57-A-b
chùa Kom Pong Đung (Ô Đùng)	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 52' 01"	106° 12' 36"					C-48-57-A-d
chùa Kom Pong Răng (Tân Đại)	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 51' 21"	106° 11' 52"					C-48-57-A-d
chùa Liên Hải	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 52' 26"	106° 13' 05"					C-48-57-A-d
chùa Phonô Krom (Ô Trom)	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 51' 17"	106° 13' 07"					C-48-57-A-d
chùa Sa Sa Na Samaki Rang Sây (Ô Trao)	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 50' 20"	106° 12' 57"					C-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày da Mỹ Phong	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 50' 41"	106° 11' 25"					C-48-57-A-d
đình Trần Trung	KX	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần	9° 52' 14"	106° 13' 05"					C-48-57-A-d
Kênh 19 tháng 5	TV	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần			9° 51' 13"	106° 07' 25"	9° 54' 23"	106° 14' 01"	C-48-57-A-d;
kênh Bà Lãnh	TV	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần			9° 51' 20"	106° 12' 28"	9° 50' 10"	106° 11' 06"	C-48-57-A-d
kênh Bến Cát	TV	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần			9° 51' 32"	106° 10' 24"	9° 52' 04"	106° 11' 56"	C-48-57-A-d
kênh Cây Dong	TV	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần			9° 52' 20"	106° 13' 15"	9° 52' 56"	106° 14' 18"	C-48-57-A-d
kênh Ngãi Trung	TV	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần			9° 48' 42"	106° 14' 40"	9° 52' 20"	106° 13' 15"	C-48-57-A-d
kênh Ô Đùng	TV	xã Hiếu Tử	H. Tiểu Cần			9° 49' 39"	106° 13' 50"	9° 53' 03"	106° 11' 19"	C-48-57-A-d
ấp Cây Da	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 44' 32"	106° 10' 55"					C-48-57-C-b
ấp Hòa Thành	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 46' 24"	106° 12' 05"					C-48-57-A-d
ấp Hòa Trinh	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 46' 28"	106° 12' 28"					C-48-57-A-d
Ấp Kinh	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 05"	106° 11' 44"					C-48-57-A-d
ấp Ông Rùm 1	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 19"	106° 13' 04"					C-48-57-A-d
ấp Ông Rùm 2	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 29"	106° 13' 55"					C-48-57-A-d
ấp Sóc Cầu	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 06"	106° 10' 32"					C-48-57-A-d
ấp Sóc Sáp	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 15"	106° 11' 13"					C-48-57-A-d
ấp Sóc Tràm	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 44' 45"	106° 10' 23"					C-48-57-C-b
ấp Từ Ô 1	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 49"	106° 12' 11"					C-48-57-A-d
ấp Từ Ô 2	DC	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 54"	106° 11' 47"					C-48-57-A-d
chùa Long Hòa	KX	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 46' 18"	106° 12' 11"					C-48-57-A-d
chùa Ô Veng Chas	KX	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 44' 52"	106° 10' 39"					C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 54	KX	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-d
thánh thất cao đài (Từ Ô 1)	KX	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 47"	106° 12' 07"					C-48-57-A-d
kênh Bắc Trang	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 43' 17"	106° 08' 56"	9° 45' 18"	106° 12' 02"	C-48-57-A-d; C-48-57-C-b
Rạch Ranh	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 45' 42"	106° 10' 45"	9° 46' 58"	106° 11' 01"	C-48-57-A-d
rạch Te Te Nhỏ	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 46' 29"	106° 13' 03"	9° 45' 22"	106° 13' 14"	C-48-57-A-d
rạch Từ Ô	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 46' 04"	106° 13' 03"	9° 45' 51"	106° 12' 11"	C-48-57-A-d
sông Hùng Hòa	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 45' 18"	106° 12' 02"	9° 46' 52"	106° 12' 07"	C-48-57-A-d
sông Ông Rùm	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 44' 52"	106° 14' 25"	9° 45' 18"	106° 12' 02"	C-48-57-A-d
sông Sóc Tràm	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 45' 42"	106° 10' 45"	9° 44' 31"	106° 08' 55"	C-48-57-C-b; C-48-57-A-d
sông Te Te	TV	xã Hùng Hòa	H. Tiểu Cần			9° 46' 27"	106° 15' 03"	9° 46' 52"	106° 12' 17"	C-48-57-A-d
ấp Cầu Tre	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 47' 15"	106° 09' 15"					C-48-57-A-d
ấp Định Bình	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 45' 53"	106° 08' 49"					C-48-57-A-d
ấp Định Hòa	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 47' 07"	106° 09' 55"					C-48-57-A-d
ấp Định Phú A	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 46' 41"	106° 07' 57"					C-48-57-A-d
ấp Định Phú B	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 46' 36"	106° 08' 02"					C-48-57-A-d
ấp Định Phú C	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 46' 48"	106° 08' 11"					C-48-57-A-d
ấp Định Phú Tân	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 48' 50"	106° 08' 16"					C-48-57-A-d
ấp Trinh Phụ	DC	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 46' 50"	106° 08' 35"					C-48-57-A-d
Quốc lộ 60	KX	xã Long Thới	H. Tiểu Cần			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-A-d
Cầu Suối	KX	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 46' 35"	106° 08' 05"					C-48-57-A-d
chùa Phnô Pring	KX	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 47' 19"	106° 09' 27"					C-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Phổ Quang	KX	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 46' 58"	106° 08' 51"					C-48-57-A-d
nhà thờ Lộ Mới	KX	xã Long Thới	H. Tiểu Cần	9° 46' 39"	106° 08' 18"					C-48-57-A-d
kênh Cầu Tre	TV	xã Long Thới	H. Tiểu Cần			9° 48' 36"	106° 09' 10"	9° 47' 00"	106° 09' 57"	C-48-57-A-d
kênh Nguyễn Chánh Sâm	TV	xã Long Thới	H. Tiểu Cần			9° 48' 28"	106° 07' 00"	9° 46' 52"	106° 07' 54"	C-48-57-A-c; C-48-57-A-d
kênh Trinh Phụ	TV	xã Long Thới	H. Tiểu Cần			9° 46' 56"	106° 08' 49"	9° 49' 07"	106° 07' 48"	C-48-57-A-d
Rạch 5 Rô	TV	xã Long Thới	H. Tiểu Cần			9° 48' 40"	106° 09' 02"	9° 48' 18"	106° 08' 10"	C-48-57-A-d
Rạch Vồn	TV	xã Long Thới	H. Tiểu Cần			9° 46' 52"	106° 07' 54"	9° 45' 59"	106° 08' 33"	C-48-57-A-d
sông Cần Chông	TV	xã Long Thới	H. Tiểu Cần			9° 48' 07"	106° 14' 15"	9° 45' 19"	106° 07' 04"	C-48-57-A-d
ấp Chánh Hội A	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 21"	106° 16' 28"					C-48-57-B-c
ấp Chánh Hội B	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 24"	106° 17' 08"					C-48-57-B-c
ấp Ngã Tư 1	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 48' 33"	106° 16' 52"					C-48-57-B-c
ấp Ngã Tư 2	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 48' 19"	106° 17' 27"					C-48-57-B-c
ấp Ngãi Chánh	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 13"	106° 15' 35"					C-48-57-B-c
ấp Ngãi Hưng	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 46' 41"	106° 15' 04"					C-48-57-B-c
ấp Ngãi Phú 1	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 48' 24"	106° 15' 07"					C-48-57-B-c
ấp Ngãi Phú 2	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 48' 19"	106° 15' 56"					C-48-57-B-c
ấp Ngãi Thuận	DC	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 53"	106° 15' 23"					C-48-57-B-c
Đường tỉnh 912	KX	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 12"	106° 12' 05"	9° 49' 35"	106° 21' 02"	C-48-57-B-c
chùa Long An	KX	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 20"	106° 15' 41"					C-48-57-B-c
Kênh 3 tháng 2	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 48' 29"	106° 16' 51"	C-48-57-B-c
kênh Chánh Hội	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 47' 11"	106° 15' 05"	9° 47' 29"	106° 17' 04"	C-48-57-B-c
kênh Hai Thiệt	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 24"	106° 16' 17"	9° 47' 23"	106° 16' 24"	C-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mười Liễu	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 42"	106° 15' 25"	9° 47' 18"	106° 15' 45"	C-48-57-B-c
kênh Năm Thăng	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 43"	106° 14' 58"	9° 47' 47"	106° 15' 09"	C-48-57-B-c; C-48-57-A-d
kênh Năm Vồ	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 10"	106° 18' 04"	9° 48' 20"	106° 16' 53"	C-48-57-B-c
kênh Ngãi Thuận	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 47' 41"	106° 14' 41"	9° 47' 58"	106° 16' 57"	C-48-57-A-d; C-48-57-B-c
kênh Thống Nhất	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 51"	106° 27' 04"	C-48-57-B-c
Ngã ba Chùa	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần	9° 48' 07"	106° 14' 15"					C-48-57-A-d
sông Tập Ngãi	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 07"	106° 14' 15"	C-48-57-B-c
sông Trà Mềm	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 43' 34"	106° 16' 02"	9° 48' 07"	106° 14' 15"	C-48-57-A-d; C-48-57-B-c
sông Trà Mềm	TV	xã Ngãi Hùng	H. Tiểu Cần			9° 43' 34"	106° 16' 02"	9° 48' 07"	106° 14' 15"	C-48-57-B-c
ấp Bà Ép	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 41"	106° 10' 20"					C-48-57-A-d
ấp Cầu Tre	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 47' 44"	106° 10' 02"					C-48-57-A-d
ấp Cây Hẹ	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 49' 47"	106° 11' 27"					C-48-57-A-d
ấp Đại Mong	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 21"	106° 10' 44"					C-48-57-A-d
ấp Đại Trường	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 56"	106° 09' 11"					C-48-57-A-d
ấp Ô Ét	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 49' 36"	106° 10' 01"					C-48-57-A-d
ấp Sóc Tre	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 49' 10"	106° 11' 02"					C-48-57-A-d
ấp Xóm Vó	DC	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 08"	106° 11' 23"					C-48-57-A-d
Quốc lộ 54	KX	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-d
Quốc lộ 60	KX	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			10° 01' 46"	106° 18' 15"	9° 45' 20"	106° 06' 21"	C-48-57-A-d
chùa Arun Rangsi	KX	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 49' 04"	106° 09' 29"					C-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Kom Phong	KX	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần	9° 48' 33"	106° 10' 59"					C-48-57-A-d
kênh Bà Liếp	TV	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			9° 48' 35"	106° 11' 16"	9° 48' 48"	106° 12' 18"	C-48-57-A-d
kênh Cầu Tre	TV	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			9° 48' 36"	106° 09' 10"	9° 47' 00"	106° 09' 57"	C-48-57-A-d
kênh Cây Hẹ	TV	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			9° 49' 07"	106° 11' 14"	9° 49' 49"	106° 12' 25"	C-48-57-A-d
kênh Phú Thọ 1	TV	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			9° 49' 45"	106° 09' 49"	9° 49' 59"	106° 10' 54"	C-48-57-A-d
sông Đại Sư	TV	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			9° 49' 39"	106° 13' 50"	9° 48' 04"	106° 12' 30"	C-48-57-A-d
sông Tiểu Cần	TV	xã Phú Cần	H. Tiểu Cần			9° 50' 10"	106° 11' 06"	9° 47' 51"	106° 12' 01"	C-48-57-A-d
ấp An Cư	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 47' 13"	106° 10' 42"					C-48-57-A-d
ấp Cần Tiêu	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 46' 34"	106° 10' 34"					C-48-57-A-d
ấp Cao Một	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 23"	106° 10' 16"					C-48-57-A-d
ấp Nhơn Hòa	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 46' 36"	106° 09' 56"					C-48-57-A-d
ấp Sóc Dừa	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 44' 31"	106° 09' 52"					C-48-57-C-b
ấp Sóc Tràm	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 44' 37"	106° 09' 15"					C-48-57-C-b
ấp Tân Thành Đông	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 34"	106° 08' 50"					C-48-57-A-d
ấp Tân Thành Tây	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 45' 48"	106° 07' 33"					C-48-57-A-d
Ấp Trẹm	DC	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 44' 29"	106° 08' 17"					C-48-57-C-b
chùa Oveng Thmây (Sóc Dừa)	KX	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần	9° 44' 43"	106° 09' 53"					C-48-57-C-b
kênh Cây Dương	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 44' 31"	106° 08' 55"	9° 43' 27"	106° 09' 25"	C-48-57-C-b
Kênh Sườn	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 44' 05"	106° 08' 14"	9° 44' 31"	106° 08' 55"	C-48-57-C-b
rạch Cao Một	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 45' 42"	106° 10' 45"	9° 45' 57"	106° 09' 30"	C-48-57-A-d
Rạch Ranh	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 45' 42"	106° 10' 45"	9° 46' 58"	106° 11' 01"	C-48-57-A-d
Rạch Trẹm	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 44' 23"	106° 08' 47"	9° 44' 21"	106° 08' 01"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cần Chông	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 48' 07"	106° 14' 15"	9° 45' 19"	106° 07' 04"	C-48-57-A-d; C-48-57-A-c
Sông Hậu	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b; C-48-57-A-c
sông Sóc Tràm	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 45' 42"	106° 10' 45"	9° 44' 31"	106° 08' 55"	C-48-57-C-b
sông Tiểu Cần	TV	xã Tân Hòa	H. Tiểu Cần			9° 50' 10"	106° 11' 06"	9° 47' 51"	106° 12' 01"	C-48-57-A-d
Ấp Chợ	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 23"	106° 11' 59"					C-48-57-A-d
Ấp Nhì	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 49"	106° 13' 49"					C-48-57-A-d
Ấp Nhứt	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 43"	106° 12' 19"					C-48-57-A-d
ấp Phụng Sa	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 46' 51"	106° 13' 07"					C-48-57-A-d
Ấp Sáu	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 46' 53"	106° 11' 33"					C-48-57-A-d
ấp Te Te 1	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 46' 28"	106° 13' 08"					C-48-57-A-d
ấp Te Te 2	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 46' 30"	106° 13' 45"					C-48-57-A-d
ấp Trà Mềm	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 46' 20"	106° 14' 58"					C-48-57-A-d
ấp Trung Tiến	DC	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 47' 21"	106° 14' 44"					C-48-57-A-d
Quốc lộ 54	KX	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-A-d
chùa Ô Chrây	KX	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 48' 03"	106° 14' 13"					C-48-57-A-d
chùa Prek Tung	KX	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần	9° 46' 52"	106° 11' 13"					C-48-57-A-d
rạch Te Te Nhỏ	TV	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần			9° 46' 29"	106° 13' 03"	9° 45' 22"	106° 13' 14"	C-48-57-A-d
sông Cần Chông	TV	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần			9° 48' 07"	106° 14' 15"	9° 45' 19"	106° 07' 04"	C-48-57-A-d
sông Rạch Dung	TV	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần			9° 46' 52"	106° 12' 07"	9° 47' 15"	106° 11' 45"	C-48-57-A-d
sông Te Te	TV	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần			9° 46' 27"	106° 15' 03"	9° 46' 52"	106° 12' 17"	C-48-57-A-d
sông Trà Mềm	TV	xã Tân Hùng	H. Tiểu Cần			9° 43' 34"	106° 16' 02"	9° 48' 07"	106° 14' 15"	C-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cây Gáo	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 13"	106° 13' 26"					C-48-57-A-d
ấp Cây Ổi	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 50' 29"	106° 14' 30"					C-48-57-A-d
ấp Đại Sư	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 20"	106° 12' 33"					C-48-57-A-d
ấp Giồng Tranh	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 50' 35"	106° 15' 49"					C-48-57-B-c
ấp Lê Văn Quới	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 35"	106° 16' 17"					C-48-57-B-c
ấp Ngãi Hòa	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 25"	106° 14' 02"					C-48-57-A-d
ấp Ngãi Trung	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 48"	106° 15' 13"					C-48-57-B-c
ấp Ngô Văn Kiệt	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 04"	106° 16' 28"					C-48-57-B-c
ấp Ông Xây	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 49' 14"	106° 13' 14"					C-48-57-A-d
cầu Ngãi Trung	KX	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 47"	106° 14' 40"					C-48-57-A-d
chùa Đai Tô Tưng	KX	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 50' 40"	106° 15' 56"					C-48-57-B-c
chùa Ô Chuc	KX	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 48' 38"	106° 14' 18"					C-48-57-A-d
Đường tỉnh 912	KX	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 12"	106° 12' 05"	9° 49' 35"	106° 21' 02"	C-48-57-A-d; C-48-57-B-c
kênh Đại Sư - Cây Dương	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 30"	106° 12' 26"	9° 49' 46"	106° 16' 34"	C-48-57-B-c; C-48-57-A-d
kênh Đường Bưng	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 50' 10"	106° 14' 06"	9° 50' 34"	106° 14' 01"	C-48-57-A-d
kênh Hai Thiệt	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 24"	106° 16' 17"	9° 47' 23"	106° 16' 24"	C-48-57-B-c
kênh Lê Văn Quới -	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 38"	106° 15' 58"	9° 50' 34"	106° 15' 45"	C-48-57-B-c
kênh Ngãi Thuận	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 47' 41"	106° 14' 41"	9° 47' 58"	106° 16' 57"	C-48-57-B-c
kênh Ngãi Trung	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 42"	106° 14' 40"	9° 52' 20"	106° 13' 15"	C-48-57-A-d
kênh Ô Đùng	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 49' 39"	106° 13' 50"	9° 53' 03"	106° 11' 19"	C-48-57-A-d
kênh Ô Giữa	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 50' 24"	106° 14' 04"	9° 50' 27"	106° 14' 51"	C-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Giồng Tranh	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 50' 34"	106° 15' 45"	9° 51' 09"	106° 16' 09"	C-48-57-B-c
rạch Tư Minh	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 49' 38"	106° 12' 47"	9° 49' 12"	106° 12' 58"	C-48-57-A-d
sông Cần Chông	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 07"	106° 14' 15"	9° 45' 19"	106° 07' 04"	C-48-57-B-c
sông Đại Sư	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 49' 39"	106° 13' 50"	9° 48' 04"	106° 12' 30"	C-48-57-A-d
sông Ông Xây	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 49' 54"	106° 14' 15"	9° 49' 39"	106° 13' 50"	C-48-57-A-d
sông Tập Ngãi	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 07"	106° 14' 15"	C-48-57-A-d, C-48-57-B-c
Khóm 1	DC	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 37' 10"	106° 16' 46"					C-48-57-D-c
Khóm 2	DC	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 37' 05"	106° 17' 00"					C-48-57-D-c
Khóm 3	DC	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 36' 49"	106° 17' 11"					C-48-57-D-c
Khóm 4	DC	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 37' 06"	106° 17' 17"					C-48-57-D-c
Khóm 5	DC	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 37' 18"	106° 17' 35"					C-48-57-D-c
Khóm 6	DC	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 37' 21"	106° 17' 50"					C-48-57-D-c
Khóm 7	DC	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 37' 42"	106° 18' 23"					C-48-57-D-a
Quốc lộ 53	KX	TT. Định An	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-c
chùa Phnô Sanke Thmây	KX	TT. Định An	H. Trà Cú	9° 37' 19"	106° 17' 49"					C-48-57-D-c
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	TT. Định An	H. Trà Cú			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-c
Khóm 1	DC	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 41' 04"	106° 15' 39"					C-48-57-D-a
Khóm 2	DC	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 40' 45"	106° 15' 35"					C-48-57-D-a
Khóm 3	DC	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 41' 13"	106° 15' 26"					C-48-57-D-a
Khóm 4	DC	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 41' 29"	106° 15' 33"					C-48-57-D-a
Khóm 5	DC	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 41' 44"	106° 15' 36"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 6	DC	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 41' 46"	106° 15' 48"					C-48-57-D-a
Khóm 7	DC	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 41' 55"	106° 15' 29"					C-48-57-D-a
Quốc lộ 53	KX	TT. Trà Cú	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a
Bệnh viện đa khoa Trà Cú	KX	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 40' 47"	106° 15' 44"					C-48-57-D-a
cầu Trà Cú	KX	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 41' 48"	106° 15' 25"					C-48-57-D-a
chùa Ông Bổn	KX	TT. Trà Cú	H. Trà Cú	9° 40' 49"	106° 15' 42"					C-48-57-D-a
rạch Thanh Sơn	TV	TT. Trà Cú	H. Trà Cú			9° 41' 07"	106° 17' 23"	9° 41' 43"	106° 15' 45"	C-48-57-D-a
sông Trà Cú	TV	TT. Trà Cú	H. Trà Cú			9° 41' 59"	106° 16' 35"	9° 41' 46"	106° 14' 26"	C-48-57-D-a
ấp Búng Đôi	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 36"	106° 09' 35"					C-48-57-C-b
Ấp Chợ	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 31"	106° 10' 48"					C-48-57-C-b
ấp Dầu Đôi	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 24"	106° 10' 21"					C-48-57-C-b
Ấp Leng	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 45' 04"	106° 12' 11"					C-48-57-C-b
ấp Ngã Ba	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 44' 03"	106° 10' 53"					C-48-57-C-b
Ấp Phố	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 49"	106° 11' 37"					C-48-57-C-b
Ấp Rẩy	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 51"	106° 10' 24"					C-48-57-C-b
ấp Sóc Tro Dưới	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 42' 58"	106° 10' 16"					C-48-57-C-b
ấp Sóc Tro Giữa	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 09"	106° 11' 02"					C-48-57-C-b
ấp Sóc Tro Trên	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 28"	106° 12' 00"					C-48-57-C-b
Ấp Vàm	DC	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 30"	106° 08' 56"					C-48-57-C-b
chùa Kom Pong	KX	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 38"	106° 11' 00"					C-48-57-C-b
chùa Kro	KX	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 04"	106° 10' 41"					C-48-57-C-b
chùa Ông Bổn	KX	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 44' 02"	106° 12' 40"					C-48-57-C-b
chùa Phước Long	KX	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 36"	106° 10' 48"					C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cống Bắc Trang	KX	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 43' 27"	106° 09' 27"					C-48-57-C-b
đình Ngã Ba	KX	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú	9° 44' 09"	106° 10' 53"					C-48-57-C-b
Kênh 135	TV	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú			9° 43' 12"	106° 11' 23"	9° 43' 31"	106° 12' 26"	C-48-57-C-b
kênh Bắc Trang	TV	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú			9° 43' 17"	106° 08' 56"	9° 45' 18"	106° 12' 02"	C-48-57-C-b
kênh Cây Dương	TV	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú			9° 44' 31"	106° 08' 55"	9° 43' 27"	106° 09' 25"	C-48-57-C-b
kênh T9	TV	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú			9° 42' 57"	106° 13' 26"	9° 45' 12"	106° 12' 28"	C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b
sông Ông Rùm	TV	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú			9° 44' 52"	106° 14' 25"	9° 45' 18"	106° 12' 02"	C-48-57-A-d
sông Sóc Tràm	TV	xã An Quảng Hữu	H. Trà Cú			9° 45' 42"	106° 10' 45"	9° 44' 31"	106° 08' 55"	C-48-57-C-b
ấp Cây Da	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 45"	106° 18' 38"					C-48-57-D-a
Ấp Chợ	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 18"	106° 18' 03"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Đình	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 37' 50"	106° 17' 35"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Lớn A	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 32"	106° 16' 44"					C-48-57-D-a
ấp Mé Rạch B	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 19"	106° 17' 44"					C-48-57-D-a
ấp Mé Rạch E	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 01"	106° 17' 16"					C-48-57-D-a
ấp Trà Kha	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 14"	106° 18' 37"					C-48-57-D-a
ấp Xà Lôn	DC	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 37' 52"	106° 18' 33"					C-48-57-D-a
Quốc lộ 53	KX	xã Đại An	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a
Đường tỉnh 914	KX	xã Đại An	H. Trà Cú			9° 38' 05"	106° 18' 08"	9° 41' 36"	106° 30' 07"	C-48-57-D-a
cầu Đại An	KX	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 21"	106° 18' 04"					C-48-57-D-a
chợ Đại An	KX	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 21"	106° 17' 58"					C-48-57-D-a
chùa Ông Bảo	KX	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 17"	106° 17' 35"					C-48-57-D-a
chùa Phno Đung	KX	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 43"	106° 18' 06"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Phnô Sanke Chás	KX	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 17"	106° 18' 43"					C-48-57-D-a
thánh thất cao đài	KX	xã Đại An	H. Trà Cú	9° 38' 10"	106° 18' 24"					C-48-57-D-a
kênh Bến Tranh	TV	xã Đại An	H. Trà Cú			9° 37' 18"	106° 15' 43"	9° 37' 34"	106° 17' 01"	C-48-57-D-c
kênh Nguyễn Văn Pho	TV	xã Đại An	H. Trà Cú			9° 36' 40"	106° 16' 58"	9° 37' 45"	106° 28' 19"	C-48-57-D-c
Sông Khoen	TV	xã Đại An	H. Trà Cú			9° 38' 06"	106° 20' 44"	9° 36' 58"	106° 18' 31"	C-48-57-D-c
sông Rạch Cá	TV	xã Đại An	H. Trà Cú			9° 39' 12"	106° 18' 15"	9° 38' 00"	106° 14' 46"	C-48-57-D-a
sông Trà Kha	TV	xã Đại An	H. Trà Cú			9° 38' 36"	106° 18' 45"	9° 38' 01"	106° 16' 39"	C-48-57-D-a
ấp Bến Tranh	DC	xã Định An	H. Trà Cú	9° 37' 47"	106° 15' 58"					C-48-57-D-a
ấp Cá Lóc	DC	xã Định An	H. Trà Cú	9° 37' 13"	106° 16' 16"					C-48-57-D-c
Ấp Chợ	DC	xã Định An	H. Trà Cú	9° 38' 03"	106° 16' 19"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Giữa	DC	xã Định An	H. Trà Cú	9° 38' 01"	106° 15' 29"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Lớn B	DC	xã Định An	H. Trà Cú	9° 38' 30"	106° 16' 15"					C-48-57-D-a
ấp Vàm Bến Tranh	DC	xã Định An	H. Trà Cú	9° 37' 39"	106° 15' 26"					C-48-57-D-a
chùa An Thành	KX	xã Định An	H. Trà Cú	9° 38' 12"	106° 16' 15"					C-48-57-D-a
Chùa Bà	KX	xã Định An	H. Trà Cú	9° 37' 33"	106° 16' 10"					C-48-57-D-a
miếu Ông Bổn	KX	xã Định An	H. Trà Cú	9° 38' 32"	106° 15' 59"					C-48-57-D-a
kênh Bến Tranh	TV	xã Định An	H. Trà Cú			9° 37' 18"	106° 15' 43"	9° 37' 34"	106° 17' 01"	C-48-57-D-a
Sông Hậu	TV	xã Định An	H. Trà Cú			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-c; C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
sông Rạch Cá	TV	xã Định An	H. Trà Cú			9° 39' 12"	106° 18' 15"	9° 38' 00"	106° 14' 46"	C-48-57-C-b; C-48-57-D-a
sông Trà Kha	TV	xã Định An	H. Trà Cú			9° 38' 36"	106° 18' 45"	9° 38' 01"	106° 16' 39"	C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cà Tốc	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 39' 51"	106° 18' 06"					C-48-57-D-a
Ấp Chợ	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 40' 11"	106° 17' 46"					C-48-57-D-a
ấp Nhuệ Tứ A	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 39' 08"	106° 18' 33"					C-48-57-D-a
ấp Nhuệ Tứ B	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 39' 40"	106° 19' 06"					C-48-57-D-a
ấp Trà Tro	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 40' 26"	106° 17' 39"					C-48-57-D-a
ấp Trà Tro A	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 40' 35"	106° 18' 23"					C-48-57-D-a
ấp Trà Tro B	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 41' 08"	106° 19' 13"					C-48-57-D-a
ấp Trà Tro C	DC	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 41' 30"	106° 18' 58"					C-48-57-D-a
Quốc lộ 53	KX	xã Hàm Giang	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a
chùa Bantay Kro	KX	xã Hàm Giang	H. Trà Cú	9° 40' 50"	106° 18' 45"					C-48-57-D-a
kênh Rạch Bần	TV	xã Hàm Giang	H. Trà Cú			9° 42' 05"	106° 20' 42"	9° 41' 07"	106° 17' 23"	C-48-57-D-a
kênh Thầy Nại	TV	xã Hàm Giang	H. Trà Cú			9° 42' 50"	106° 25' 43"	9° 40' 04"	106° 17' 37"	C-48-57-D-a
sông Rạch Cá	TV	xã Hàm Giang	H. Trà Cú			9° 39' 12"	106° 18' 15"	9° 38' 00"	106° 14' 46"	C-48-57-D-a
sông Tổng Long	TV	xã Hàm Giang	H. Trà Cú			9° 40' 04"	106° 17' 37"	9° 39' 25"	106° 12' 55"	C-48-57-D-a
ấp Bến Bạ	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 07"	106° 13' 45"					C-48-57-C-b
ấp Cà Hom	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 11"	106° 14' 23"					C-48-57-C-b
ấp Cà Săng	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 51"	106° 17' 25"					C-48-57-D-a
ấp Cà Săng Cụt	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 19"	106° 17' 41"					C-48-57-D-a
Ấp Chợ	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 18"	106° 14' 57"					C-48-57-C-b
ấp Rạch Cá	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 38' 24"	106° 15' 03"					C-48-57-D-a
ấp Vàm Ray	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 41"	106° 16' 51"					C-48-57-D-a
ấp Vàm Ray A	DC	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 23"	106° 16' 17"					C-48-57-D-a
Quốc lộ 53	KX	xã Hàm Tân	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Bonrai Chás	KX	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 23"	106° 16' 23"					C-48-57-D-a
chùa Bonrai Thmây	KX	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 41"	106° 17' 06"					C-48-57-D-a
chùa Cà Hom	KX	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 12"	106° 14' 00"					C-48-57-C-b
chùa Phước Long Cung	KX	xã Hàm Tân	H. Trà Cú	9° 39' 15"	106° 14' 56"					C-48-57-C-b
Rạch Cá	TV	xã Hàm Tân	H. Trà Cú			9° 39' 02"	106° 14' 04"	9° 38' 44"	106° 15' 24"	C-48-57-C-b; C-48-57-D-a
Sông Hậu	TV	xã Hàm Tân	H. Trà Cú			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b
sông Rạch Cá	TV	xã Hàm Tân	H. Trà Cú			9° 39' 12"	106° 18' 15"	9° 38' 00"	106° 14' 46"	C-48-57-C-b; C-48-57-D-a
sông Tổng Long	TV	xã Hàm Tân	H. Trà Cú			9° 40' 04"	106° 17' 37"	9° 39' 25"	106° 12' 55"	C-48-57-C-b; C-48-57-D-a
ấp Bãi Xào Chót	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 42"	106° 12' 57"					C-48-57-C-b
ấp Bãi Xào Dơi A	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 30"	106° 14' 19"					C-48-57-C-b
ấp Bãi Xào Dơi B	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 18"	106° 14' 06"					C-48-57-C-b
ấp Bãi Xào Giữa	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 16"	106° 13' 31"					C-48-57-C-b
ấp Thanh Xuyên	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 31"	106° 15' 34"					C-48-57-D-a
ấp Trà Cú A	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 42"	106° 15' 00"					C-48-57-D-a
ấp Trà Cú B	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 23"	106° 14' 53"					C-48-57-C-b
ấp Trà Cú C	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 38"	106° 14' 42"					C-48-57-C-b
ấp Xoài Rùm	DC	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 05"	106° 12' 19"					C-48-57-C-b
Quốc lộ 53	KX	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a
chùa Ba Chhao	KX	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 26"	106° 14' 08"					C-48-57-C-b
chùa Chrôi Tansa	KX	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 25"	106° 13' 21"					C-48-57-C-b
chùa Thcâu	KX	xã Kim Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 38"	106° 15' 12"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Trà Và	TV	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			9° 40' 51"	106° 13' 01"	9° 41' 45"	106° 13' 11"	C-48-57-C-b
rạch Xa Xi 1	TV	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			9° 40' 36"	106° 14' 33"	9° 41' 46"	106° 14' 26"	C-48-57-C-b
rạch Xa Xi 2	TV	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			9° 41' 38"	106° 15' 19"	9° 41' 36"	106° 14' 25"	C-48-57-C-b; C-48-57-D-a
rạch Xẻo Son	TV	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			9° 40' 51"	106° 13' 01"	9° 40' 55"	106° 11' 41"	C-48-57-C-b
rạch Xoài Rùm	TV	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			9° 40' 00"	106° 12' 53"	9° 39' 39"	106° 13' 24"	C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b
sông Tổng Long	TV	xã Kim Sơn	H. Trà Cú			9° 40' 04"	106° 17' 37"	9° 39' 25"	106° 12' 55"	C-48-57-C-b; C-48-57-D-a
Ấp Chợ	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 42' 28"	106° 20' 16"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Chanh A	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 42"	106° 23' 25"					C-48-57-D-b
ấp Giồng Chanh B	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 26"	106° 22' 50"					C-48-57-D-b
ấp Nô Rè A	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 14"	106° 22' 00"					C-48-57-D-a
ấp Nô Rè B	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 42' 47"	106° 21' 01"					C-48-57-D-a
ấp Trà Sất A	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 42' 19"	106° 19' 56"					C-48-57-D-a
ấp Trà Sất B	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 42' 04"	106° 19' 26"					C-48-57-D-a
ấp Trà Sất C	DC	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 41' 55"	106° 18' 42"					C-48-57-D-a
chùa Ba Tục	KX	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 41' 54"	106° 19' 04"					C-48-57-D-a
chùa Phnô Prel	KX	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 20"	106° 22' 13"					C-48-57-D-a
chùa Ta Sất	KX	xã Long Hiệp	H. Trà Cú	9° 42' 29"	106° 20' 27"					C-48-57-D-a
Kênh 3 tháng 2	TV	xã Long Hiệp	H. Trà Cú			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 48' 29"	106° 16' 51"	C-48-57-D-a
kênh Ba Tục	TV	xã Long Hiệp	H. Trà Cú			9° 43' 33"	106° 19' 37"	9° 42' 07"	106° 18' 25"	C-48-57-D-a
kênh Bóng Trường	TV	xã Long Hiệp	H. Trà Cú			9° 43' 01"	106° 20' 35"	9° 44' 38"	106° 23' 23"	C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chị Sáu	TV	xã Long Hiệp	H. Trà Cú			9° 42' 29"	106° 16' 05"	9° 43' 00"	106° 20' 06"	C-48-57-D-a
Ấp Chợ	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 41' 59"	106° 13' 19"					C-48-57-C-b
ấp Long Hưng	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 41' 31"	106° 13' 28"					C-48-57-C-b
ấp Long Thuận	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 41' 01"	106° 11' 46"					C-48-57-C-b
ấp Lưu Cừ I	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 14"	106° 12' 07"					C-48-57-C-b
ấp Lưu Cừ II	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 15"	106° 11' 06"					C-48-57-C-b
ấp Mộc Anh	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 23"	106° 13' 31"					C-48-57-C-b
Ấp Vàm	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 41' 18"	106° 11' 15"					C-48-57-C-b
Ấp Vịnh	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 41' 37"	106° 12' 47"					C-48-57-C-b
ấp Xoài Lơ	DC	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 25"	106° 10' 21"					C-48-57-C-b
chùa Chum Nit	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 12"	106° 11' 31"					C-48-57-C-b
chùa Long Thành	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 40' 50"	106° 11' 36"					C-48-57-C-b
chùa Thiên Phước	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 41' 47"	106° 13' 12"					C-48-57-C-b
chùa Xoài Dọt	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 12"	106° 12' 53"					C-48-57-C-b
Công ty cổ phần	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 06"	106° 13' 50"					C-48-57-C-b
đình Nguyễn Trung	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 01"	106° 12' 50"					C-48-57-C-b
đình Ông Bổn	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 00"	106° 12' 24"					C-48-57-C-b
khu di tích Óc Eo	KX	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú	9° 42' 21"	106° 11' 01"					C-48-57-C-b
rạch Giồng Niếp	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 42' 02"	106° 10' 38"	9° 41' 33"	106° 12' 03"	C-48-57-C-b
rạch Lưu Cừ	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 42' 48"	106° 11' 29"	9° 41' 57"	106° 11' 29"	C-48-57-C-b
rạch Trà Cú	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 41' 46"	106° 14' 26"	9° 41' 02"	106° 11' 03"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Trà Và	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 40' 51"	106° 13' 01"	9° 41' 45"	106° 13' 11"	C-48-57-C-b
rạch Xa Xi 1	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 40' 36"	106° 14' 33"	9° 41' 46"	106° 14' 26"	C-48-57-C-b
rạch Xa Xi 2	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 41' 38"	106° 15' 19"	9° 41' 36"	106° 14' 25"	C-48-57-C-b
rạch Xẻo Lá	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 42' 39"	106° 10' 44"	9° 41' 27"	106° 10' 33"	C-48-57-C-b
rạch Xẻo Son	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 40' 51"	106° 13' 01"	9° 40' 55"	106° 11' 41"	C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã Lưu Nghiệp	H. Trà Cú			9° 55' 17"	105° 57' 04"	9° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b
ấp Cầu Hanh	DC	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 22"	106° 16' 24"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Tranh	DC	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 25"	106° 17' 41"					C-48-57-D-a
ấp Vàm Buôn	DC	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 43' 42"	106° 17' 03"					C-48-57-D-a
ấp Xa Xi	DC	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 41' 45"	106° 14' 49"					C-48-57-C-b
ấp Xoài Thum	DC	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 25"	106° 14' 22"					C-48-57-C-b
ấp Xoài Xiêm	DC	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 17"	106° 15' 33"					C-48-57-D-a
ấp Xóm Chòi	DC	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 40"	106° 16' 10"					C-48-57-D-a
Quốc lộ 53	KX	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a
cầu Bưng Sen	KX	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 41"	106° 15' 27"					C-48-57-D-a
chùa Phước Long An	KX	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 41"	106° 16' 09"					C-48-57-D-a
chùa Tul Tathuc	KX	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 30"	106° 17' 34"					C-48-57-D-a
chùa Xoài Xiêm Chás	KX	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 11"	106° 15' 24"					C-48-57-D-a
chùa Xoài Xiêm Thmây	KX	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú	9° 42' 29"	106° 15' 34"					C-48-57-D-a
kênh Chị Sáu	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 42' 29"	106° 16' 05"	9° 43' 00"	106° 20' 06"	C-48-57-D-a
rạch Bưng Sen	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 43' 17"	106° 15' 08"	9° 42' 20"	106° 16' 03"	C-48-57-D-a
rạch Trà Cú	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 41' 46"	106° 14' 26"	9° 41' 02"	106° 11' 03"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Vàm Buôn	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 44' 02"	106° 16' 55"	9° 41' 54"	106° 16' 07"	C-48-57-D-a
rạch Xa Xi	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 40' 36"	106° 14' 33"	9° 41' 46"	106° 14' 26"	C-48-57-C-b
rạch Xa Xi	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 41' 38"	106° 15' 19"	9° 41' 36"	106° 14' 25"	C-48-57-C-b
rạch Xóm Chòi	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 43' 46"	106° 16' 19"	9° 43' 33"	106° 16' 03"	C-48-57-D-a
sông Trà Cú	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 41' 59"	106° 16' 35"	9° 41' 46"	106° 14' 26"	C-48-57-D-a
sông Trà Cú	TV	xã Ngãi Xuyên	H. Trà Cú			9° 41' 59"	106° 16' 35"	9° 41' 46"	106° 14' 26"	C-48-57-C-b
ấp Ba Cụm	DC	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 41' 36"	106° 20' 09"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Cao	DC	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 42' 25"	106° 22' 25"					C-48-57-D-a
ấp Rạch Bót	DC	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 42' 33"	106° 22' 57"					C-48-57-D-b
ấp Sà Vần A	DC	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 42' 07"	106° 21' 44"					C-48-57-D-a
ấp Sà Vần B	DC	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 41' 57"	106° 21' 17"					C-48-57-D-a
ấp Tắc Hố	DC	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 43' 24"	106° 24' 03"					C-48-57-D-b
ấp Tha La	DC	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 42' 59"	106° 23' 34"					C-48-57-D-b
cầu Sà Vần	KX	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 41' 47"	106° 20' 51"					C-48-57-D-a
chợ Tha La	KX	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 42' 45"	106° 23' 19"					C-48-57-D-b
chùa Ba Cụm	KX	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 41' 28"	106° 19' 37"					C-48-57-D-a
chùa Bras Prang	KX	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 42' 19"	106° 22' 12"					C-48-57-D-a
chùa Brây Vo	KX	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú	9° 42' 12"	106° 21' 54"					C-48-57-D-a
Kênh 3 tháng 2	TV	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 48' 29"	106° 16' 51"	C-48-57-D-a
kênh Rạch Bần	TV	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú			9° 42' 05"	106° 20' 42"	9° 41' 07"	106° 17' 23"	C-48-57-D-a
kênh Thầy Nại	TV	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú			9° 42' 50"	106° 25' 43"	9° 40' 04"	106° 17' 37"	C-48-57-D-a; C-48-57-D-b
Sông Củ	TV	xã Ngọc Biên	H. Trà Cú			9° 42' 00"	106° 23' 35"	9° 43' 02"	106° 24' 32"	C-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bến Chùa	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 06"	106° 17' 21"					C-48-57-B-c
Ấp Chợ	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 42"	106° 18' 30"					C-48-57-B-c
ấp Chợ Dưới	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 39"	106° 18' 23"					C-48-57-B-c
ấp Chợ Trên	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 58"	106° 18' 57"					C-48-57-B-c
ấp Chòm Chuối	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 31"	106° 18' 11"					C-48-57-B-c
ấp Đầu Giồng A	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 46' 39"	106° 19' 49"					C-48-57-B-c
ấp Đầu Giồng B	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 46' 45"	106° 19' 44"					C-48-57-B-c
ấp Ô Rung	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 46' 28"	106° 17' 09"					C-48-57-B-c
Ấp Trạm	DC	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 46' 11"	106° 19' 16"					C-48-57-B-c
Quốc lộ 54	KX	xã Phước Hưng	H. Trà Cú			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-B-c; C-48-57-D-a
cầu Phước Hưng	KX	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 39"	106° 18' 29"					C-48-57-B-c
chùa Chông Prây	KX	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 46' 17"	106° 19' 30"					C-48-57-B-c
chùa Pháp Võ	KX	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 43"	106° 18' 37"					C-48-57-B-c
chùa Sleng Chas	KX	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 44' 50"	106° 16' 48"					C-48-57-D-a
chùa Sleng Thmây	KX	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 45' 19"	106° 17' 30"					C-48-57-B-c
ngã Ba Trạm	KX	xã Phước Hưng	H. Trà Cú	9° 46' 05"	106° 19' 14"					C-48-57-B-c
Kênh 3 tháng 2	TV	xã Phước Hưng	H. Trà Cú			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 48' 29"	106° 16' 51"	C-48-57-B-c; C-48-57-D-a
kênh Sóc Cụt	TV	xã Phước Hưng	H. Trà Cú			9° 44' 47"	106° 18' 56"	9° 45' 28"	106° 22' 06"	C-48-57-D-a
rạch Ô Rung	TV	xã Phước Hưng	H. Trà Cú			9° 46' 01"	106° 15' 30"	9° 46' 41"	106° 17' 44"	C-48-57-B-c
ấp Ba Trạch A	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 34"	106° 19' 03"					C-48-57-D-a
ấp Ba Trạch B	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 32"	106° 18' 26"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bến Nố	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 35"	106° 21' 30"					C-48-57-D-a
ấp Chông Bát	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 44' 15"	106° 20' 43"					C-48-57-D-a
ấp Con Lọp	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 33"	106° 17' 36"					C-48-57-D-a
ấp Long Trường	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 50"	106° 20' 17"					C-48-57-D-a
ấp Nô Đùng	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 16"	106° 19' 16"					C-48-57-D-a
ấp Nô Men	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 31"	106° 19' 59"					C-48-57-D-a
ấp Sóc Ruộng	DC	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 44' 51"	106° 19' 39"					C-48-57-D-a
chùa Ba Trạch	KX	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 37"	106° 19' 26"					C-48-57-D-a
chùa Cos Lọp	KX	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 31"	106° 17' 52"					C-48-57-D-a
chùa Phnô An Đung	KX	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 26"	106° 19' 38"					C-48-57-D-a
chùa Phnô Om Pung	KX	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 43' 54"	106° 20' 41"					C-48-57-D-a
chùa Rong Vel	KX	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 44' 58"	106° 19' 46"					C-48-57-D-a
chùa Trô Brás Bat	KX	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú	9° 44' 02"	106° 21' 09"					C-48-57-D-a
Kênh 3 tháng 2	TV	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú			9° 39' 09"	106° 22' 54"	9° 48' 29"	106° 16' 51"	C-48-57-D-a
kênh Ba Tục	TV	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú			9° 43' 33"	106° 19' 37"	9° 42' 07"	106° 18' 25"	C-48-57-D-a
kênh Bóng Trường	TV	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú			9° 43' 01"	106° 20' 35"	9° 44' 38"	106° 23' 23"	C-48-57-D-a
kênh Chị Sáu	TV	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú			9° 42' 29"	106° 16' 05"	9° 43' 00"	106° 20' 06"	C-48-57-D-a
kênh Sóc Cụt	TV	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú			9° 44' 47"	106° 18' 56"	9° 45' 28"	106° 22' 06"	C-48-57-D-a; C-48-57-B-c
rạch Ba Trạch	TV	xã Tân Hiệp	H. Trà Cú			9° 43' 20"	106° 18' 23"	9° 42' 33"	106° 16' 03"	C-48-57-D-a
ấp Bến Thế	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 45' 13"	106° 14' 18"					C-48-57-A-d
Ấp Chợ	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 43' 53"	106° 12' 58"					C-48-57-C-b
ấp Đôn Chụm	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 17"	106° 13' 42"					C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Đôn Chụm A	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 24"	106° 14' 07"					C-48-57-C-b
ấp Đồn Điền	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 14"	106° 14' 11"					C-48-57-C-b
ấp Đồn Điền A	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 00"	106° 14' 16"					C-48-57-C-b
Ấp Leng	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 41"	106° 12' 32"					C-48-57-C-b
ấp Ông Rùm	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 45' 15"	106° 13' 51"					C-48-57-A-d
ấp Thốt Nốt	DC	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 29"	106° 14' 40"					C-48-57-C-b
Quốc lộ 54	KX	xã Tân Sơn	H. Trà Cú			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-C-b
chùa Bô Thi Bưng	KX	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 05"	106° 13' 01"					C-48-57-C-b
niệm phật đường Bình An	KX	xã Tân Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 24"	106° 14' 20"					C-48-57-C-b
kênh T9	TV	xã Tân Sơn	H. Trà Cú			9° 42' 57"	106° 13' 26"	9° 45' 12"	106° 12' 28"	C-48-57-C-b
sông Ông Rùm	TV	xã Tân Sơn	H. Trà Cú			9° 44' 52"	106° 14' 25"	9° 45' 18"	106° 12' 02"	C-48-57-A-d
ấp Xóm Chòi	DC	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần	9° 49' 16"	106° 13' 57"					C-48-57-A-d
sông Tập Ngãi	TV	xã Tập Ngãi	H. Tiểu Cần			9° 48' 29"	106° 16' 51"	9° 48' 07"	106° 14' 15"	C-48-57-A-d; C-48-57-B-c
ấp Bà Tây A	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 47"	106° 15' 33"					C-48-57-D-a
ấp Bà Tây B	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 42"	106° 16' 00"					C-48-57-D-a
ấp Bà Tây C	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 36"	106° 16' 21"					C-48-57-D-a
ấp Bến Trị	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 51"	106° 15' 11"					C-48-57-D-a
ấp Cây Da	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 12"	106° 14' 41"					C-48-57-C-b
Ấp Chợ	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 18"	106° 15' 21"					C-48-57-D-a
ấp Đông Sơn	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 25"	106° 15' 53"					C-48-57-D-a
Ấp Ô	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 43' 39"	106° 16' 10"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Trà Mềm	DC	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 45' 50"	106° 15' 39"					C-48-57-B-c
Quốc lộ 53	KX	xã Tập Sơn	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a
Quốc lộ 54	KX	xã Tập Sơn	H. Trà Cú			9° 56' 52"	106° 03' 15"	9° 56' 18"	106° 20' 24"	C-48-57-D-a; C-48-57-C-b
cầu Tập Sơn	KX	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 22"	106° 15' 33"					C-48-57-D-a
chùa Chê Đây	KX	xã Tập Sơn	H. Trà Cú	9° 44' 08"	106° 14' 31"					C-48-57-C-b
rạch Ô Rung	TV	xã Tập Sơn	H. Trà Cú			9° 46' 01"	106° 15' 30"	9° 46' 41"	106° 17' 44"	C-48-57-B-c
rạch Vàm Buôn	TV	xã Tập Sơn	H. Trà Cú			9° 44' 02"	106° 16' 55"	9° 41' 54"	106° 16' 07"	C-48-57-D-a
rạch Xóm Chòi	TV	xã Tập Sơn	H. Trà Cú			9° 43' 46"	106° 16' 19"	9° 43' 33"	106° 16' 03"	C-48-57-D-a
sông Trà Mềm	TV	xã Tập Sơn	H. Trà Cú			9° 43' 34"	106° 16' 02"	9° 48' 07"	106° 14' 15"	C-48-57-B-c
ấp Ba Tục A	DC	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 31"	106° 17' 34"					C-48-57-D-a
ấp Ba Tục B	DC	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 31"	106° 18' 17"					C-48-57-D-a
ấp Giồng Ông Thìn	DC	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 18"	106° 17' 45"					C-48-57-D-a
ấp Kosla	DC	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 21"	106° 16' 10"					C-48-57-D-a
ấp Sóc Chà A	DC	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 07"	106° 16' 15"					C-48-57-D-a
ấp Sóc Chà B	DC	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 14"	106° 16' 52"					C-48-57-D-a
ấp Trà Lés	DC	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 44"	106° 16' 42"					C-48-57-D-a
Quốc lộ 53	KX	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			10° 00' 44"	106° 12' 15"	9° 44' 22"	106° 15' 29"	C-48-57-D-a
Chùa Chà	KX	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 16"	106° 17' 19"					C-48-57-D-a
chùa Kosla	KX	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 33"	106° 16' 33"					C-48-57-D-a
chùa Tân Long	KX	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 35"	106° 17' 45"					C-48-57-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày da Mỹ Phong	KX	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 40' 34"	106° 16' 13"					C-48-57-D-a
nhà thờ Tân Long	KX	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú	9° 41' 27"	106° 17' 23"					C-48-57-D-a
kênh Giồng Ông	TV	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			9° 41' 07"	106° 17' 23"	9° 41' 49"	106° 16' 55"	C-48-57-D-a
kênh Rạch Bần	TV	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			9° 42' 05"	106° 20' 42"	9° 41' 07"	106° 17' 23"	C-48-57-D-a
kênh Trà Lés	TV	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			9° 41' 07"	106° 17' 23"	9° 40' 52"	106° 15' 58"	C-48-57-D-a
rạch Sóc Chà	TV	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			9° 41' 12"	106° 16' 30"	9° 41' 54"	106° 16' 40"	C-48-57-D-a
rạch Thanh Sơn	TV	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			9° 42' 07"	106° 18' 25"	9° 41' 59"	106° 16' 35"	C-48-57-D-a
sông Tổng Long	TV	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			9° 40' 04"	106° 17' 37"	9° 39' 25"	106° 12' 55"	C-48-57-D-a
sông Trà Cú	TV	xã Thanh Sơn	H. Trà Cú			9° 41' 59"	106° 16' 35"	9° 41' 46"	106° 14' 26"	C-48-57-D-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng